

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH  
*BINH MINH PLASTICS JSC.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số/No.: 08/BC-BM/HĐQT /2024

TP. HCM, ngày 14 tháng 04 năm 2024  
HCM.C, day 14<sup>th</sup> month Apr. year 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
***EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE***

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam / Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**  
***To: Vietnam Exchange / Hochiminh Stock Exchange***

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CP NHỰA BÌNH MINH / *BINH MINH PLASTIC JOINT STOCK COMPANY***

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: **BMP**

- Địa chỉ/*Address*: 240 Hậu Giang, P.9, Q.6, TP. HCM

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028 39690973

Fax: 028 39606814

- E-mail: [binhminh@binhminhplastic.com.vn](mailto:binhminh@binhminhplastic.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo Thường niên 2023

*The Annual Report 2023*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/04/2024 tại đường dẫn <https://www.binhminhplastic.com.vn> /*This information was published on the company's website on 14 Apr.2024, in the link: https://www.binhminhplastic.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/*Attached*:**

Báo cáo thường niên 2023

*The Annual Report 2023*

**Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative***

**TỔNG GIÁM ĐỐC / *GENERAL DIRECTOR***



**Chaowalit Treejak**



**NHỰA BÌNH MINH<sup>®</sup>**

# DẪN ĐẦU CHẤT LƯỢNG VỮNG BƯỚC VƯƠN XA

Báo cáo thường niên 2023



# MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| Thành tích nổi bật năm 2023               | 04 |
| Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi        | 06 |
| Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 08 |



## CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG

|  |    |
|--|----|
| Thông tin khái quát                                    | 12 |
| Các cột mốc phát triển                                 | 14 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                       | 16 |
| Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 26 |
| Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty                        | 30 |



## CHƯƠNG II CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

|   |    |
|---|----|
| Tổng quan về tình hình kinh tế và ngành nhựa năm 2023 | 46 |
| Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng                   | 50 |
| Phân tích S.W.O.T                                     | 52 |
| Định hướng phát triển                                 | 54 |



## CHƯƠNG III TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

|   |    |
|---|----|
| Tổ chức và Nhân sự                      | 60 |
| Báo cáo và đánh giá của BTGD            | 64 |
| Đánh giá của Hội đồng Quản trị          | 72 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát               | 80 |
| Tình hình tài chính                     | 82 |
| Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án | 86 |

## Danh mục các từ viết tắt

|                            |  |       |                                   |        |   |
|----------------------------|--|-------|-----------------------------------|--------|---|
| BMP/Công ty/Nhựa Bình Minh | ▪ Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh           | SHE   | ▪ An toàn, Sức khỏe và Môi trường | TP.HCM | ▪ Thành phố Hồ Chí Minh                       |
| BMLA                       | ▪ Bình Minh Long An                        | ĐHĐCĐ | ▪ Đại hội đồng cổ đông            | TNDN   | ▪ Thu nhập doanh nghiệp                       |
| BMBD                       | ▪ Bình Minh Bình Dương                     | HĐQT  | ▪ Hội đồng Quản trị               | ĐKDN   | ▪ Đăng ký doanh nghiệp                        |
| BMSG                       | ▪ Bình Minh Sài Gòn                        | BKS   | ▪ Ban Kiểm soát                   | QTRR   | ▪ Quản trị rủi ro                             |
| DPC                        | ▪ Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng             | BTGD  | ▪ Ban Tổng Giám đốc               | KSNB   | ▪ Kiểm soát nội bộ                            |
| NBM                        | ▪ Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc | HĐTV  | ▪ Hội đồng thành viên             | ESG    | ▪ Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp |
| NSNN                       | ▪ Ngân sách Nhà nước                       | NLĐ   | ▪ Người lao động                  | CSR    | ▪ Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp         |



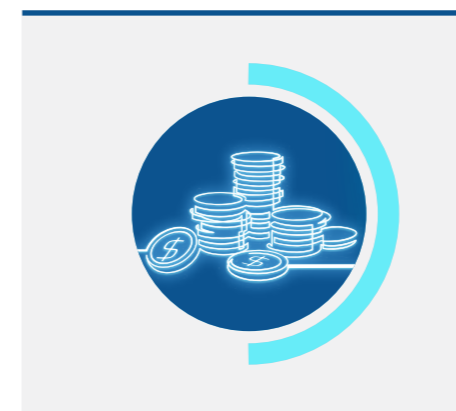
## CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

|   |     |
|---|-----|
| Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị                           | 90  |
| Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát                               | 94  |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 96  |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS   | 98  |
| Tình hình thực hiện nguyên tắc quản trị công ty theo thể điểm ASEAN | 100 |
| Quản trị rủi ro   | 106 |



## CHƯƠNG V BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|   |     |
|---|-----|
| Thông điệp về Phát triển bền vững   | 114 |
| Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững                                  | 116 |
| Các chỉ số phát triển bền vững nổi bật năm 2023                           | 118 |
| Định hướng chiến lược phát triển bền vững                                 | 120 |
| Quản trị phát triển bền vững  | 122 |
| Gắn kết với các bên liên quan   | 126 |
| Các lĩnh vực trọng yếu  | 144 |
| Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023 | 148 |



## CHƯƠNG VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|   |     |
|---|-----|
| Thông tin về Công ty                          | 160 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 161 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 162 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 164 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 168 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 169 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất    | 171 |

# Thành tích nổi bật năm 2023

Quy mô vốn hóa

**8.538**  
TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản

**3.255**  
TỶ ĐỒNG



Tổng doanh thu

**5.200**  
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế

**1.307**  
TỶ ĐỒNG

Chi trả cổ tức

**966**  
TỶ ĐỒNG



**TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM**



**TOP 25 THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU TẠI VIỆT NAM**



**TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT NĂM 2023**



**CHỨNG NHẬN HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2023**



**SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TIÊU BIỂU TP.HCM NĂM 2023**



**DOANH NGHIỆP XANH TP. HCM 2023**

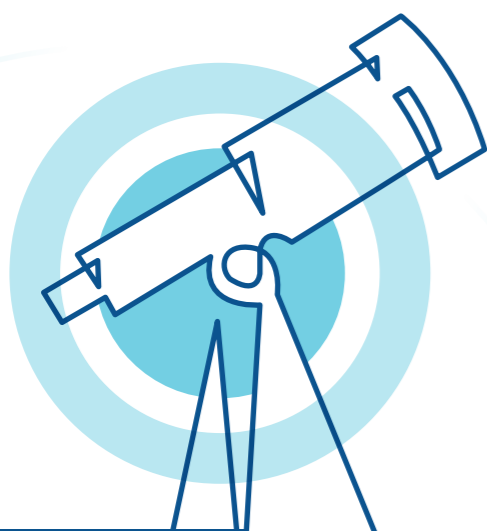


**DOANH NGHIỆP VÌ CỘNG ĐỒNG 2023**



**NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT CHÂU Á 2023**

# Tầm nhìn, Sứ mệnh Giá trị cốt lõi



## TẦM NHÌN

- Duy trì vị thế doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa vật liệu xây dựng Việt Nam.
- Chủ động hoàn thiện năng lực, sẵn sàng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.



## SỨ MỆNH

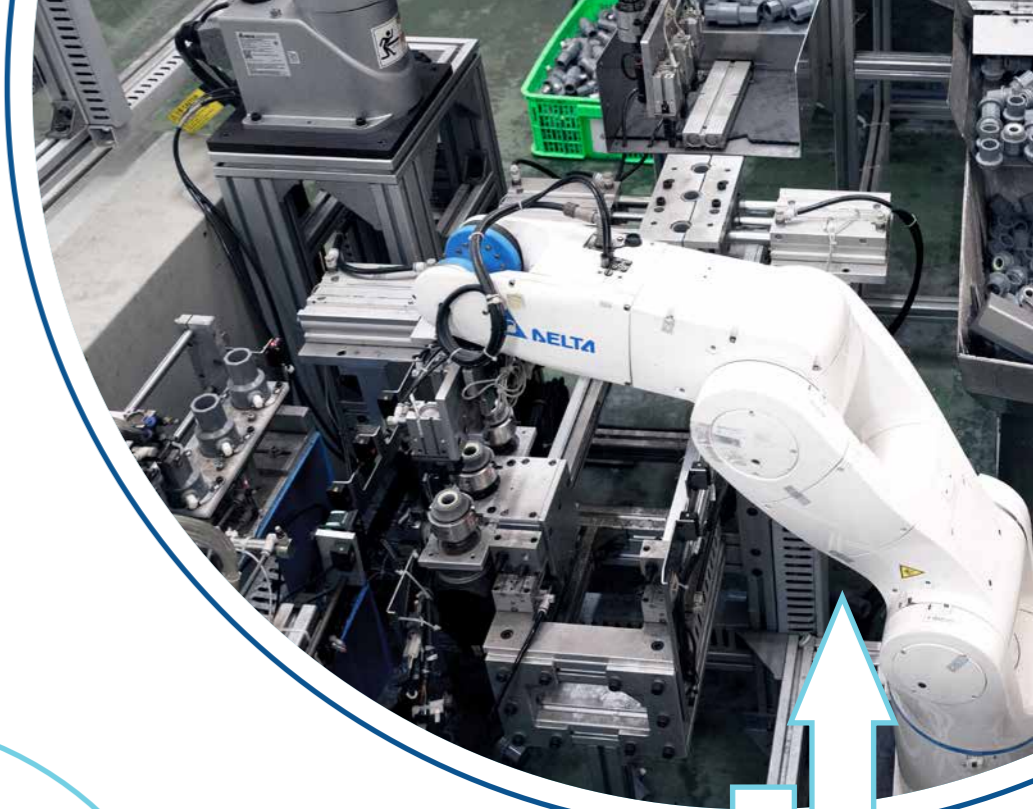
- Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Bảo đảm hài hòa các lợi ích của Khách hàng, Người lao động, Cổ đông và Xã hội.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Đồng thuận cao.
- Tôn trọng quá khứ.
- Vững vàng hiện tại.
- Tự tin hướng tới tương lai.

# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



*Tôi tin tưởng rằng, khi đồng hành cùng nhau, chúng ta sẽ vượt qua những thử thách phía trước và tiếp tục đạt được những thành tựu đột phá trên chặng đường phát triển tiếp theo.*

**Kính gửi quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể NLĐ thân mến,**

Năm 2023, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, do ảnh hưởng yếu tố khách quan từ sự cạnh tranh gay gắt và những khó khăn trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên, vượt lên trên tất cả, tôi tự hào thông báo rằng Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh đã đạt được kết quả tài chính tốt nhất trong suốt chiều dài lịch sử của Công ty. Thành công này là minh chứng những nỗ lực trong việc đồng bộ hóa và tận dụng thế mạnh mạng lưới của Công ty dọc theo chuỗi cung ứng.

Bước sang năm 2024, thị trường vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng dự kiến sẽ chưa thể sớm phục hồi. Tuy nhiên, tôi muốn đảm bảo với Quý vị rằng Nhựa Bình Minh hoàn toàn cam kết duy trì những thành tựu ấn tượng.

Để đạt được điều này, Nhựa Bình Minh đã xác lập một số chiến lược trọng tâm cần tập trung trong năm nay. Đầu tiên, Công ty sẽ cung cấp cho thị trường nhiều sản phẩm sáng tạo hơn, đảm bảo dẫn đầu các xu hướng của ngành. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục tối ưu hóa chiến lược chuỗi cung ứng, tăng cường hoạt động ở tất cả các địa bàn để nâng cao hiệu quả và năng suất.

Hơn nữa, Nhựa Bình Minh ý thức được tầm quan trọng của tiến bộ công nghệ trong bối cảnh kinh doanh ngày nay. Do đó, Công ty đã lên kế hoạch triển khai nhiều robot hơn trong quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa hoạt động và mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao.

Bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp có trách nhiệm, chúng tôi luôn tận tâm thực hiện nhiều hơn nữa các dự án liên quan đến những vấn đề về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), nhằm góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Sau cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các các cổ đông, đối tác, khách hàng và nhân viên đã tin tưởng, ủng hộ và hợp tác với Nhựa Bình Minh. Tôi tin tưởng rằng, khi đồng hành cùng nhau, chúng ta sẽ vượt qua những thử thách phía trước và tiếp tục đạt được những thành tựu đột phá trên chặng đường phát triển tiếp theo.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

**Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Sakchai Patiparnpreechavud**



## CHƯƠNG I

# THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 14 Các cột mốc phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 26 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 30 Giới thiệu Ban Lãnh đạo



# Thông tin khái quát

Tên công ty:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Tên tiếng Anh:

BINH MINH PLASTICS JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch:

BM PLASCO

Mã cổ phiếu:

BMP

Giấy CNĐKDN số:

0301464823

Vốn điều lệ:

**818.609.380.000** đồng

Vốn chủ sở hữu:

2.689.728.981.899 đồng

Địa chỉ:

240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Số điện thoại:

(84-28) 3969 0973

Số fax:

(84-28) 3960 6814

Website:

[www.binhminhplastic.com.vn](http://www.binhminhplastic.com.vn)





# Các cột mốc phát triển

“Gần nửa thế kỷ đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, thương hiệu Nhựa Bình Minh không chỉ vươn tầm trở thành niềm tự hào của hàng Việt Nam chất lượng cao mà còn dẫn đầu ngành nhựa vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Ở bất kỳ giai đoạn nào, Nhựa Bình Minh cũng luôn tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại, chú trọng kiểm soát chất lượng toàn diện từ nguồn nguyên liệu đầu vào, sản phẩm trong quá trình sản xuất và thành phẩm; đảm bảo sản phẩm luôn đạt tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Thương hiệu Nhựa Bình Minh đã chinh phục được niềm tin của hàng triệu người tiêu dùng Việt Nam và ngày càng vươn xa ra thị trường quốc tế thông qua các dự án thuộc chủ đầu tư nước ngoài, khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa vật liệu xây dựng.

1977 - 1986

## Ổn định sản xuất

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cảm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp nhựa PVC-U có đường kính 220mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông...

**Năm 1977**  
 Ngày 16/11, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng Công ty Công nghệ phẩm - Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiên Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

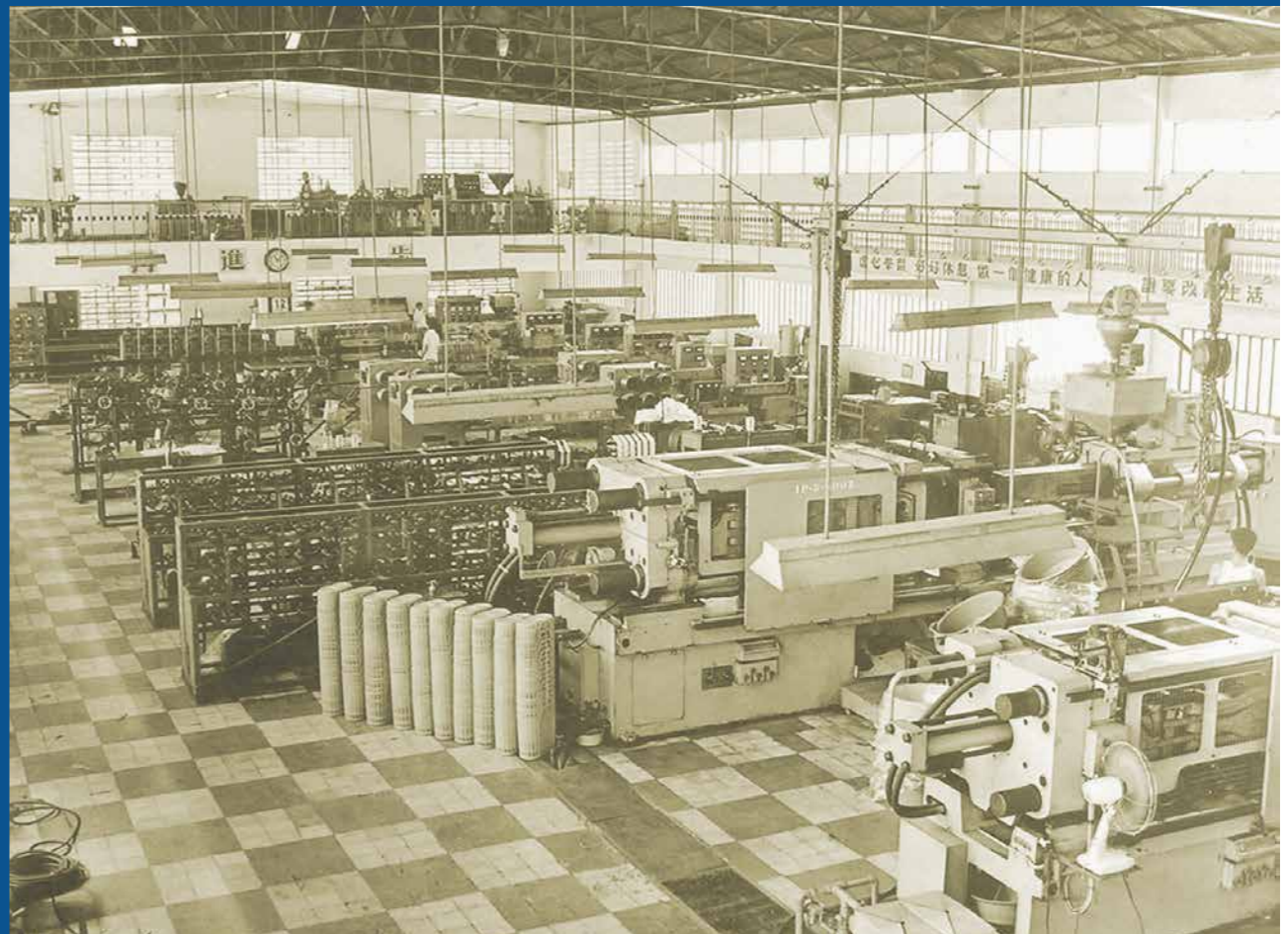
**Năm 1986**  
 Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án “Chương trình nước sạch nông thôn”, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.



1987 - 1996

## Đầu tư khoa học kỹ thuật - Định hướng phát triển

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.



- Năm 1990**
  - Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
  - Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.
  - Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.
- Năm 1994**
  - Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
  - Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến DryBlend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam 400mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

# Các cột mốc phát triển *(tiếp theo)*

1997 - 2006



## Đổi mới để phát triển

Với chủ trương **“Đổi mới để phát triển”**, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn.



### Năm 1999

Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m<sup>2</sup> tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.

### Năm 2000

Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

### Năm 2002

- Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.
- Hoàn tất đầu tư kho bãi, mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000m<sup>2</sup>.

### Năm 2004

- Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastics Joint-Stock Company, viết tắt là BM PLASCO.
- Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m<sup>2</sup>.

### Năm 2006

Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.

2007 đến nay



## Phát triển bền vững

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.



### Năm 2007

Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia thị trường phía Bắc.

### Năm 2008

Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Tây Nguyên.

### Năm 2009

- Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
- Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630mm.

### Năm 2010

- Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200mm lớn nhất tại Việt Nam.
- Ký hợp đồng thuê hơn 155.000m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án Nhà máy Bình Minh Long An.

# Các cột mốc phát triển *(tiếp theo)*

## Năm 2012

- Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
- Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) - Oracle E-Business Suite”.

## Năm 2013

- Đạt chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
- Tăng vốn điều lệ lên 454.784.800.000 đồng.

## Năm 2015

- Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.
- Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.

## Năm 2016

- Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.

## Năm 2017

- Khánh thành giai đoạn hai BMLA.
- Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.
- Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.
- Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.
- Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000-2015.
- Đạt Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.
- Tăng vốn điều lệ lên 818.609.380.000 đồng.

## Năm 2018

- Nhựa Bình Minh là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ngành nhựa tại Việt Nam, được Tập đoàn SCG - tập đoàn công nghiệp hàng đầu Đông Nam Á, đánh giá cao tiềm năng và chính thức thực hiện đầu tư vào năm 2018.
- Đây là thời điểm đánh dấu bước tiến quan trọng của Nhựa Bình Minh trong chiến lược phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh, có nhiều điều kiện thuận lợi để trao đổi, hợp tác, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.
- Đạt Giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương.

## Năm 2021

Vượt qua đại dịch Covid-19, bảo toàn nguồn nhân lực. Áp dụng thành công và vận hành chính thức Bộ phận Quản lý chuỗi cung ứng (SCM).

## Năm 2022

Phòng thí nghiệm Nhựa Bình Minh được Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017 - Số hiệu: VILAS 1436.

## Năm 2023

### Định hình chiến lược mới:

- Thị trường, thương hiệu và sản phẩm.
- Vận hành xuất sắc, tích hợp định hướng ESG cho phát triển bền vững.



# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

## Địa bàn kinh doanh

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh trên cả nước.

## Các nhà máy sản xuất

Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 150.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

## Công suất sản xuất

**150.000** tấn/năm

## Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau hơn 46 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2023, Công ty có hơn 2.158 Nhà phân phối/Cửa hàng trên cả nước, đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng...

## Tính đến cuối năm 2023, Công ty có hơn

**2.158** Nhà phân phối/Cửa hàng trên cả nước



# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh *(tiếp theo)*

## Danh mục sản phẩm tiêu biểu

### ■ Nhóm ống và phụ tùng ống PVC-U

Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20mm đến 630mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD.



### ■ Nhóm ống và phụ tùng ống PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20mm đến 200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Random Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097:2013/ISO 158743:2013 và được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD.



# Ngành nghề và địa bàn kinh doanh *(tiếp theo)*

## ■ Nhóm ống và phụ tùng ống HDPE & HDPE gân thành đôi

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16mm đến 1.200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD.

Ống và phụ tùng ống HDPE gân thành đôi có đường kính từ 110mm đến 500mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao, đạt tiêu chuẩn EN 13476 và được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2019/BXD.



## ■ Nhóm các sản phẩm khác

Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu. Với bình xịt 10 lít, sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-182:2015/BNNPTNT, phù hợp cho sử dụng phun thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

Sản phẩm tưới tiêu của Nhựa Bình Minh được sử dụng để lắp đặt trong hệ thống tưới tiêu nông nghiệp, dẫn nước tưới đến các loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày như: cây ăn trái, rau, củ, quả...

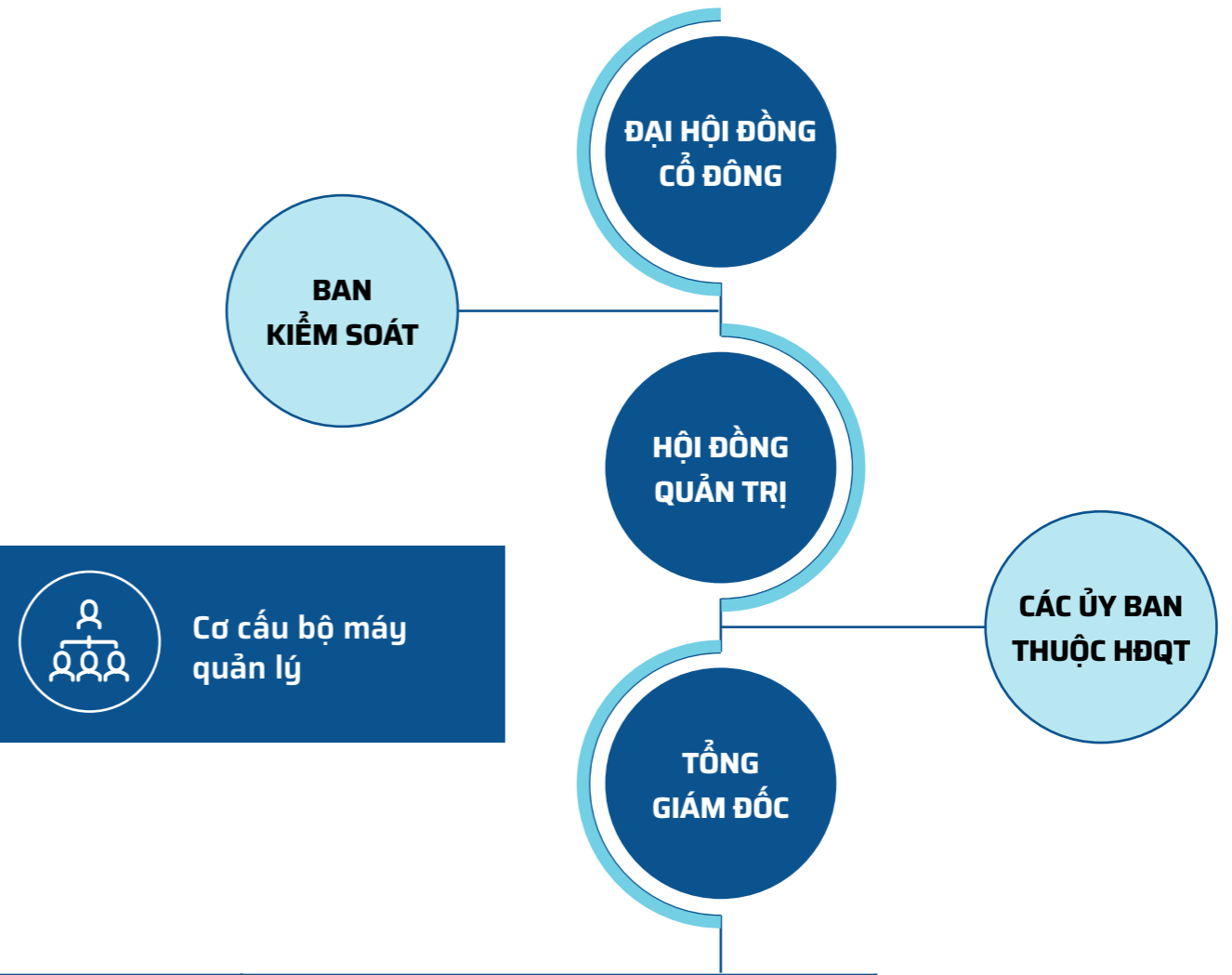


# Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

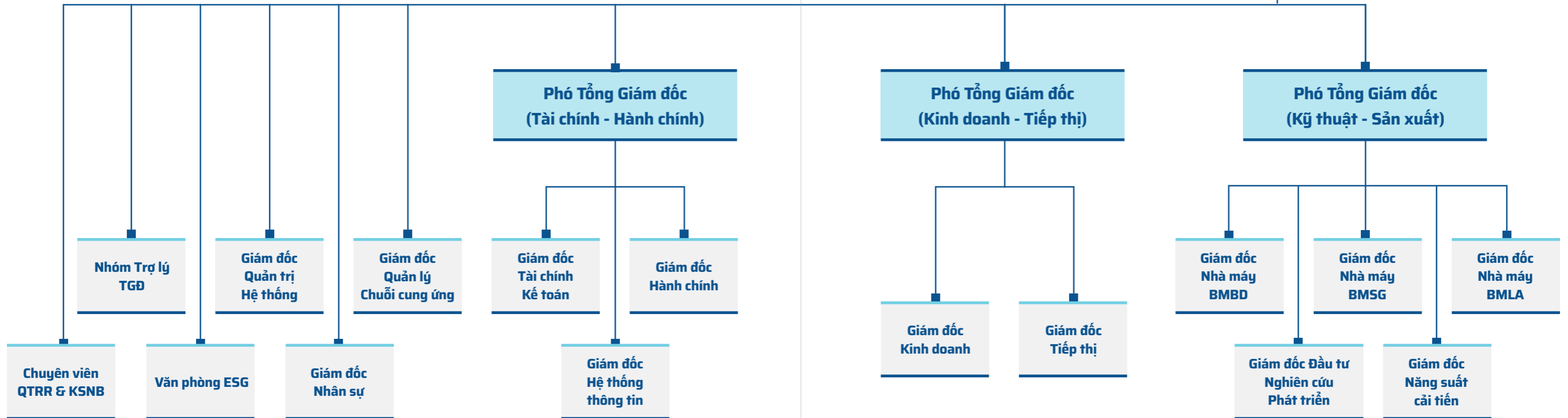


## Mô hình quản trị

Công ty đi theo mô hình quản trị có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc - Quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.



## Cơ cấu bộ máy quản lý



\*Cấu trúc tổ chức của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ban hành ngày 14/08/2023

# Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý *(tiếp theo)*

## Các công ty con và công ty liên kết

### Công ty con



### ■ Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

**Địa chỉ:** Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

**Ngành nghề hoạt động:** Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.

**Giới thiệu:**

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006, tọa lạc tại đường D1 Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. NBM chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được đầu tư trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m<sup>2</sup>, năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.

### Vốn điều lệ

**155** tỷ đồng  
BMP sở hữu 100% vốn

## Công ty liên kết



### ■ Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (DPC)

**Địa chỉ:** Lô Q, đường số 4 & 7, KCN Liên Chiểu, P. Hoà Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

**Ngành nghề hoạt động:** Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa.

**Giới thiệu:**

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Tây Nguyên.

### Vốn điều lệ

**22,4** tỷ đồng  
BMP sở hữu 29% vốn

### ■ CTCP Đầu tư kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt

**Địa chỉ:** 240 Hậu Giang, P.9, Q.6, TP. HCM.

**Ngành nghề hoạt động:** Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**Giới thiệu:**

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210 tỷ đồng. Trong đó, BMP đã góp 54,6 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%. Đang được tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động.



# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông SAKCHAI PATIPARNPREECHAVUD Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1967  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 2005: Giám đốc điều hành Công ty Petrochemical - Iran
- Năm 2009: Giám đốc điều hành Công ty SCG Plastics Ltd. - Thái Lan
- Năm 2015: Giám đốc điều hành Công ty SCG Chemicals Co. Ltd - Thái Lan
- Năm 2017: Phó Chủ tịch ngành Polyolefin & Vinyl SCG - Thái Lan
- Từ năm 2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh



### Ông CHAOWALIT TREEJAK Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Cử nhân Hóa

Quá trình công tác:

- Năm 1998: Trưởng phòng Kinh doanh xuất khẩu Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2002: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2003: Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty Siam Maspion Polymers PT
- Năm 2006: Trưởng phòng Tiếp Thị Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2007: Giám đốc Điều hành Công ty PT. TPC Indo Plastic and Chemical
- Năm 2010: Giám đốc Kinh doanh nội địa Công ty SCG Chemicals Co., Ltd
- Năm 2017: Giám đốc Kinh doanh xuất khẩu Công ty SCG Chemicals Co., Ltd
- Năm 2018: Giám đốc Điều hành Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Từ tháng 07/2021- tháng 07/2022: Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Thành viên HĐQT
- Từ tháng 08/2022 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



**Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN**  
Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1962  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị

Quá trình công tác:

- Năm 1988: Nhân viên Kỹ thuật BMP
- Năm 1992: Trưởng phòng Kỹ thuật BMP
- Năm 1997: Phó Giám đốc BMP
- Năm 2004: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BMP
- Từ năm 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc NBM
- Từ năm 2010 - tháng 2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BMP
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BMP
- Từ tháng 11/2012 - năm 2014: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC
- Từ năm 2014 - tháng 07/2022: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BMP
- Từ tháng 08/2022 - nay: Thành viên HĐQT



**Ông PORAMATE LARNROONGROJ**  
Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1963  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Thạc sĩ Công nghiệp

Quá trình công tác:

- Năm 2004: Trưởng Phòng Kế hoạch - Mua sắm của Công ty Thai CRT Co., Ltd
- Năm 2005: Giám đốc Điều hành Công ty Siam Forestry Co., Ltd
- Năm 2008: Giám đốc Điều hành Công ty Thai Cane Paper Public Co., Ltd
- Năm 2010: Giám đốc Điều hành Công ty Thai Container Group Co., Ltd
- Năm 2019-nay: Giám đốc Điều hành Công ty Nawaplastic Industries Co., Ltd; Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



**Bà NGUYỄN THỊ MINH GIANG**  
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1981  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Kỹ sư CNTT, Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ năm 2005 - 2008: Kỹ sư phần mềm Công ty NCS Pte. Ltd, Singapore
- Từ năm 2010 - 2013: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Cổ Phần Tư Vấn Quản Lý Đầu Tư TIM
- Từ năm 2013 - 2016: Chuyên viên phân tích đầu tư Tập đoàn Dragon Capital, Văn phòng đại diện TP.HCM
- Từ năm 2016 - 2018: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Cổ phần DBA-Rhino
- Từ năm 2018 - nay: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần TIM Việt Nam
- Từ tháng 4/2023 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh



**Ông PHAN KHẮC LONG**  
Thành viên HĐQT độc lập (từ nhiệm từ 28/4/2023)

Năm sinh: 1961  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- Năm 1983: Kỹ sư xí nghiệp liên hiệp Cơ khí Giao thông vận tải 2
- Năm 1990: Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đại Việt Phát
- Năm 1996: Giám đốc Công ty TNHH SX & XD Phan Vũ
- Năm 2001: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- Năm 2013: Thành viên HĐQT Japan Pile Corporation - Japan
- Năm 2015: Thành viên HĐQT Asia Pile Holding Corporation (Niêm yết trên Tokyo Stock Exchange)
- Năm 2018: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ
- Từ năm 2018 - ngày 28/4/2023: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Bình Minh

*\*Ông Long từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 28/4/2023*

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ông CHAOWALIT TREEJAK Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1966  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Cử nhân Hóa

Quá trình công tác:

- Năm 1998: Trưởng phòng Kinh doanh xuất khẩu Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2002: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2003: Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty Siam Maspion Polymers PT
- Năm 2006: Trưởng phòng Tiếp Thị Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Năm 2007: Giám đốc Điều hành Công ty PT. TPC Indo Plastic and Chemical
- Năm 2010: Giám đốc Kinh doanh nội địa Công ty SCG Chemicals Co., Ltd
- Năm 2017: Giám đốc Kinh doanh xuất khẩu Công ty SCG Chemicals Co., Ltd
- Năm 2018: Giám đốc Điều hành Công ty Thai Plastic and Chemicals PLC
- Từ tháng 07/2021- tháng 07/2022: Phó Tổng Giám đốc Tài chính-Hành chính Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Thành viên HĐQT
- Từ tháng 08/2022 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Bình Minh kiêm Phó Chủ tịch HĐQT



### Ông NGUYỄN THANH HẢI Phó Tổng Giám đốc (Kinh doanh - Tiếp thị)

Năm sinh: 1971  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ năm 1995 - 2000: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh
  - Từ năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh
  - Từ năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính - BMP
  - Từ năm 2006 - 2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP
  - Từ năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM
  - Từ năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP
  - Từ năm 2017 - 2023: Phó Tổng Giám đốc BMP - Phụ trách mảng Kinh doanh & Tiếp thị
- \*Ông Nguyễn Thanh Hải từ nhiệm chức vụ Phó TGD BMP từ ngày 16/03/2024*

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



**Ông NGUYỄN THANH QUAN**  
**Phó Tổng Giám đốc (Kỹ thuật - Sản xuất)**

Năm sinh: 1968  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh
- Năm 1997: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh
- Năm 2000: Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh
- Năm 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP
- Năm 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP
- Từ năm 2013 - nay: Phó Tổng Giám đốc BMP phụ trách mảng Kỹ thuật-Sản xuất



**Ông ASADA BOONSIRIRAT**  
**Phó Tổng Giám đốc (Tài chính - Hành chính)**

Năm sinh: 1978  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

- Từ năm 2003-2014: Kỹ sư Sản xuất Công ty Công ty Thai Plastic and Chemical PLC
- Từ năm 2014-2018: Giám đốc Đầu tư Công ty Siam Cement PLC
- Từ năm 2018-2019: Giám Đốc Kinh doanh Kênh hiện đại Công ty Nawaplastic Industries Co. Ltd
- Từ năm 2019-2023: Giám đốc Kinh doanh các thị trường mới nổi Công ty SCG Chemicals Co. Ltd
- Từ năm 2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Hành chính Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



**Ông PHÙNG HỮU LUẬN**  
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1976  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- Năm 1998: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán - Công ty Nhựa Bình Minh
- Năm 2011: Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Nhựa Bình Minh
- Năm 2021: Giám đốc Tài chính Kế toán BMP
- Từ năm 2022 - nay: Giám đốc Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng BMP



## BAN KIỂM SOÁT

**Ông NGUYỄN THANH THUẬN**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1987  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- Từ năm 2009-2018: Làm việc tại Vietinbank
- Từ năm 2018-nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại BMP
- Từ năm 2023-nay: Trưởng phòng Đầu tư Dự án cho Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova

# Giới thiệu Ban Lãnh đạo Công ty *(tiếp theo)*



**Ông PRAWEE WIROTPAN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1968  
Quốc tịch: Thái Lan  
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Năm 1991: Kiểm toán viên nội bộ tại The Siam Cement Public Co.Ltd. - Thái Lan
- Năm 1998: Trưởng phòng Hành chính tại Tianjin Cementhai Plastic & Product Co., Ltd - Trung Quốc
- Năm 2000: Giám đốc Kế toán & Mua hàng Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC Vina - Việt Nam
- Năm 2002: Trưởng phòng Nhân sự tại Thai Plastic & Chemicals Public Co., Ltd. - Thái Lan
- Năm 2006: Giám đốc Kế toán & Mua hàng Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC Vina - Việt Nam
- Năm 2009: Trưởng phòng Thư ký Công ty Thai Plastic & Chemicals Public Co., Ltd. - Thái Lan
- Năm 2011: Giám đốc Kế toán & Mua hàng Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC Vina - Việt Nam
- Năm 2015 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH SCG Việt Nam
- Từ ngày 20/04/2018 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh



**Bà NGUYỄN LƯU THÙY MINH**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ năm 2006-2012: Nhân viên Kế toán BMP
- Từ năm 2013 - 2023: Thành viên BKS BMP
- Từ năm 2013 - tháng 11/2023: Chuyên viên QTRR & KSNB BMP
- Tháng 12/2023 - nay: Giám đốc QTRR và Kiểm soát nội bộ BMP

## CHƯƠNG II

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 46 Tổng quan về tình hình kinh tế và ngành nhựa năm 2023
- 50 Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng
- 52 Phân tích S.W.O.T
- 54 Định hướng phát triển





# Tổng quan về tình hình kinh tế và ngành nhựa năm 2023

## Mức tăng trưởng kinh tế (GDP)

**▲5,05%**  
so với cùng kỳ

Năm 2023 là một năm đầy biến động với nhiều thách thức trên toàn cầu, khi nhu cầu tiêu dùng sụt giảm mạnh, lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, xung đột địa chính trị và biến đổi khí hậu,... là những mối lo ngại thường trực. Cùng dòng chảy kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng trải qua nhiều khó khăn. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, GDP năm 2023 của Việt Nam tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng khá chậm so với mức tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011-2023.

“*Nhờ nguồn cung nguyên liệu đầu vào trên thế giới đang dư thừa, giá nguyên liệu đầu vào cạnh tranh nên các doanh nghiệp ngành nhựa có thể dễ dàng tìm nguồn cung ứng, tiết giảm chi phí sản xuất, cân đối giá thành và chính sách đãi ngộ, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.*”

Không nằm ngoài sự biến động, thị trường bất động sản cũng rơi vào tình trạng trầm lắng, tổng cầu ở lĩnh vực bất động sản, xây dựng nhà ở và bán lẻ hàng hóa giảm sút đáng kể. Nhu cầu xây dựng hầu hết chỉ đến từ các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính phủ, chủ yếu tập trung vào phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ. Điều này khiến hàng loạt lĩnh vực khác bị ảnh hưởng, trong đó ngành nhựa vật liệu xây dựng cũng chịu những tác động nhất định khi sức cầu suy giảm. Tuy nhiên, nhờ nguồn cung nguyên liệu đầu vào trên thế giới đang dư, giá nguyên liệu đầu vào cạnh tranh nên các doanh nghiệp ngành nhựa có thể dễ dàng tìm nguồn cung ứng, tiết giảm chi phí sản xuất, cân đối giá thành và chính sách đãi ngộ, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.



# Tổng quan về tình hình kinh tế và ngành nhựa năm 2023 *(tiếp theo)*



*Trong nỗ lực cùng Chính phủ giảm thiểu phát thải, Nhựa Bình Minh là một trong những đơn vị tiên phong mở đường và kết nối sản xuất xanh.*

## Triển vọng ngành nhựa xây dựng năm 2024

Năm 2024 có thể còn nhiều biến động, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ đạt ở mức 2,4%. Điều này có thể sẽ tiếp tục có những tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam vẫn sẽ có cơ hội phục hồi tích cực hơn, khi Chính phủ đã và đang nỗ lực điều hành linh hoạt nền kinh tế, tạo các động lực tăng trưởng mới. Cụ thể, nhiều chính sách tháo gỡ nút thắt đối với lĩnh vực y tế, thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, bất động sản... cũng đã được ban hành. Việc hoàn thiện thể chế và cải cách thủ tục hành chính được quan tâm thúc đẩy như Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi), Luật Giá, Luật Giao dịch điện tử, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, góp phần tạo điều kiện các thị trường đất đai, bất động sản, tài chính phát triển an toàn, bền vững.

Những triển vọng tích cực của thị trường bất động sản và xây dựng sẽ tạo động lực cho ngành nhựa xây dựng tăng trưởng trong tương lai, tín hiệu khả quan là nhu cầu nhựa xây dựng dự đoán sẽ tăng nhẹ vào năm 2024.

Với những nhận định trên, Nhựa Bình Minh tập trung chiến lược trọng tâm vào việc quản lý tốt chuỗi giá trị sản phẩm, chú trọng vào chất lượng với tôn chỉ “*Một Thương hiệu – Một Chất lượng*”, đảm bảo sự nhất quán về chất lượng sản phẩm khi đến tay khách hàng. Đồng thời, mở rộng chủng loại sản phẩm cho các phân khúc hiện tại và phân khúc mới.

## Xu hướng “phát triển xanh” ngành nhựa trong nền kinh tế tuần hoàn

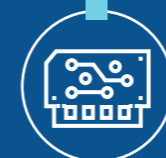
Ngành nhựa là một trong những ngành công nghiệp quan trọng của Việt Nam, là mắt xích trong nhiều chuỗi giá trị sản xuất, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Để hướng tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, ngành nhựa cũng đặt mình vào xu hướng chung về phát triển kinh tế tuần hoàn, hướng tới phát triển xanh.

Với xu hướng chung của thế giới về phát triển kinh tế tuần hoàn cũng như tại Việt Nam, Bộ Công Thương đã phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam, tầm nhìn đến năm 2025. Theo đó, ngành nhựa phải chuyển dịch cơ cấu các nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Trong nỗ lực cùng Chính phủ giảm thiểu phát thải, Nhựa Bình Minh là một trong những đơn vị tiên phong mở đường và kết nối sản xuất xanh. Công ty đã và đang dành nhiều tâm huyết, công sức và ngân sách để nghiên cứu và phát triển, nâng cao chất lượng nhằm đảm bảo tuổi thọ lâu dài của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như phù hợp xu hướng trong nền kinh tế tuần hoàn, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam và mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp và cổ đông.

# Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

*Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh ngành nhựa vật liệu xây dựng, tuy nhiên, với Nhựa Bình Minh đây cũng là một năm ghi nhận sự thành công trong công tác điều hành của Ban Lãnh đạo. Những kết quả đạt được không những góp phần củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư vào sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Nhựa Bình Minh, mà còn góp phần nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như uy tín thương hiệu Nhựa Bình Minh trên thị trường và các đối tác trong và ngoài nước.*



## Phát huy chất lượng và thương hiệu

Tiếp tục phát huy cao hơn nữa những thành quả đã đạt được trong năm 2023 trên cơ sở ưu tiên hàng đầu về chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường trong thời gian tới. Đồng thời, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Phát huy và tận dụng uy tín thương hiệu trong lòng đối tác, khách hàng. Song song đó, cải thiện các chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ trước và sau bán hàng.

## Tối ưu hóa chi phí

Chủ động và triển khai thực hiện triệt để việc tối ưu hóa chi phí trên toàn bộ hệ thống Công ty. Xác định năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều thách thức, vì vậy toàn Công ty phải thực hành tốt mô hình quản lý chi phí. Xây dựng kế hoạch tối ưu hóa từ tất cả các khâu như: quản lý quy trình chuỗi cung ứng, đồng bộ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất, mua nguyên liệu và tồn kho,... hiệu quả, tránh gây lãng phí, thất thoát nhưng vẫn đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng.

## Áp dụng khoa học công nghệ

Đầu tư hệ thống tự động hóa và kiểm soát chất lượng để đảm bảo tính đồng nhất của sản phẩm có chất lượng cao, không chỉ đáp ứng tốt các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia mà còn đạt các tiêu chuẩn quốc tế, gia tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Hệ thống máy móc được bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo vận hành liên tục, ổn định chất lượng sản phẩm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong sản xuất và kinh doanh.

## Chuyên nghiệp hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Nhựa Bình Minh là công ty đại chúng niêm yết quy mô lớn trên sàn chứng khoán, vì vậy, Công ty cần chú trọng hơn nữa công tác quan hệ với các nhà đầu tư. Việc công bố, cung cấp thông tin của Công ty tới các nhà đầu tư cần thể hiện sự chuyên nghiệp, minh bạch, kịp thời. Qua đó, gián tiếp giữ gìn và phát triển giá trị của Công ty thông qua giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán.

## Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tạo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, mang bản sắc văn hóa doanh nghiệp riêng; Nâng cao chất lượng nhân sự và năng suất lao động; Đầu tư cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế cận; Xây dựng các chính sách phúc lợi, nhân sự, cơ chế thăng tiến theo năng lực, cân bằng lợi ích của cổ đông, người lao động và các bên có liên quan.

# Phân tích S.W.O.T

ĐIỂM MẠNH

- Thương hiệu Nhựa Bình Minh nổi tiếng, uy tín và dẫn đầu ngành nhựa vật liệu xây dựng. Sản phẩm được định vị ở phân khúc chất lượng cao, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.
- Có quy mô sản xuất lớn; Thiết bị công nghệ hiện đại; Hiệu quả sản xuất cao.
- Khả năng tài chính vững mạnh.
- Mạng lưới phân phối tốt, đặc biệt ở khu vực miền Nam.
- Hệ thống quản lý tiên tiến, dựa trên tinh thần cải tiến liên tục.
- Ban Lãnh đạo chính trực, có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Người lao động gắn kết cao, có khả năng thích ứng tốt.



ĐIỂM YẾU

- Chủng loại một số nhóm sản phẩm chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của khách hàng.
- Hệ thống phân phối tại miền Bắc còn yếu.

CƠ HỘI

- Đầu tư công trong xây dựng hạ tầng được Chính phủ quan tâm, quyết liệt giải ngân.
- Môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài hấp dẫn, thu hút dòng vốn FDI vào nhiều.
- Người tiêu dùng ngày càng có xu hướng chấp nhận sản phẩm chất lượng cao hơn và đáp ứng các tiêu chí phát triển bền vững.
- Phân khúc thị trường nông nghiệp còn nhiều tiềm năng.

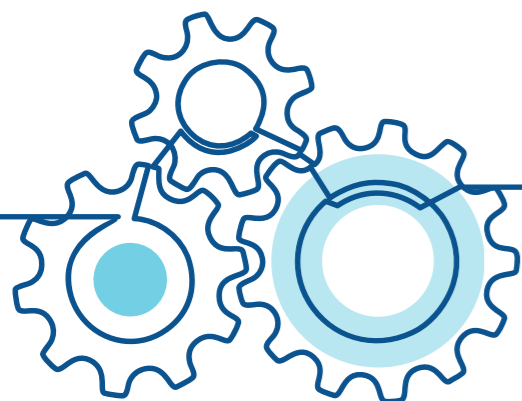
THÁCH THỨC

- Sự cạnh tranh trong nước khốc liệt giữa các nhà sản xuất cùng ngành do tổng cung lớn hơn tổng cầu.
- Thị trường bất động sản còn nhiều biến động.
- Giá nguyên liệu có khả năng không ổn định.
- Hàng giả, hàng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu Nhựa Bình Minh ngày càng phức tạp.

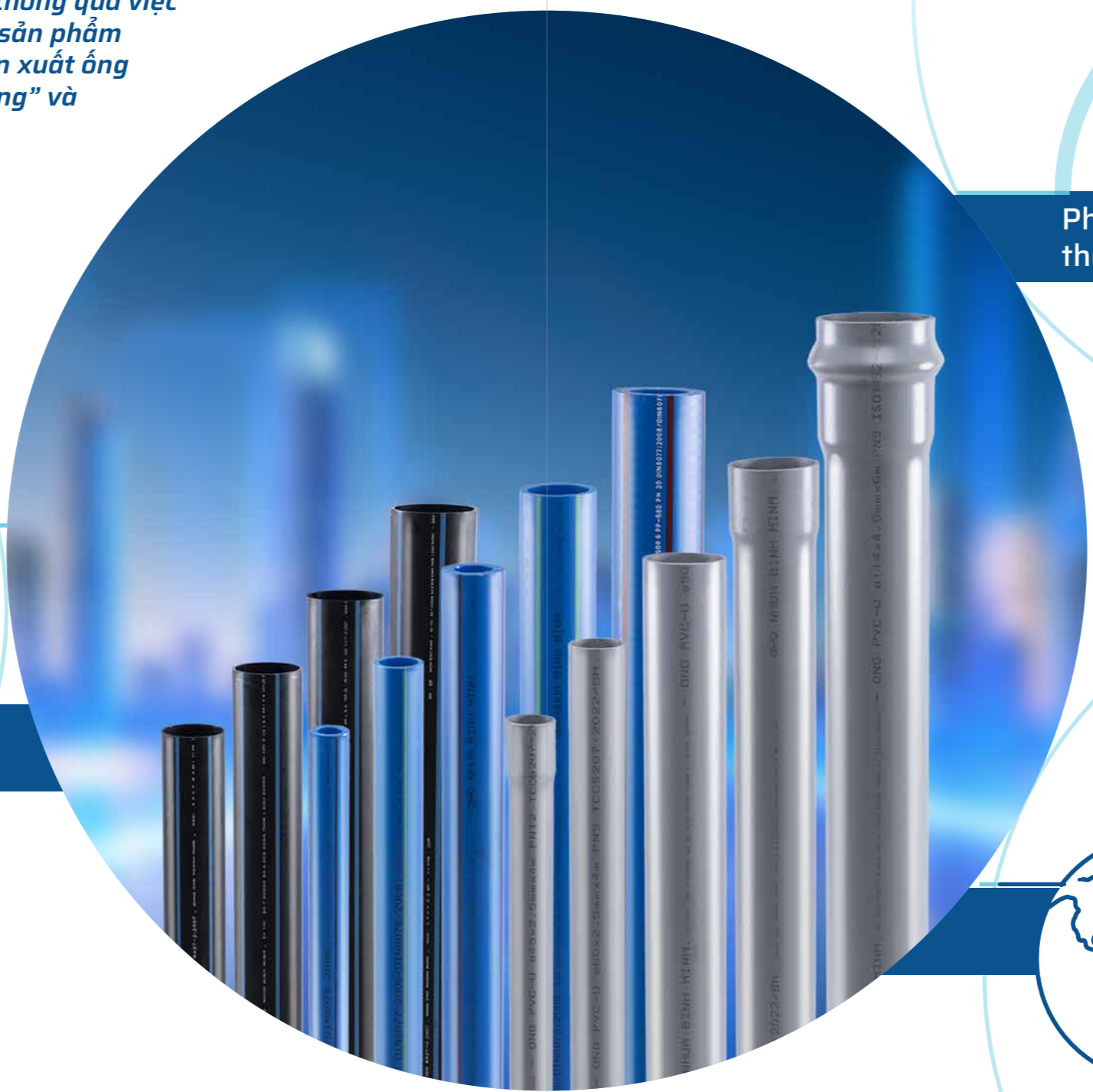
# Định hướng phát triển

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

*Gia tăng thị phần của Công ty tại Việt Nam thông qua việc dẫn đầu chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm và là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất ống và phụ tùng ống nhựa với tinh thần “Chủ động” và “Tập trung”, theo các chiến lược phát triển trọng điểm:*



Hiện đại hóa công ty bằng vận hành tinh gọn, tự động hóa và số hóa.



Phát triển con người thông qua phương pháp “Học đi đôi với Hành”.



Phát triển bền vững thông qua chiến lược ESG.

# Định hướng phát triển *(tiếp theo)*

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### ■ Đảm bảo chất lượng đồng nhất và phát triển đa dạng sản phẩm



- Đầu tư hệ thống tự động hóa và kiểm soát chất lượng để đảm bảo tính đồng nhất của sản phẩm đạt chất lượng cao nhất, không chỉ đáp ứng tốt các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia mà còn đạt các tiêu chuẩn quốc tế.
- Đẩy mạnh các chiến lược tiếp thị và hỗ trợ bán hàng theo phương châm “*Một Thương hiệu - Một Chất lượng*”.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển để cải tiến quy trình phát triển sản phẩm mới, mở rộng danh mục sản phẩm phù hợp với phân khúc thị trường và nhu cầu của khách hàng tiềm năng.

### ■ Chiến lược ESG



- Phát triển sản phẩm xanh thông qua chương trình lựa chọn nguyên liệu xanh và trách nhiệm ESG của nhà cung cấp.
- Tăng cường sản xuất xanh bằng cách áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.
- Triển khai hệ thống quản lý an toàn để xây dựng văn hóa an toàn của người lao động cả bên trong và bên ngoài nơi làm việc.
- Nâng cao trình độ quản trị thông qua Hệ thống quản lý tuần thủ.
- Thúc đẩy chương trình gắn kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng (CSR) vì cuộc sống tốt hơn cho xã hội và con người thông qua hệ thống cấp nước sạch.

### ■ Thúc đẩy vận hành xuất sắc



- Liên tục thúc đẩy quy trình LEAN, phân tích dựa trên dữ liệu và các dự án cải tiến tập trung nhằm giảm chi phí, nâng cao độ an toàn và đảm bảo chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu.
- Xây dựng năng lực của nhân viên để trở thành chuyên gia sản xuất thông qua chương trình “*Vận hành xuất sắc*”.
- Phát triển trung tâm học tập để chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của Công ty.
- Tăng cường nền tảng số hóa cho quy trình làm việc hiện đại hóa và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

### ■ Phát triển con người



- Chuẩn bị nền tảng phát triển năng lực cho nhân viên thông qua phát triển nghề nghiệp và năng lực quản lý trong tương lai.
- Xây dựng thương hiệu cá nhân gắn với thương hiệu Nhựa Bình Minh bằng cách tăng cường hoạt động giao tiếp nội bộ và gắn kết nhân viên.

## CHƯƠNG III

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

- 60 Tổ chức và Nhân sự
- 64 Báo cáo và đánh giá của BTGD
- 72 Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 80 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 82 Tình hình tài chính
- 86 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án



# Tổ chức và nhân sự

## Danh sách BTGD

| STT | Họ và tên             | Chức vụ           | Sở hữu CP có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết |
|-----|-----------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Ông Chaowalit Treejak | Tổng Giám đốc     | -                             | -                                   |
| 2   | Ông Nguyễn Thanh Hải  | Phó Tổng Giám đốc | -                             | -                                   |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Quan | Phó Tổng Giám đốc | 11.709                        | -                                   |
| 4   | Ông Asada Boonsrirat  | Phó Tổng Giám đốc | -                             | -                                   |
| 5   | Ông Phùng Hữu Luận    | Kế toán trưởng    | -                             | -                                   |

## Những thay đổi trong BTGD năm 2023

Ông Asada Boonsrirat được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Tài chính và Hành chính toàn Công ty từ ngày 01/7/2023

## Lực lượng lao động và công tác quản trị nhân sự

*Đối với Nhựa Bình Minh, nguồn nhân lực là hạt nhân quan trọng quyết định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại Nhựa Bình Minh, chúng tôi trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Công ty. Chính vì vậy, chúng tôi luôn chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và nâng cao lợi ích cho người lao động. Tăng cường chính sách đãi ngộ, giữ chân nhân tài, xây dựng nguồn nhân lực quản lý và lao động chất lượng cao.*

### Tổng số lượng NLD của BMP

**1.318** người

### Tổng quan lực lượng lao động năm 2023

Tính đến 31/12/2023, tổng số lượng NLD của BMP là 1.318 người. Trong đó, tỷ lệ người lao động có trình độ Đại học và trên Đại học là 20%.





# Tổ chức và nhân sự *(tiếp theo)*

## Chính sách và chế độ phúc lợi đối với người lao động



### Chế độ lương, thưởng

- Quy chế tiền lương được xem xét, sửa đổi và bổ sung nhiều nội dung mới trong năm với mục tiêu quy định rõ ràng, minh bạch hơn trong nguyên tắc thanh toán và chi trả nhằm đảm bảo tối ưu quyền lợi cho người lao động.
- Bên cạnh đó, thưởng thâm niên và thưởng thành tích cũng là những chính sách phúc lợi được Công ty duy trì trong nhiều năm qua để thu hút và giữ chân nhân sự, cũng như giữ được sự ổn định đội ngũ lao động có chuyên môn. Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức các hoạt động tri ân những người lao động có thời gian 15 - 25 - 35 năm gắn bó và cống hiến vào sự phát triển của BMP, đồng thời cũng vinh danh người lao động có thành tích xuất sắc trong công việc.

Không những vậy, khen thưởng dự án Cải tiến trọng điểm (FI) về các sáng kiến, công trình kỹ thuật, giải pháp hợp lý hóa công việc cũng là một trong những chính sách được Công ty đặc biệt chú trọng nhằm khích lệ những nỗ lực của người lao động trong cải tiến, nâng cao hiệu quả và an toàn trong môi trường làm việc. Cùng với sự quan tâm, khuyến khích và động viên từ các cấp lãnh đạo, đã có 100 dự án được đăng ký với 100% sự tham gia của các bộ phận, trong đó đã có nhiều dự án đã thực hiện, được thẩm định mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

- Ngoài ra, đời sống tinh thần của người lao động cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Song song đó, việc tạo động lực thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác giữa các bộ phận cũng được ưu tiên đặt lên hàng đầu. Điển hình như hoạt động “Ngày hội gia đình” được tổ chức trong không khí vui vẻ, hân hoan, nhiệt huyết cùng với sự tham gia của toàn thể người lao động và gia đình.

### Chính sách Đào tạo và Phát triển

- Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển con người tại Nhựa Bình Minh. Cùng với định hướng đó, chính sách hỗ trợ đào tạo thông qua tài trợ học phí cho toàn bộ các khóa học không những giúp người lao động nâng cao năng lực, đáp ứng tốt với những thay đổi của môi trường mà còn tăng năng suất và hiệu quả công việc. Trong năm qua, mục tiêu đào tạo hướng đến 3 lĩnh vực chủ yếu là phát triển năng lực lãnh đạo, nâng cao hiệu quả và an toàn trong sản xuất, cũng như cập nhật và áp dụng những xu hướng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được đẩy mạnh thông qua chỉ số thời gian đào tạo trung bình tăng 15% và ngân sách đào tạo tăng đến 28%.
- Các hoạt động đánh giá năng lực, xây dựng lộ trình đào tạo cũng như kế hoạch kế nhiệm cũng đã được Công ty xem xét và định hướng hoàn thiện trong thời gian tới nhằm giúp người lao động phát triển và hoàn thiện năng lực cá nhân phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty, hướng đến mục tiêu chung đưa Công ty “*Dẫn đầu chất lượng - Vững bước vươn xa*” hơn nữa.

### Chế độ chăm sóc sức khỏe

- Chế độ chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được Công ty chú trọng thông qua việc tổ chức kiểm tra, thăm khám sức khỏe định kỳ tối thiểu 01 lần/năm, bố trí công việc phù hợp với năng lực và tình hình sức khỏe của người lao động, cũng như tạo ra các sân chơi thể dục thể thao phù hợp, giúp thư giãn và tái tạo năng lượng cho cơ thể, từ đó giúp làm việc hiệu quả hơn.
- Ngoài các phúc lợi bảo hiểm bắt buộc, trong năm 2023 Công ty đã phối hợp với các bên liên quan triển khai chính sách phúc lợi bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe theo phương thức mới mang lại nhiều quyền lợi có giá trị hơn cho người lao động với tổng ngân sách tăng 260% so với năm 2022.

# Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Thuận lợi:

- Uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm Nhựa Bình Minh được người tiêu dùng tin tưởng, do đó Công ty vẫn luôn duy trì mức giá bán khá tốt của một đơn vị dẫn đầu thị trường ở phân khúc cao.
- Giá nguyên liệu đầu vào ổn định và cạnh tranh hơn so với năm trước.
- Chức năng của hai bộ phận Quản lý Chuỗi cung ứng và Cải tiến năng suất tiếp tục được hoàn thiện, giúp Công ty nâng cao hơn hiệu quả trong vận hành, tiết kiệm chi phí.
- Người lao động tin tưởng và ủng hộ tích cực hoạt động của BTGD.

### Khó khăn:

- Kinh tế toàn cầu tiếp tục khó khăn do các bất ổn địa chính trị có nguy cơ lan rộng. Điều này tiếp tục tác động tiêu cực đến sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam.
- Nhu cầu thị trường về xây dựng và bất động sản sụt giảm mạnh.

## Kết quả hoạt động SXKD năm 2023

| STT | Chỉ tiêu             | Đvt     | KH 2023 | Thực hiện 2023 | Thực hiện 2022 | Tỷ lệ 2023/ KH | Tỷ lệ 2023/2022 |
|-----|----------------------|---------|---------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu            | Tỷ đồng | 6.357   | 5.200          | 5.825          | -18,2%         | -10,7%          |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 814     | 1.307          | 871            | 60,6%          | 50,0%           |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 651     | 1.041          | 694            | 59,9%          | 49,9%           |

## Nhận xét

- Do ảnh hưởng từ các khó khăn của thị trường năm 2023, có thể thấy chỉ tiêu doanh thu của Công ty trong năm qua có sự sụt giảm so với Kế hoạch và thực hiện của năm 2022 ở mức khoảng 18%. Tuy nhiên, nếu so sánh với sự sụt giảm rất mạnh của nhu cầu thị trường khoảng 20-30%, thì kết quả doanh thu thực hiện của năm 2023 là chấp nhận được và thị phần của Công ty vẫn được cải thiện.
- Với việc phát huy triệt để các lợi thế sẵn có, Công ty đã cố gắng gia tăng hiệu quả kinh doanh, đạt được mức lợi nhuận tăng kỷ lục song song với việc cải thiện được thị phần.

## Tình hình tài chính

- Tổng tài sản trong năm 2023 tiếp tục tăng gần 7%, cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, lợi nhuận tăng, dòng tiền ổn định.
- Vốn lưu động dưới dạng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng chiếm 62% cấu trúc vốn, có thể hỗ trợ tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ và hiệu quả. Hiện nay, BMP đã có các quy trình quản lý và giám sát vốn lưu động thông qua thực hiện phân tích dữ liệu ngay thời điểm để kiểm soát và cải tiến các hoạt động quản lý.
- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm gần 38% so với năm trước đã chứng tỏ việc quản lý các khoản phải thu rất chặt chẽ, góp phần nâng hiệu quả sử dụng vốn.

## Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả của Công ty luôn được Công ty xử lý đúng hạn. Tỷ lệ nợ phải trả của Công ty cuối năm 2023 tăng khoảng 35% so với cùng kỳ 2023, cho thấy Công ty đã quản lý sử dụng vốn hiệu quả hơn.
- Cuối năm 2023, tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Nợ phải trả của Công ty đạt khoảng 4,8 lần cho thấy cấu trúc tài chính an toàn.

# Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc *(tiếp theo)*

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, Công ty đã tiến hành cấu trúc thêm một số phòng, ban chức năng và nhân sự quản lý, trong đó có thể kể đến các thay đổi quan trọng sau:

- Thành lập Văn phòng ESG nhằm hình thành một bộ phận có chức năng triển khai chiến lược và các hoạt động của Công ty theo định hướng về Môi trường - Xã hội - Quản trị.
- Bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc mới phụ trách mảng Tài chính và Hành chính toàn Công ty.
- Bổ nhiệm vị trí Giám đốc Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ từ chuyên viên, nhằm đề cao vai trò của chuyên viên.
- Tổng Giám đốc tái cấu trúc và hình thành một loạt các hội đồng trực thuộc BTGD với vai trò và trách nhiệm cụ thể nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ chuyên môn và tăng tính liên kết giữa các phòng, ban chức năng:

|                          |   |   |                                    |
|--------------------------|---|---|------------------------------------|
| Hội đồng Nhân sự         | Hội đồng Tín dụng                             | Hội đồng 5S                                     | Hội đồng Dự án Cải tiến trọng điểm |
| Hội đồng Quản trị rủi ro | Hội đồng ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) | Hội đồng Xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc | Hội đồng Thu mua                   |



## Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024

Công ty đánh giá tình hình thị trường sẽ có chiều hướng được cải thiện hơn so với năm 2023. Vì vậy, dự kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên mức tăng trưởng khoảng 6,5% so với năm 2023. Tuy nhiên về chi tiết kế hoạch, Đại hội đồng cổ đông năm 2024 sẽ xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng.

### Dự kiến xây dựng kế hoạch SXKD dựa trên mức tăng trưởng

**▲ 6,5%**  
so với năm 2023

## Giải trình của BTGD đối với ý kiến Kiểm toán

Không có vấn đề cần giải trình



# Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc *(tiếp theo)*

## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, các chỉ tiêu môi trường tại Công ty được kiểm soát chặt chẽ nhằm nâng cao điều kiện làm việc của người lao động và đáp ứng các quy định của pháp luật. Cụ thể:



### Về chất thải

Tất cả các loại chất thải được Công ty tổ chức phân loại, thu gom và xử lý đúng quy định.

### Về nước thải

100% nước sử dụng trong hoạt động sản xuất tại Công ty được tuần hoàn và tái sử dụng, chỉ có nước thải sinh hoạt của NLD. Toàn bộ lượng nước thải này đều được các nhà máy và đơn vị thành viên tổ chức xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thu gom của địa phương hoặc khu công nghiệp.

### Về khí thải

Công ty đang triển khai thực hiện quy định về kiểm toán khí nhà kính phát thải đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty theo đúng quy định và lộ trình theo quy định của Chính phủ.

### Về bụi thải

Công ty đã đầu tư các trang thiết bị nhằm hạn chế phát thải bụi và đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Các kết quả đo kiểm môi trường vi khí hậu đều thấp (tốt) hơn rất nhiều so với quy định cho phép của pháp luật hiện hành.

**“** Với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, các chỉ tiêu môi trường tại Công ty được kiểm soát chặt chẽ nhằm nâng cao điều kiện làm việc của người lao động và đáp ứng các quy định của pháp luật. **”**

# Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc *(tiếp theo)*

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đối với người lao động, BMP luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ việc làm, tiền lương, bảo hiểm và hoàn thiện, bổ sung các chế độ phúc lợi cạnh tranh, xây dựng môi trường lao động nhân văn, truyền cảm hứng để tăng năng suất làm việc và phát huy tối đa năng lực của bản thân. Không ngừng cập nhật, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động cũng như phổ biến các quy định trong quan hệ lao động.

Trong năm 2023, với việc triển khai bộ từ điển năng lực đã hoàn chỉnh, Nhựa Bình Minh đang từng bước hoàn chỉnh công tác quản lý lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty đang đẩy mạnh áp dụng việc vận hành các đội dự án Cải tiến trọng điểm (FI) và hình thành các Ủy ban chuyên môn trực thuộc BTGD. Các đội nhóm này vừa hướng đến "Cải tiến liên tục", vừa sẽ tạo môi trường rèn luyện, phát triển năng lực chuyên môn và quản lý-lãnh đạo của mỗi nhân viên. Thông qua đó, Công ty có thể ghi nhận, chọn lọc, sắp xếp để giúp nhân viên phát triển sự nghiệp phù hợp.



## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thông qua việc hình thành và hoạt động của Văn phòng ESG và Hội đồng ESG trực thuộc BTGD, các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương năm 2023 được định hình phù hợp và đồng bộ với các chiến lược phát triển bền vững của Công ty một cách chủ động hơn. Năm 2023, các hoạt động Công tác xã hội của Công ty đã nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng địa phương, cũng như sự ủng hộ nhiệt tình của đội ngũ nhân viên trong Công ty. Với nỗ lực trong hành trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, BMP tự hào được vinh danh "Doanh nghiệp vì Cộng đồng 2023" do Tạp chí Kinh tế Sài Gòn tổ chức, "Doanh nghiệp Xanh TP.HCM" do Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM (HUBA) phối hợp Báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức.

**DOANH NGHIỆP XANH TP. HCM 2023**

**DOANH NGHIỆP VÌ CỘNG ĐỒNG 2023**



Chi tiết báo cáo đánh giá liên quan tới trách nhiệm môi trường và xã hội, Quý vị xem tại mục Phát triển bền vững, trang 112-157

# Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị



## Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

**“** Năm 2023, thị trường bất động sản tiếp tục rơi vào ảm đạm, đáng chú ý, thị trường bất động sản phía Nam càng gặp nhiều khó khăn, thách thức hơn khi thanh khoản sụt giảm mạnh. Tình trạng nhà đầu tư rao bán cắt lỗ, giảm giá diễn ra rầm rộ. Thị trường bất động sản “đóng băng” kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng bằng nhựa giảm đáng kể, khiến doanh thu và sản lượng ngành nhựa cũng sụt giảm. Tuy nhiên, giá hạt nhựa PVC đầu vào trên thị trường được giao dịch trong khoảng giá hẹp so với thời điểm đầu năm 2023, giúp các doanh nghiệp trong ngành giảm chi phí đầu vào, cải thiện biên lợi nhuận gộp. Ban Lãnh đạo Nhựa Bình Minh cũng đã quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng trong thị trường biến động, Công ty vẫn duy trì tăng trưởng ổn định và khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường, với kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật, hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng, đạt và vượt mức kế hoạch năm 2022 đề ra.

### Tổng doanh thu hợp nhất

**5.200** tỷ đồng  
đạt gần 90% so với cùng kỳ

### Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất

**1.307** tỷ đồng  
tăng 50% so với cùng kỳ

Kết quả kinh doanh trên có được nhờ quản lý tốt quy trình chuỗi cung ứng, cải thiện quản lý hàng tồn kho cũng như tăng cường nỗ lực bán hàng và tiếp thị vào đúng khoảng thời gian. Bên cạnh đó, sự hợp tác - phối hợp của đội ngũ nhân viên với tinh thần “Chủ động” và “Tập trung” đã góp phần gắn kết Công ty hoàn thành các cam kết về KPIs.

Đồng thời, để chuẩn bị cho sự tăng trưởng và phát triển bền vững trong tương lai, Nhựa Bình Minh tiếp tục phát triển các hệ thống quản trị tiên tiến theo tầm nhìn chiến lược của Công ty, tập trung vào:

- Về sản xuất và đầu tư, Công ty đã di dời thành công máy móc từ TP. HCM về nhà máy Bình Minh Long An, chủ động thực hiện cam kết về môi trường với chính quyền TP. HCM. Công ty đã đầu tư và phát triển hệ thống tự động hóa và cơ sở hạ tầng của hệ thống Internet of Things (IoT) nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cao, tính đồng nhất và tăng khả năng sản xuất, cải tiến chất lượng.
- Tại thị trường phía Bắc, Nhựa Bình Minh thực hiện chiến lược “Một Thương hiệu - Một Chất lượng” để tăng doanh thu và thị phần bằng cách liên tục mở rộng mạng lưới phân phối mới tại các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nam, Phú Thọ và đầu tư cơ sở hạ tầng của Nhựa Bình Minh Miền Bắc cho việc sản xuất hiện đại và đa dạng hóa các sản phẩm.

Công ty duy trì được sự tín nhiệm của các tổ chức, chính quyền, các tổ chức đánh giá kinh doanh, quản trị trong và ngoài nước thông qua việc giữ vững các danh hiệu và giải thưởng trong năm: Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt nam, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Thương hiệu Vàng TP.HCM, Doanh nghiệp tiêu biểu TP.HCM, Top 100 Công ty phát triển bền vững, Top 50 Công ty có môi trường làm việc tốt châu Á...

Ngoài ra, Công ty còn nhận được các giải thưởng “Doanh nghiệp Xanh TP.HCM” và “Doanh nghiệp vì Cộng đồng”. Các giải thưởng là kết quả đáng tự hào cho những nỗ lực của Nhựa Bình Minh trong công tác thực hiện chiến lược phát triển bền vững, cũng như những cam kết ESG của mình. Trong tương lai, Nhựa Bình Minh tiếp tục nâng cao trách nhiệm về sản phẩm cho người tiêu dùng và chung tay đóng góp vào sự tăng trưởng xanh của đất nước.

Công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 khoảng 532 tỷ đồng (6.500 đồng/cổ phiếu). Căn cứ truyền thống đảm bảo tốt lợi ích của cổ đông và với hiệu quả kinh doanh rất cao năm 2023, dự kiến cổ tức của Công ty cả năm 2023 sẽ rất khả quan trong điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp đều gặp khó khăn chung như hiện nay.

# Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị *(tiếp theo)*

## Báo cáo tự đánh giá của HĐQT về hoạt động của HĐQT

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã được HĐQT tổ chức thành công vào tháng 4/2023. Tất cả các đề nghị của HĐQT nhận được sự ủng hộ và thông qua của cổ đông trong Đại hội.

Các cuộc họp HĐQT được duy trì đều đặn, đầy đủ theo đúng yêu cầu của Điều lệ Công ty bằng hình thức trực tiếp. HĐQT tuân thủ nguyên tắc quản trị và thực hiện tốt những công việc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động Công ty thông qua các báo cáo hàng tháng của Tổng Giám đốc.

HĐQT đã ủng hộ các giải pháp của Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty, đặc biệt duy trì các chế độ đảm bảo thu nhập và thực hiện các chính sách cho người lao động.



## Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập

Năm 2023 đặt ra những thách thức không nhỏ cho hoạt động kinh doanh, trong đó nhu cầu sử dụng ống nhựa cũng bị ảnh hưởng tiêu cực. Bất chấp những khó khăn này, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh đã thể hiện tinh thần bền bỉ và khả năng thích ứng nhanh. Những nỗ lực không ngừng của họ nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và quy trình vận hành đã giúp Công ty lèo lái vững chãi qua môi trường kinh doanh đầy biến động. Kết quả tài chính vượt trội của năm 2023 là minh chứng cho tính hiệu quả của các sáng kiến chiến lược của họ.

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự tham gia tích cực của HĐQT trong việc đưa ra những phản hồi và hướng dẫn kịp thời cho đội ngũ quản lý. HĐQT với tầm nhìn chiến lược dài hạn cũng khuyến khích BTGD nghiên cứu sâu thị trường, khám phá các cơ hội mở rộng kinh doanh.

Cam kết của Công ty đối với lợi ích của các bên liên quan được thể hiện rõ ở nhiều mặt. Đáng chú ý trong đó là các sáng kiến nhằm nâng cao kỹ năng của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo, các hoạt động trao đổi làm tăng cường tính minh bạch với đại lý và cổ đông, góp phần củng cố niềm tin và uy tín trên thị trường. Đặc biệt, về phát triển nhân viên, kinh phí đào tạo tăng dần qua các năm. Khoản đầu tư này đã dẫn đến nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng của nhân viên và tạo điều kiện cho nhân viên tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp trong khu vực. Những sáng kiến như vậy không chỉ trao quyền cho nhân viên mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.



**Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao sự tham gia tích cực của HĐQT trong việc đưa ra những phản hồi và hướng dẫn kịp thời cho đội ngũ quản lý. HĐQT với tầm nhìn chiến lược dài hạn cũng khuyến khích BTGD nghiên cứu sâu thị trường, khám phá các cơ hội mở rộng kinh doanh.**



Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực đóng góp các ý tưởng nhằm tăng cường giao tiếp với nhà đầu tư, một khía cạnh quan trọng trong việc duy trì tính minh bạch và niềm tin của nhà đầu tư. Tôi rất vui khi thấy những đề xuất này được đội ngũ quản lý chấp nhận và thực hiện.

Trong năm tới, Thành viên HĐQT độc lập mong Ban Lãnh đạo tiếp tục các hoạt động quảng bá, các trao đổi với các đại lý và khách hàng để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Việc tăng cường các mối quan hệ này sẽ không chỉ thúc đẩy lòng trung thành mà còn cung cấp những hiểu biết có giá trị cho việc ra quyết định chiến lược.

# Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị *(tiếp theo)*

## Đánh giá về hoạt động của BTGD

Với những kết quả đạt được trong năm 2023, HĐQT đã thảo luận và đánh giá: TGD và BTGD đã đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hoàn thành xuất sắc các chỉ kế hoạch mà ĐHCĐ giao, đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

HĐQT đã ủng hộ, chấp thuận BTGD bổ nhiệm ông Asada Boonsrirat làm Phó Tổng Giám đốc vào ngày 01/7/2023, để đảm nhiệm các công việc mảng Tài chính Kế toán, Hành chính và Công nghệ thông tin của Công ty, với mục tiêu hoàn thiện quy trình làm việc, hiện đại hóa, tinh gọn và số hóa vì sự phát triển bền vững của Công ty.

BTGD đã điều hành và quản lý tốt hoạt động kinh doanh của Công ty với kinh nghiệm, khả năng ra quyết định linh hoạt dựa trên phân tích dữ liệu, cách tiếp cận có hệ thống và theo dõi tình hình cung cầu. BMP một lần nữa ghi dấu ấn quan trọng với lợi nhuận sau thuế cao nhất trong 46 năm hoạt động là 1.307 tỷ đồng.

Dựa vào thuận lợi của yếu tố giá nguyên liệu đầu vào thấp, BTGD đã hoạch định những giải pháp kinh doanh phù hợp để tận dụng các thuận lợi trên. Theo đó, BTGD đã tập trung vào áp dụng phương thức Vận hành Xuất sắc trong sản xuất và chiến lược dẫn đầu chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị phần trong dài hạn, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.



**BTGD đã tập trung vào áp dụng phương thức Vận hành Xuất sắc trong sản xuất và chiến lược dẫn đầu chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị phần trong dài hạn, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.**

BTGD đã ưu tiên tập trung vào các chương trình Cải tiến trọng điểm, với sự tham gia 100% của tất cả các phòng ban, mang lại giá trị tích cực từ việc triển khai FI hơn 30 tỷ đồng cũng như cải thiện về chất lượng, an toàn và quy trình làm việc, thúc đẩy sự phát triển của nhân sự thông qua phương pháp “Học đi đôi với Hành”.

BTGD được HĐQT đánh giá cao tầm quan trọng trong công tác Quản trị doanh nghiệp khi điều hành bộ phận Quản lý rủi ro và Kiểm toán nội bộ xây dựng và triển khai hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp và hệ thống quản lý tuân thủ cho Công ty.

BTGD duy trì mối quan hệ đồng thuận và khích lệ được tinh thần làm việc tập thể của NLD thông qua các hoạt động gắn kết nhân viên, xây dựng một môi trường làm việc nội bộ thân thiện, an toàn và nâng cao lợi ích cho người lao động.





# Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị *(tiếp theo)*



## Định hướng và kế hoạch của HĐQT năm 2024

Năm 2024, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức đan xen với thuận lợi, cơ hội, nhưng khó khăn, thách thức cũng nhiều hơn. Đứng trước bối cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo bám sát mục tiêu đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD và tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Công ty, tập trung vào các mục tiêu trọng tâm kế hoạch nhằm duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo và hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan; kèm theo đó là các biện pháp thực hiện nhiệm vụ, tập trung vào các vấn đề sau:

- Tiếp tục khẳng định năng lực và vị trí dẫn đầu của Công ty tại thị trường Việt Nam. Kiên định với định hướng ưu tiên phát triển thị phần và vận dụng linh hoạt chính sách để nâng cao kết quả kinh doanh.
- Tăng cường khả năng cạnh tranh chung thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng đối tượng khách hàng, ứng dụng các mô hình, công cụ quản trị tiên tiến kết hợp với việc đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại.
- Tiếp tục xây dựng hệ thống Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất. Xây dựng khung chiến lược Phát triển bền vững (ESG) và triển khai thực hành ESG, thông qua 02 Hội đồng quan trọng được thành lập vào năm 2023 là Hội đồng ESG và Hội đồng Quản lý Rủi ro.
- Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chương trình “Học đi đôi với Hành”, tăng cường chính sách đãi ngộ, giữ chân nhân tài, xây dựng nguồn nhân lực quản lý và lao động chất lượng cao.
- Tiếp tục duy trì văn hóa Công ty, văn hóa HĐQT tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Rà soát, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chiến lược Công ty.



# Báo cáo của Ban Kiểm soát

## Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023

HĐQT và BTGD đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023.

### Hoạt động giám sát của BKS đối với của HĐQT và BTGD

BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và BTGD.

Tất cả các vấn đề quan trọng đều được các thành viên HĐQT thảo luận dân chủ, công khai và được đánh giá thấu đáo, cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất. BTGD luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị Quyết của HĐQT đã ban hành.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD

BKS ghi nhận sự phối hợp của HĐQT và BTGD. Thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty luôn được cập nhật thường xuyên.

Các cuộc họp của BKS luôn được BTGD tổ chức chu đáo, các tài liệu BKS cần kiểm tra đều được cung cấp đầy đủ và kịp thời, hỗ trợ tốt cho hoạt động giám sát của BKS.

BKS nhận đầy đủ các nghị quyết, văn bản của HĐQT và BTGD liên quan đến việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ.

## Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, BTGD
- Thẩm tra tính trung thực, minh bạch các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty
- Rà soát và có ý kiến đối với các quy trình/quy định nội bộ của Công ty



*Trong năm 2023, Công ty đã áp dụng chuyển đổi toàn bộ những tài sản mang tính chất công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế có giá trị từ 30 triệu trở lên, quản lý theo quy trình tài sản cố định. Việc ghi nhận này không những đáp ứng hoàn toàn vấn đề tuân thủ theo quy định pháp luật về thuế mà Công ty sẽ nâng cao hiệu quả kiểm soát việc sử dụng tài sản, giảm thiểu hao phí, mất mát...*

## Kết quả giám sát, thẩm định báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính các quý, bán niên và cả năm dựa trên báo cáo do Công ty trình bày và kết quả kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập KPMG. Qua đó, Ban Kiểm soát nhận thấy báo cáo tài chính đã thể hiện trung thực và hợp lý theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện rõ về tình hình kinh doanh cũng như tài chính tại BMP, không phát hiện sai sót trọng yếu và rủi ro gian lận trong báo cáo tài chính.

Trong năm 2023, Công ty đã thay đổi về cách ghi nhận về quản lý tài sản cố định. Thay vì chỉ tập trung xem xét những tài sản được định nghĩa theo truyền thống là những dây chuyền máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển, nhà xưởng... mà đã áp dụng chuyển đổi toàn bộ những tài sản mang tính chất công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế có giá trị từ 30 triệu trở lên, quản lý theo quy trình tài sản cố định. Việc ghi nhận này không những đáp ứng hoàn toàn vấn đề tuân thủ theo quy định pháp luật về thuế mà Công ty sẽ nâng cao hiệu quả kiểm soát việc sử dụng tài sản, giảm thiểu hao phí, mất mát...



# Tình hình tài chính

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                | Đơn vị  | 2021  | 2022  | 2023  |
|---|---------|-------|-------|-------|
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>     |         |       |       |       |
| Doanh thu                               | Tỷ đồng | 4.565 | 5.825 | 5.200 |
| Doanh thu thuần                         | Tỷ đồng | 4.553 | 5.808 | 5.157 |
| Lợi nhuận gộp                           | Tỷ đồng | 704   | 1.608 | 2.116 |
| Chi phí hoạt động                       | Tỷ đồng | 369   | 632   | 783   |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 335   | 975   | 1304  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính  | Tỷ đồng | -65   | -102  | -27   |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác       | Tỷ đồng | -4    | 3     | 3     |
| Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết | Tỷ đồng | 2     | -5    | -2    |
| Lợi nhuận trước thuế                    | Tỷ đồng | 268   | 871   | 1.307 |
| Lợi nhuận sau thuế                      | Tỷ đồng | 214   | 694   | 1.041 |

## Bảng cân đối kế toán

|                |         |       |       |       |
|----------------|---------|-------|-------|-------|
| Tổng tài sản   | Tỷ đồng | 2.838 | 3.045 | 3.255 |
| Vốn điều lệ    | Tỷ đồng | 819   | 819   | 819   |
| Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 2.293 | 2.621 | 2.690 |

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

|                           |   |     |     |     |
|---------------------------|---|-----|-----|-----|
| Biên lợi nhuận gộp        | % | 15% | 28% | 41% |
| Biên lợi nhuận trước thuế | % | 6%  | 15% | 25% |
| ROS                       | % | 5%  | 12% | 20% |
| ROA                       | % | 8%  | 23% | 32% |
| ROE                       | % | 9%  | 26% | 39% |

## Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu

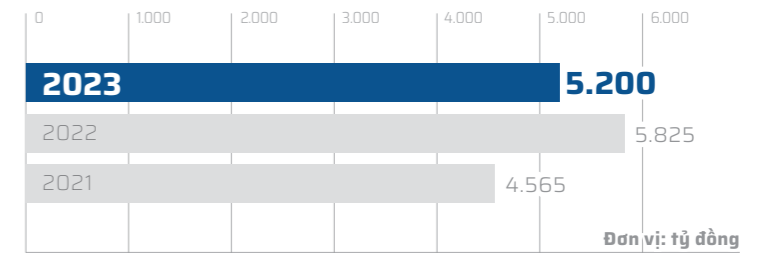
|   |          |            |            |            |
|---|----------|------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ | Cổ phiếu | 81.860.938 | 81.860.938 | 81.860.938 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | VNĐ      | 2.619      | 8.481      | 12.717     |
| Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu              | VNĐ      | 28.017     | 32.022     | 32.857     |
| Cổ tức                                  | VNĐ      | 2.600      | 8.400      | 6.500(*)   |
| Giá thị trường thời điểm cuối năm       | VNĐ      | 59.900     | 60.000     | 104.300    |

(\*) Cổ tức tạm ứng Tháng 12/2023



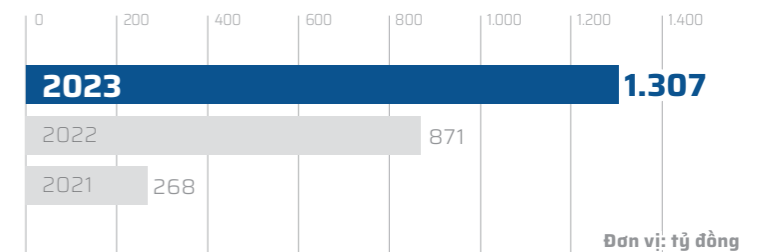
Doanh thu

**5.200** tỷ đồng



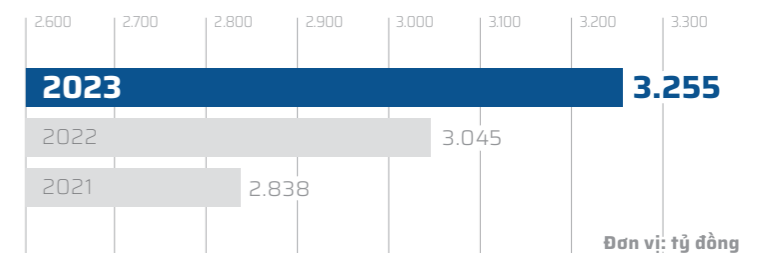
Lợi nhuận trước thuế

**1.307** tỷ đồng



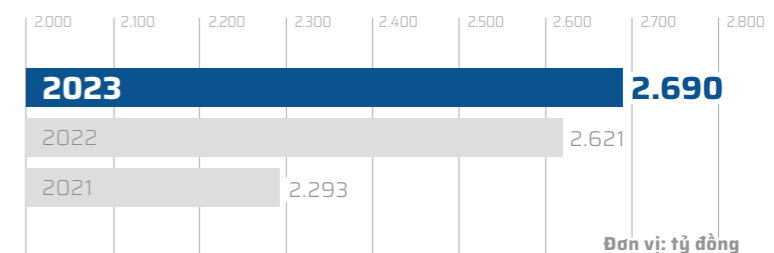
Tổng tài sản

**3.255** tỷ đồng



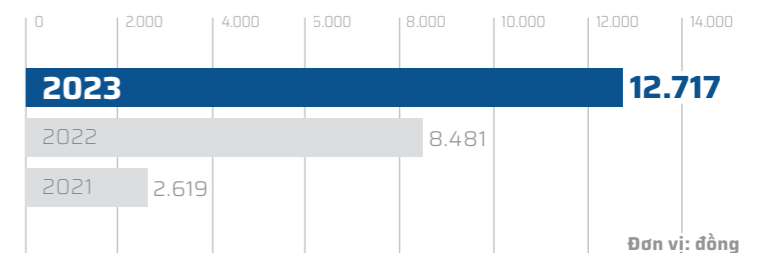
Vốn chủ sở hữu

**2.690** tỷ đồng



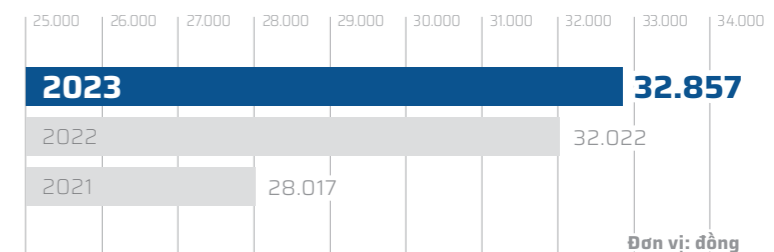
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)

**12.717** đồng



Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (BVPS)

**32.857** đồng



# Tình hình tài chính *(tiếp theo)*



## Cơ cấu tài sản

| Chỉ tiêu         | Đơn vị  | 2021  | 2022  | 2023  |
|------------------|---------|-------|-------|-------|
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 2.008 | 2.215 | 2.594 |
| Tài sản dài hạn  | Tỷ đồng | 830   | 830   | 661   |

## Cơ cấu nguồn vốn

| Chỉ tiêu       | Đơn vị  | 2021  | 2022  | 2023  |
|----------------|---------|-------|-------|-------|
| Nợ phải trả    | Tỷ đồng | 545   | 423   | 565   |
| Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 2.293 | 2.621 | 2.690 |

## Cơ cấu chi phí

| Chỉ tiêu                          | 2021  | 2022  | 2023  |
|-----------------------------------|-------|-------|-------|
| Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần  | 84,5% | 72,3% | 59,0% |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần  | 6,2%  | 8,7%  | 13,1% |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần   | 1,9%  | 2,2%  | 2,1%  |
| Chi phí tài chính/Doanh thu thuần | 2,7%  | 2,7%  | 2,8%  |

## Khả năng thanh toán

| Chỉ tiêu                      | 2021 | 2022 | 2023 |
|-------------------------------|------|------|------|
| Khả năng thanh toán bằng tiền | 1,9  | 3,3  | 3,7  |
| Khả năng thanh toán nhanh     | 2,7  | 4,1  | 4,1  |
| Khả năng thanh toán hiện tại  | 3,8  | 5,5  | 4,7  |

## Khả năng sinh lời

| Chỉ tiêu                  | 2021  | 2022  | 2023  |
|---------------------------|-------|-------|-------|
| Biên lợi nhuận gộp        | 15,5% | 27,7% | 41,0% |
| Biên lợi nhuận trước thuế | 5,9%  | 15,0% | 25,3% |
| Biên lợi nhuận sau thuế   | 4,7%  | 12,0% | 20,2% |
| ROA                       | 7,6%  | 22,8% | 32,0% |
| ROE                       | 9,3%  | 26,5% | 38,7% |

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Đầu tư mới và hệ thống tự động hóa

**55** tỷ đồng

Các khoản đầu tư lớn trong năm 2023

Năm 2023, BMP tập trung đầu tư mới và hệ thống tự động hóa với giá trị đầu tư 55 tỷ đồng, thực hiện năm 2023 đạt 100% so với kế hoạch.



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con, công ty liên kết

## ■ Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)



NBM là công ty con do BMP sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 vượt kế hoạch 77,3%.

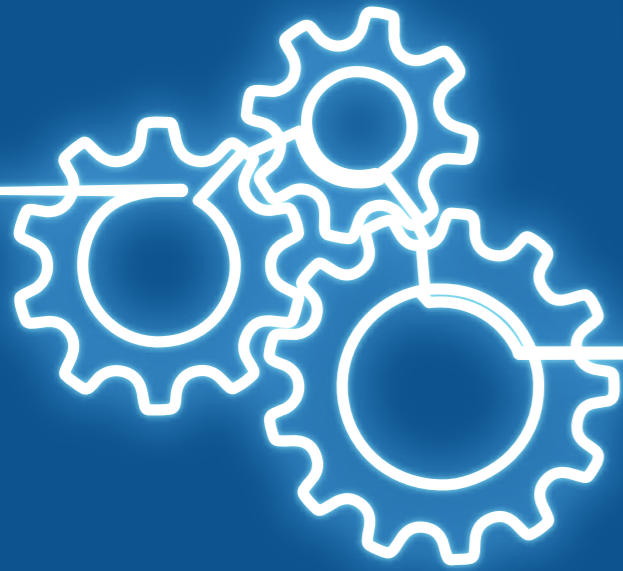
**Lợi nhuận trước thuế năm 2023 vượt kế hoạch**

**77,3%**

## CHƯƠNG IV

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 90 Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 94 Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát
- 96 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 98 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS
- 100 Tình hình thực hiện nguyên tắc quản trị công ty theo thể điểm ASEAN
- 106 Quản trị rủi ro



# Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

| STT | Họ và tên                      | Chức vụ                    | Sở hữu CP có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết |
|-----|--------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Ông Sakchai Patiparnpreechavud | Chủ tịch                   | 0                             | 0                                   |
| 2   | Ông Nguyễn Hoàng Ngân          | Thành viên không điều hành | 618.550                       | 0,756%                              |
| 3   | Ông Chaowalit Treejak          | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD | 0                             | 0                                   |
| 4   | Ông Poramate Larnroongroj      | Thành viên không điều hành | 0                             | 0                                   |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Minh Giang       | Thành viên độc lập         | 0                             | 0                                   |
| 6   | Ông Phan Khắc Long(*)          | Thành viên độc lập         | 0                             | 0                                   |

\* Ông Phan Khắc Long miễn nhiệm từ ngày 28/4/2023

## Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

- Ủy ban Đề cử và Thù lao do ông Poramate Larnroongroj phụ trách.
- Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ do ông Nguyễn Hoàng Ngân và bà Nguyễn Thị Minh Giang phụ trách.
- Ủy ban Quản trị Công ty và Phát triển bền vững do ông Chaowalit Treejak phụ trách.



## Hoạt động của Hội đồng Quản trị

### Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, trong đó, tình hình tham dự của các thành viên như sau:

| STT | Thành viên HĐQT                | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự   |
|-----|--------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------------|
| 1   | Ông Sakchai Patiparnpreechavud | 7/7                 | 100%              | -                     |
| 2   | Ông Nguyễn Hoàng Ngân          | 7/7                 | 100%              | -                     |
| 3   | Ông Chaowalit Treejak          | 7/7                 | 100%              | -                     |
| 4   | Ông Poramate Larnroongroj      | 7/7                 | 100%              | -                     |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Minh Giang       | 5/5                 | 100%              | -                     |
| 6   | Ông Phan Khắc Long             | 2/2                 | 100%              | Từ nhiệm từ 28/4/2023 |

## Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm, dù có sự thay đổi về một thành viên HĐQT, nhưng các thành viên còn lại đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để thành viên HĐQT mới mau chóng tiếp cận với hoạt động chung.

HĐQT thường xuyên và định kỳ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, cụ thể như sau:

- Cập nhật kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý của Công ty.
- HĐQT đã theo dõi sát sao tình hình thị trường về giá nguyên vật liệu để định hướng tồn kho nguyên vật liệu hợp lý.
- Định hướng Công ty tiếp cận thị trường dựa trên các thế mạnh về chất lượng sản phẩm, uy tín thương hiệu và xây dựng các kênh tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng cuối để hỗ trợ cho hệ thống phân phối hiện tại.
- Triển khai chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư 2023 có tính toán đến tính thực tế khó khăn thị trường.
- Tập trung giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thành công, xem xét phản hồi phù hợp đối với các ý kiến của cổ đông.
- Đã kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho BTGD cấp cao thông qua bổ nhiệm 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Hành chính.

# Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị *(tiếp theo)*

## Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

4 Tiểu ban giúp việc cho HĐQT trước đây, sau ĐHCĐ thường niên 2023 đã được tái cấu trúc thành 3 Ủy ban và phân công lại người phụ trách cho phù hợp cơ cấu HĐQT mới được bầu. Các Ủy ban đã đi vào hoạt động ổn định trong các hoạt động hỗ trợ cho HĐQT.

## Các nghị quyết/quyết định của HĐQT

Trong năm, HĐQT đã tổ chức được 7 kỳ họp lấy ý kiến HĐQT trong đó có 5 kỳ họp định kỳ và 2 kỳ họp đột xuất. Thông qua các kỳ họp đã ra được các Nghị quyết và Quyết định như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1   | 01/NQ-BM/HĐQT/2023       | 08/03/2023 | Về tổ chức Đại hội Cổ đông Thường niên 2023                      |
| 2   | 02/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/03/2023 | Trích lập Ngân sách thưởng cho NLD 2023                          |
| 3   | 03/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/04/2023 | Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT                           |
| 4   | 04/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/04/2023 | Trả cổ tức tiền mặt đợt cuối năm 2022                            |
| 5   | 05/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/04/2023 | Trao quyền cho Mr. Chaowalit giao dịch với các đối tác nói chung |
| 6   | 06/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/04/2023 | Trao quyền cho Mr. Chaowalit giao dịch với Sacombank             |
| 7   | 07/NQ-BM/HĐQT/2023       | 28/04/2023 | Trao quyền cho Mr. Chaowalit giao dịch với ACB                   |



|    |                      |            |   |
|----|----------------------|------------|---|
| 8  | 08/NQ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Trao quyền cho Mr. Chaowalit giao dịch với Vietinbank               |
| 9  | 09/NQ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Điều chỉnh ngày trả cổ tức tiền mặt đợt cuối năm 2022               |
| 10 | 10/NQ-BM/HĐQT/2023   | 04/04/2022 | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Hành chính          |
| 11 | 11/NQ-BM/HĐQT/2023   | 20/10/2023 | Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư tại Nhà máy BMLA          |
| 12 | 12/NQ-BM/HĐQT/2023   | 31/10/2023 | Tạm ứng cổ tức tiền mặt cho 2023                                    |
| 13 | 13/NQ-BM/HĐQT/2023   | 31/10/2023 | Thanh lý tài sản cũ không còn sử dụng                               |
| 14 | 14//NQ-BM/HĐQT/2023  | 31/10/2023 | Bán thanh lý tài sản không còn sử dụng                              |
| 15 | 01/QĐ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Bổ nhiệm Chủ tịch công ty thành viên NBM                            |
| 16 | 02/QĐ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Bổ nhiệm Ủy ban Đề cử và Thù lao của BMP                            |
| 17 | 03/QĐ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Bổ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ                  |
| 18 | 02/QĐ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Bổ nhiệm Ủy ban Đề cử và Thù lao của BMP                            |
| 19 | 03/QĐ-BM/HĐQT/2023   | 28/04/2023 | Bổ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ                  |
| 20 | 03A/QĐ-BM/HĐQT/2023  | 11/07/2024 | Bổ nhiệm bổ sung thêm thành viên vào Ủy ban Đề cử và Thù Lao        |
| 21 | 04A/ QĐ-BM/HĐQT/2023 | 09/08/2024 | Bổ nhiệm chi tiết Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Hành chính |
| 22 | 04/ QĐ-BM/HĐQT/2023  | 14/08/2024 | Tái cấu trúc các bộ phận  |

## Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Tuy mới tham gia HĐQT từ tháng 04/2023, nhưng thành viên HĐQT độc lập đã đầu tư nhiều thời gian để tiếp cận với hệ thống quản trị của Công ty nhằm kịp thời nắm bắt các thông tin và vấn đề thực tế. Là thành viên nữ được bổ sung đã giúp HĐQT có góc nhìn toàn diện hơn trong phát triển bền vững. Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia 100% các buổi họp HĐQT. Với vai trò thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ thuộc HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp nhiều ý kiến khách quan trong việc đề xuất xây dựng các hoạt động Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ năm 2023.

## Đào tạo về quản trị Công ty

- Cử 2 nhân viên đi tập huấn chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty tại VIOD
- Cử 3 nhân viên đi tập huấn về thực hành quản trị Công ty vượt trên sự tuân thủ tại VIOD

## Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

| STT | Họ và tên                      | Nơi cấp chứng chỉ |
|-----|--------------------------------|-------------------|
| 1   | Ông Sakchai Patiparnpreechavud | Thailand          |
| 2   | Ông Chaowalit Treejak          | Thailand          |
| 3   | Ông Poramate Larnroongroj      | Thailand          |
| 4   | Ông Nguyễn Hoàng Ngân          | VIOD -2022        |



# Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát

## Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên BKS tại thời điểm 31/12/2023 là 03 thành viên gồm 01 Trưởng BKS và 02 thành viên. Trong năm 2023, các thành viên BKS tham dự cuộc họp BKS như sau:

| STT | Thành viên BKS          | Chức vụ              | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Sở hữu CP có quyền biểu quyết | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-------------------------|----------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Thanh Thuận  | Trưởng Ban Kiểm soát | 20/4/2018                      | 0                             | 2/2                     | 100%              |
| 2   | Ông Praween Wirotpan    | Thành viên BKS       | 20/4/2018                      | 0                             | 2/2                     | 100%              |
| 3   | Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh | Thành viên BKS       | 25/4/2013                      | 0                             | 2/2                     | 100%              |



## Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, BKS tổ chức 02 cuộc họp để giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các quy trình/quy định nội bộ đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Nội dung cụ thể như sau:

| STT | Ngày       | Số thành viên tham gia | Nội dung chính  |
|-----|------------|------------------------|---|
| 1   | 28/4/2023  | 3/3                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân chia nhiệm vụ trong BKS nhiệm kỳ 2023-2027</li> <li>Cập nhật kết quả kinh doanh Quý 1/2023</li> <li>Xem xét các khuyến nghị của đoàn IA SCG</li> </ul>  |
| 2   | 22/11/2023 | 3/3                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng quan cuộc họp BOD, kết quả kinh doanh 9 tháng 2023</li> <li>Cập nhật các khuyến nghị của đoàn IA SCG và giải trình của Công ty nhằm khắc phục/phòng ngừa</li> <li>Xem báo cáo thanh tra của cơ quan thuế giai đoạn 2020-2022</li> <li>Cập nhật các khoản nợ quá hạn hiện tại và kế hoạch xử lý</li> </ul> |

Bên cạnh đó, BKS cũng có một số hoạt động khác trong năm 2023, như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát tham gia toàn bộ các cuộc họp định kỳ của HĐQT nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Các thành viên BKS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã phân công cho từng thành viên.
- BKS đóng góp ý kiến cho Báo cáo năm 2022, xây dựng Kế hoạch năm 2023 của Công ty.
- BKS đã có báo cáo trực tiếp về hoạt động năm 2022 và báo cáo về thu nhập của người nội bộ tại ĐHĐCĐ 2023.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường của Công ty.

# Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu *(tại thời điểm 31/12/2023)*

## Cổ phần

| Tổng số cổ phần | Loại cổ phần      | Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do | Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng |
|-----------------|-------------------|--------------------------------------|---|
| 81.860.938      | Cổ phần phổ thông | 81.860.938                           | -   |



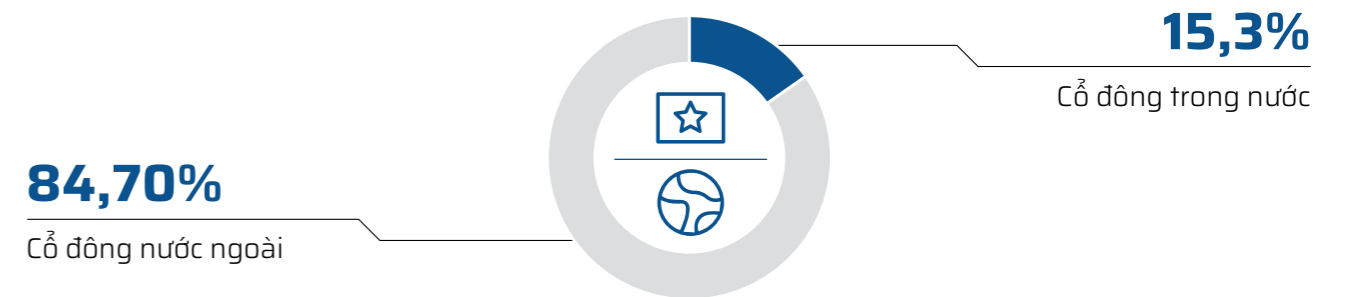
## Cơ cấu cổ đông

| STT              | Cổ đông            | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ       |
|------------------|--------------------|------------------|--------------------------|-------------|
| 1                | Cổ đông cá nhân    | 3.331            | 11.707.448               | 13,14%      |
| 2                | Cổ đông tổ chức    | 120              | 70.153.490               | 86,86%      |
| 3                | Cổ đông trong nước | 3.151            | 12.520.371               | 15,3%       |
| 4                | Cổ đông nước ngoài | 300              | 69.340.567               | 84,70%      |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>3.451</b>     | <b>81.860.938</b>        | <b>100%</b> |

### Cổ đông cá nhân/cổ đông tổ chức



### Cổ đông trong nước/cổ đông nước ngoài



### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

#### Các chứng khoán khác

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện việc phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

# Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS

## Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

| STT | Họ Tên                     | Bộ phận | Lương         | Thưởng      | Khác          | Tổng thu nhập | Thuế TNCN     | Thu nhập còn lại |
|-----|----------------------------|---------|---------------|-------------|---------------|---------------|---------------|------------------|
| 1   | Sakchai Patiparnpreechavud | HĐQT    | -             | -           | 2.735.555.182 | 2.735.555.182 | 547.111.037   | 2.188.444.145    |
| 2   | Chaowalit Treejak          | HĐQT    | 2.444.781.035 | 753.907.047 | 1.877.685.251 | 5.076.373.333 | 1.599.203.567 | 3.477.169.766    |
| 3   | Poramate Larnroongroj      | HĐQT    | -             | -           | 1.641.333.110 | 1.641.333.110 | 328.266.622   | 1.313.066.488    |
| 4   | Nguyễn Hoàng Ngân          | HĐQT    | 136.430.063   | 33.719.522  | 1.823.956.485 | 1.994.106.070 | 199.410.606   | 1.794.695.464    |
| 5   | Nguyễn Thị Minh Giang      | HĐQT    | -             | -           | 545.592.848   | 545.592.848   | 54.559.285    | 491.033.563      |
| 6   | Phan Khắc Long             | HĐQT    | -             | -           | 1.095.740.262 | 1.095.740.262 | 109.574.027   | 986.166.235      |
| 7   | Bông Hoa Việt              | HĐQT    | 1.075.052.191 | 335.622.210 | 832.166.555   | 2.242.840.956 | 614.864.527   | 1.627.976.429    |
| 8   | Nguyễn Lưu Thùy Minh       | BKS     | 444.965.833   | 135.513.223 | 720.557.480   | 1.301.036.536 | 269.832.436   | 1.031.204.100    |
| 9   | Nguyễn Thanh Thuận         | BKS     | -             | -           | 1.181.262.464 | 1.181.262.464 | 118.126.246   | 1.063.136.218    |
| 10  | Praween Wirotpan           | BKS     | -             | -           | 708.757.479   | 708.757.479   | 70.875.748    | 637.881.731      |
| 11  | Asada Boonsirat            | PTGD    | 542.218.909   | 500.000     | 168.916.668   | 711.635.577   | 155.945.208   | 555.690.369      |
| 12  | Nguyễn Thanh Quan          | PTGD    | 2.102.641.734 | 750.318.553 | 11.500.000    | 2.864.460.287 | 806.544.866   | 2.057.915.421    |
| 13  | Nguyễn Thanh Hải           | PTGD    | 2.053.614.651 | 638.860.122 | 11.500.000    | 2.703.974.773 | 745.754.937   | 1.958.219.836    |
| 14  | Phùng Hữu Luận             | KTT     | 1.713.836.152 | 577.875.905 | 11.500.000    | 2.303.212.057 | 608.760.875   | 1.694.451.182    |

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

| Họ Tên         | Chức vụ | Số CP trước giao dịch | Mua CP | Bán CP | Số CP sau giao dịch | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------|---------|-----------------------|--------|--------|---------------------|--------------|
| Phùng Hữu Luận | KTT     | 10.009                |        | 10.009 | 0                   | 0 %          |

## Giao dịch của cổ đông sở hữu 5% trở lên

| Cổ đông                          | Số lượng CP trước giao dịch | Mua     | Bán | Số lượng CP sau giao dịch | Tỷ lệ sở hữu sau GD |
|----------------------------------|-----------------------------|---------|-----|---------------------------|---------------------|
| Nawaplastic Industries Co., Ltd. | 44.589.811                  | 426.100 |     | 45.015.911                | 54,99%              |
| KWE Beteiligungen AG             | 8.880.208                   | 424.800 |     | 9.305.008                 | 11,37%              |

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có



# Tình hình thực hiện nguyên tắc quản trị công ty theo thẻ điểm ASEAN



**“** Quản trị doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong điều hành, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cân bằng lợi ích của các bên liên quan, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị doanh nghiệp. Đồng thời việc tuân thủ các nguyên tắc quản trị giúp Nhựa Bình Minh tăng cường sự minh bạch, nâng cao uy tín, niềm tin đối với thị trường và các bên liên quan, là nền tảng để doanh nghiệp bảo đảm sự phát triển bền vững, nâng cao cạnh tranh trong thu hút đầu tư. Do vậy, BMP luôn nỗ lực để hoàn thiện hệ thống quản trị, không chỉ tuân thủ theo các quy định, thông tư tại Việt Nam mà còn tích cực áp dụng theo các chuẩn mực và thông lệ quản trị tốt của quốc tế.

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của Nhựa Bình Minh trong năm 2023 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN.

| STT   | Tiêu chí Thẻ điểm QTCT ASEAN  | Mức độ đáp ứng của BMP  |
|---|---|---|
| <b>A</b>  | <b>ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</b>   |   |
| <p><b>Năm 2023, BMP đã đảm bảo quyền cho tất cả các cổ đông, nhà đầu tư bao gồm cả quyền lợi về tài chính, quyền tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Công ty.</b></p> |   |   |
| A.1   | Quyền cơ bản của cổ đông  | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ:</b><br/>BMP tổ chức ĐHĐCĐ định kỳ vào tháng 4 hằng năm. ĐHĐCĐ năm 2023 được tổ chức vào ngày 28/04, với hình thức trực tiếp (offline) tại địa chỉ Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP.HCM.</li> <li><b>Quyền nhận cổ tức:</b><br/>BMP cam kết thực hiện chính sách cổ tức năm 2023 là tối thiểu 50% trên lợi nhuận sau thuế. Đến tháng 12/2023, BMP đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1/2023 tỷ lệ 65% mệnh giá cổ phiếu.</li> </ul>  |
| A.2   | Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.  | Năm 2023, BMP không thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế,... của Công ty.  |
| A.3   | Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết. | <p>Ngày 28/04/2023, ĐHĐCĐ thường niên của Công ty đã được tổ chức thành công, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của cổ đông, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông báo mời họp được gửi bằng thư bảo đảm, đến tất cả các cổ đông vào ngày 06/04/2023 (trước ĐHĐCĐ 22 ngày), với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, hình thức họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự.</li> <li>Cùng ngày, các thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ cũng được đăng tải công khai trên website Công ty, Cổng thông tin điện tử Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE) và Cổng thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC).</li> <li>Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội (vào ngày 28/04/2023), theo đúng quy định với đầy đủ thông tin theo đúng trình tự thời gian trong vòng 24 giờ.</li> </ul> |
| A.4   | Thị trường giao dịch thân tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.  | Trong năm 2023, BMP không thực hiện sáp nhập, mua lại.  |
| A.5   | Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.  | <p>Định kỳ hàng quý, BMP có tổ chức các buổi gặp mặt cổ đông, nhà đầu tư để cập nhật kết quả kinh doanh Công ty. Ngoài ra, khi cổ đông, nhà đầu tư có đề nghị gặp mặt riêng tùy theo điều kiện thời gian, BMP có thể tổ chức gặp mặt theo đề nghị.</p> <p>Hiện tại, TGD Công ty và nhóm trợ lý TGD phụ trách thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư để cung cấp và trao đổi các thông tin về hoạt động của Công ty, giải đáp thắc mắc, ghi nhận phản hồi từ cổ đông, nhà đầu tư.</p>   |

| STT      | Tiêu chí Thẻ điểm QTCT ASEAN        | Mức độ đáp ứng của BMP |
|----------|-------------------------------------|------------------------|
| <b>B</b> | <b>ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG</b> |                        |

**BMP cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên của BMP.**

|     |   |  |
|-----|---|--|
| B.1 | Cổ phiếu và quyền biểu quyết  | <p>Công ty có quy định về quyền biểu quyết của cổ đông tại Điều 20, Khoản 2, Điều lệ Công ty, như sau:</p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi thông tin của cổ đông và tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội sẽ đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>                                |
| B.2 | Thông báo ĐHĐCĐ   | <p>Thông báo mời họp có đường link để đăng tải các tài liệu ĐHĐCĐ, được gửi trực tiếp bằng thư bảo đảm đến địa chỉ cổ đông của Công ty đã đăng ký vào ngày 06/04/2023 (trước ĐHĐCĐ 22 ngày).</p> <p>Cùng ngày, thông báo chung cũng được công bố trên website Công ty, Cổng thông tin điện tử Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE).</p>  |
| B.3 | Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Công ty có quy định về trách nhiệm của các thành viên HĐQT tại Điều 27 của Điều lệ Công ty.</li> <li>Công ty có quy định về trách nhiệm bồi thường của các thành viên HĐQT tại Điều 27, Khoản 6 của Điều lệ Công ty, như sau:</li> </ul> <p>Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.</p> |
| B.4 | Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao | <p>Công ty có quy định về Giao dịch các bên liên quan của thành viên HĐQT và Cán bộ quản lý cấp cao tại Điều 40 của Điều lệ Công ty năm 2021.</p> <p>Năm 2023, Công ty không có bất kỳ giao dịch nào liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.</p>  |

| STT      | Tiêu chí Thẻ điểm QTCT ASEAN                              | Mức độ đáp ứng của BMP |
|----------|---|------------------------|
| <b>C</b> | <b>ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b> |                        |

**Các hoạt động kinh doanh của BMP đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.**

| Các bên liên quan         | Cam kết của BMP đối với các bên liên quan  |
|---------------------------|--|
| Khách hàng                | Không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.  |
| Cổ đông, nhà đầu tư       | Cam kết thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.<br>(Mục 6 - Điều lệ Công ty)  |
| Cán bộ nhân viên          | Cam kết thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền lợi của cán bộ nhân viên<br>(Điều 43 - Điều lệ Công ty)  |
| Cộng đồng                 | Thực hiện các hoạt động chia sẻ cộng đồng hàng năm<br>(Theo KPIs - 2023 của Công ty- chương trình CSR)   |
| Chính phủ và các bộ ngành | Cam kết thực hiện các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty, đáp ứng được các yêu cầu bền vững về mặt sinh thái và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.<br>(Điều 4, 5 - Điều lệ Công ty). |



**STT Tiêu chí Thẻ điểm QTCT ASEAN Mức độ đáp ứng của BMP**

**D CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN**

**BMP luôn tuân thủ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Đồng thời, tất cả các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin phải công bố của BMP cập nhật trên website của Công ty.**

|   |  |
|---|--|
| Cấu trúc sở hữu minh bạch   | <p>Đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, công bố thông tin qua các phương tiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Báo cáo thường niên</li> <li>■ Website Công ty</li> <li>■ Cổng thông tin điện tử Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE)</li> <li>■ Cổng thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC)</li> </ul> <p>Họp trực tiếp (hoặc trực tuyến) công bố thông tin định kỳ hàng quý với nhà đầu tư</p> |
| Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính | <p>Báo cáo thường niên của BMP được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của BMP luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.</p>  |
| Cung cấp thông tin hoạt động kinh doanh của công ty                       | <p>Công bố thông tin qua các phương tiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Báo cáo thường niên</li> <li>■ Website công ty</li> <li>■ Cổng thông tin điện tử Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE)</li> <li>■ Cổng thông tin điện tử Ủy ban chứng khoán nhà nước (SSC)</li> </ul> <p>Họp trực tiếp (hoặc trực tuyến) công bố thông tin định kỳ hàng quý với nhà đầu tư</p>   |
| Quan hệ nhà đầu tư  | <p>Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư được Công ty thực hiện theo các phương thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Họp trực tiếp (hoặc trực tuyến) công bố thông tin định kỳ hàng quý với nhà đầu tư</li> <li>■ Họp ĐHĐCĐ</li> <li>■ Thông tin bằng thư hoặc email cho các nhà đầu tư</li> </ul> <p>Công bố thông tin trên website Công ty, Cổng thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Cổng thông tin điện tử Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE)</p>                           |

**STT Tiêu chí Thẻ điểm QTCT ASEAN Mức độ đáp ứng của BMP**

**E TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG**

|  |  |
|--|--|
| Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT | Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định trong Điều 27 của Điều lệ Công ty. Đồng thời được công bố công khai trên Báo cáo thường niên.   |
| Cuộc họp HĐQT                                      | <p>Trình tự và thủ tục họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 30 của Điều lệ Công ty.</p> <p>Năm 2023, HĐQT đã thực hiện 07 cuộc họp.</p>  |
| Tính độc lập của thành viên HĐQT                   | <p>Tại BMP, chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách bạch, giúp gia tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và BTGD.</p> <p>Công ty có 01 thành viên độc lập trong 05 thành viên HĐQT để hỗ trợ và thực hiện các công việc liên quan.</p>   |
| Các tiểu ban trực thuộc HĐQT                       | <p>BMP có các Ủy ban trực thuộc HĐQT, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Ủy ban Đề cử và Thù lao</li> <li>■ Ủy ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ</li> <li>■ Ủy ban Quản trị Công ty và Phát triển bền vững</li> </ul>  |
| Hiệu quả HĐQT                                      | <p>Các thành viên HĐQT tích cực tham gia các chương trình có nội dung liên quan đến quản trị công ty để cập nhật thông tin. Hiện trong HĐQT có 04 thành viên (trong tổng số 5 thành viên) đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Ông Sakchai Patiparnpreechavud</li> <li>■ Ông Chaowalit Treejak</li> <li>■ Ông Poramate Larnroongroj</li> <li>■ Ông Nguyễn Hoàng Ngân</li> </ul> |

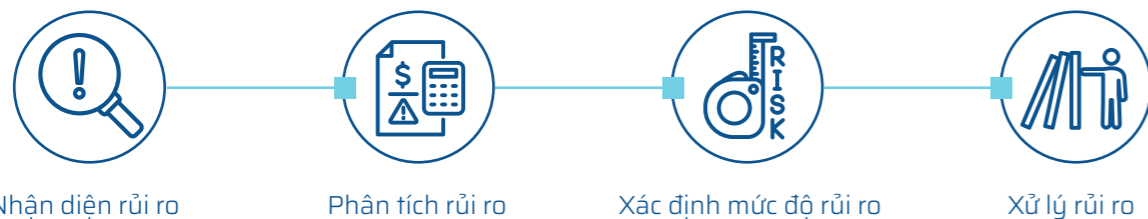


# Quản trị rủi ro

**Quản trị rủi ro được coi là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và quản trị phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tại Nhựa Bình Minh, công tác Quản trị rủi ro (QTRR) được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu chính sau đây:**

- Hạn chế và ngăn ngừa những rủi ro không cần thiết hoặc những thiệt hại không đáng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Xây dựng khuôn khổ nhằm giúp Công ty thực hiện kế hoạch tương lai có tính nhất quán và có thể kiểm soát.
- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

## Quy trình Quản trị rủi ro



Nhận diện rủi ro

Phân tích rủi ro

Xác định mức độ rủi ro

Xử lý rủi ro

## Thành lập Ủy ban Quản trị rủi ro

Năm 2023, với định hướng xây dựng khung và chiến lược Quản trị rủi ro, Công ty đã thành lập Ủy ban Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị do ông Nguyễn Hoàng Ngân và bà Nguyễn Thị Minh Giang phụ trách để triển khai thực hiện.

Ủy ban Quản trị rủi ro có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt chiến lược Quản trị rủi ro, quy chế và chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp chiến lược Quản trị rủi ro của Công ty đề ra.
- Kiến nghị các giải pháp điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược Quản trị rủi ro của Công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các cán bộ làm công tác quản trị rủi ro làm việc tại các phòng, ban, nhà máy có trách nhiệm thực hiện đánh giá và nhận diện rủi ro trong hệ thống và đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra, để duy trì sự phát triển bền vững của Công ty.
- Hỗ trợ các bộ phận trong việc đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả mục tiêu kiểm soát rủi ro.



## Quản trị rủi ro (tiếp theo)

Dù mới đi vào hoạt động, Ủy ban Quản trị rủi ro đã tích cực triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được phân công. Cụ thể, Ủy ban Quản trị rủi ro phối hợp với các Phòng ban có liên quan để thiết lập 8 rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gồm:

### ■ Rủi ro môi trường và xã hội



Là một doanh nghiệp sản xuất, BMP luôn xem các vấn đề an toàn, sức khỏe và môi trường là điểm quan trọng, cần tập trung để đảm bảo tuân thủ các quy định vận hành ổn định, bảo vệ người lao động, giảm thiểu tác động đến môi trường.

### ■ Rủi ro tuân thủ và quản trị



Pháp luật và các quy định ở Việt Nam luôn được xây dựng và điều chỉnh. Vì vậy, BMP quan ngại về tác động của Luật và các quy định đối với hoạt động kinh doanh. Do đó, BMP đã phát triển hệ thống quản lý Tuân thủ và Quản trị để nắm bắt kịp thời những thay đổi trong các quy định pháp luật.

### ■ Rủi ro danh tiếng và sở hữu trí tuệ



Tình trạng hàng giả mạo, hàng gây nhầm lẫn ngày càng gia tăng và tinh vi hơn, gây ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu của BMP. Do đó, Công ty đang tập trung vào chiến lược tiếp thị và quảng bá nhằm nâng cao nhận diện và bảo vệ thương hiệu BMP. Ngoài ra, BMP luôn cam kết về chất lượng sản phẩm hàng đầu, đảm bảo sự tin cậy của khách hàng/người dùng cuối.

### ■ Rủi ro bên ngoài



Triển vọng kinh tế toàn cầu không tích cực đã kéo theo sức cầu vật liệu xây dựng yếu. Thêm vào đó, tình hình trong nước với lĩnh vực bất động sản chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng, tất yếu kéo theo sự hồi phục chậm chạp của doanh nghiệp ngành nhựa vật liệu xây dựng. Vì vậy, BMP thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường và chuỗi cung ứng.



# Quản trị rủi ro *(tiếp theo)*

## Rủi ro đầu vào



Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, năm 2023, giá nguyên liệu duy trì ở mức ổn định so với những năm trước, cùng với việc ứng dụng dữ liệu trong các kế hoạch sản xuất và bán hàng đã giúp Công ty ít bị ảnh hưởng bởi giá nguyên liệu trong những giai đoạn bất ổn.

## Rủi ro hoạt động



BMP đã và đang triển khai phương thức Vận hành xuất sắc trong sản xuất. Đồng thời, BMP cũng áp dụng các công nghệ hiện đại để tự động hóa sản xuất và đào tạo nhân lực cho sản xuất bền vững.

## Rủi ro tài chính



Hội đồng tín dụng họp định kỳ hàng tháng để đánh giá tình hình tài chính của khách hàng và áp dụng các công cụ tài chính nhằm đảm bảo khả năng kinh doanh và phát triển của khách hàng trong tương lai.

## Rủi ro kinh doanh



BMP điều hành hoạt động kinh doanh với các Ủy ban được đề cập ở trên để tổ chức, giám sát và quản lý như một hệ thống quy trình nhằm đảm bảo hiệu quả các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, hệ thống kiểm soát chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO cũng như các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe, môi trường và chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) cũng đặc biệt được chú trọng, hỗ trợ tích cực cho hoạt động kiểm soát của Công ty.

## CHƯƠNG V

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 114 Thông điệp về Phát triển bền vững
- 116 Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững
- 118 Các chỉ số phát triển bền vững nổi bật năm 2023
- 120 Định hướng chiến lược phát triển bền vững
- 122 Quản trị phát triển bền vững
- 126 Gắn kết với các bên liên quan
- 144 Các lĩnh vực trọng yếu
- 148 Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023



# Thông điệp về phát triển bền vững



*Trong bối cảnh kinh tế ngày càng biến đổi, hoạt động kinh doanh bền vững không chỉ là một xu hướng mà còn là một tương lai mà mọi doanh nghiệp cần hướng đến. Ý thức rõ vấn đề này, Nhựa Bình Minh luôn nỗ lực bền bỉ trong việc cải tiến chất lượng đi đôi chiến lược phát triển bền vững bằng hiện thực hóa cam kết thực hiện ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp).*

Suốt chặng đường 46 năm, Nhựa Bình Minh tự hào giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa vật liệu xây dựng bằng chất lượng và công nghệ hàng đầu và ngày càng nâng cao theo định hướng phát triển bền vững. Minh chứng cho những nỗ lực đó, Công ty tự hào được xếp hạng 04 năm liền trong danh sách các doanh nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam (CSI) - chương trình do Hội Đồng Doanh Nghiệp Vì Sự Phát Triển Bền Vững (VBCSD) thuộc Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức và vinh dự đạt giải “Doanh nghiệp Xanh TP.HCM” do Hiệp hội Doanh nghiệp TP.HCM (HUBA) phối hợp Báo Sài Gòn Giải Phóng (Báo SGGP) lần đầu tổ chức năm 2023. Bên cạnh đó, Nhựa Bình Minh còn vinh dự là 1 trong 40 Doanh nghiệp được vinh danh và trao chứng nhận “Doanh nghiệp vì Cộng đồng” trong buổi lễ Tôn vinh “Saigon Times CSR 2023” do Tạp chí Kinh tế Sài Gòn tổ chức.

Theo đuổi Chiến lược phát triển bền vững ESG, Nhựa Bình Minh luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Nhựa Bình Minh. Trong đó mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Công ty vì đây chính là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Với thông điệp “*Dẫn đầu chất lượng - Vững bước vươn xa*”, thời gian tới, Nhựa Bình Minh sẽ không ngừng khẳng định vị thế dẫn đầu trong việc áp dụng các phương pháp quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến để sản xuất và cung ứng cho thị trường những sản phẩm chất lượng cao, thân thiện môi trường. Đó cũng là cam kết của Công ty để luôn tạo ra giá trị tích cực cho xã hội, cộng đồng trên hành trình phát triển bền vững.

**Công ty được xếp hạng 04 năm liền trong**

## Danh sách các doanh nghiệp bền vững hàng đầu Việt Nam (CSI)

# Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

## Mục tiêu của báo cáo

Báo cáo đưa ra đánh giá liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP) trong năm 2023. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của BMP có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội, môi trường. Báo cáo Phát triển bền vững của BMP là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên, giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên hữu quan tiếp cận các thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững.

## Cách thức xây dựng nội dung báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững được lập tham chiếu theo bộ tiêu chuẩn mới nhất GRI 2021 của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (GRI) được trình bày cụ thể cho từng lĩnh vực theo các danh mục Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng quy chiếu hiệu quả hoạt động của Công ty với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc nhằm đánh giá sự đóng góp của BMP vào tiến trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

## Thời gian thực hiện báo cáo

Giai đoạn báo cáo được xác định từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 và sẽ được lập định kỳ trong giai đoạn tiếp theo với chu kỳ 1 năm.

## Phạm vi báo cáo

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

## Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý vị về vấn đề Phát triển bền vững qua địa chỉ:

- Trụ sở chính: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM
- Điện thoại: (+84 28) 39690973
- Email: binhminh@binhminhplastic.com.vn

## Đảm bảo bên ngoài

**Thông tin và nội dung báo cáo phát triển bền vững của Nhựa Bình Minh được xác nhận bởi các bên thứ 3.**

- Báo cáo tài chính của Nhựa Bình Minh được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Các hệ thống quản lý môi trường, xã hội như: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO 17025:2017,... của Công ty được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín như: Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA),...
- Kết quả quan trắc môi trường, kết quả thử nghiệm, đánh giá sản phẩm và nguyên liệu, đánh giá tuân thủ luật pháp... đều được thực hiện bởi các cơ quan có đủ năng lực của Nhà nước hoặc được các cơ quan quản lý chỉ định và cấp phép như: Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), chứng nhận WRAS và các tổ chức quan trắc độc lập và có giấy phép hoạt động.
- Các kết quả đánh giá, giải thưởng của Công ty được trao bởi các tổ chức uy tín như:

| STT | Tên Giải thưởng                                       | Đơn vị Tổ chức  |
|-----|---|---|
| 1   | Top 25 Thương hiệu dẫn đầu tại Việt Nam 2023          | Tạp chí Forbes Việt Nam   |
| 2   | Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2023             | Tạp chí Forbes Việt Nam   |
| 3   | Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2023 | Tạp chí Nhịp cầu đầu tư   |
| 4   | Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao 2023          | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao                             |
| 5   | Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM năm 2023           | Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM (HUBA)                                      |
| 6   | Doanh nghiệp Xanh TP. HCM 2023                        | Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM (HUBA) phối hợp cùng Báo Sài Gòn Giải Phóng |
| 7   | Doanh nghiệp vì cộng đồng 2023                        | Tạp chí Kinh tế Sài Gòn   |
| 8   | Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2023                     | Tạp chí Nhân sự Châu Á - HR Asia  |

# Các chỉ số phát triển bền vững nổi bật năm 2023



## KINH TẾ



Tổng doanh thu

**5.200**

TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế

**1.307**

TỶ ĐỒNG

Nộp NSNN

**500**

TỶ ĐỒNG

Chi trả cổ tức năm 2023

**966**

TỶ ĐỒNG



## XÃ HỘI



Đảm bảo việc làm

**1.318**

NGƯỜI

Tổng ngân sách  
đào tạo

**28%**

SO VỚI CÙNG KỲ

Đóng góp  
An sinh xã hội

**2,7**

TỶ ĐỒNG

Danh hiệu

**NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT CHÂU Á  
DOANH NGHIỆP ĐÓNG GÓP  
TỪ THIỆN XÃ HỘI LIÊN TỤC NHIỀU NĂM**



## MÔI TRƯỜNG



Tổng lượng khí thải  
tiết giảm

**9.423**

TẤN CO<sub>2</sub> - EQ

Năng lượng tiết giảm

**5,504**

TRIỆU KWH

Tài trợ và tham gia thực hiện  
các chương trình dẫn nước sạch cho

**870**

HỘ DÂN

# Định hướng chiến lược phát triển bền vững



*Trong xu thế toàn cầu chuyển sang phát triển bền vững và thực hành kinh doanh có trách nhiệm, Nhựa Bình Minh với vị thế hàng đầu ngành nhựa vật liệu xây dựng, đã có động thái tích cực đi liền hành động thực tế bằng việc thực hành cam kết ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp) nhằm thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nói riêng và Việt Nam nói chung.*



Hiện tại, Nhựa Bình Minh chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững tập trung vào 3 định hướng chính:

## Tăng tỷ trọng “Sản phẩm xanh” vì một thế giới bền vững

- Duy trì chất lượng sản phẩm ở mức cao nhất, không chỉ về tuổi thọ hay đặc tính sử dụng mà còn về sức khỏe và sự an toàn của người sử dụng.
- Phát triển sản phẩm có mức phát thải thấp, bằng cách chọn nguyên liệu có mức phát thải thấp, thân thiện với môi trường (không sử dụng nguyên liệu PVC có nguồn gốc từ than và acetylene) và giảm phát thải CO<sub>2</sub> trong quá trình sản xuất.
- Phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao (HVA) để hỗ trợ xu hướng phát triển toàn cầu về sức khỏe cộng đồng, cơ sở hạ tầng và tăng trưởng xanh.

## Đẩy mạnh các hoạt động phát triển bền vững trong toàn bộ chuỗi cung ứng

- Giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050 và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo.
- Tăng cường hiệu quả kinh tế, dịch vụ và giao nhận hàng hóa thông qua các dự án môi trường và vận hành xuất sắc cùng với các nhà cung cấp và khách hàng.
- Tạo ra môi trường làm việc hạnh phúc, an toàn cho nhân viên và đối tác kinh doanh.
- Thúc đẩy sự tôn trọng nhân quyền trong toàn bộ chuỗi giá trị như chương trình phát triển năng lực và tài năng cho nhân viên.

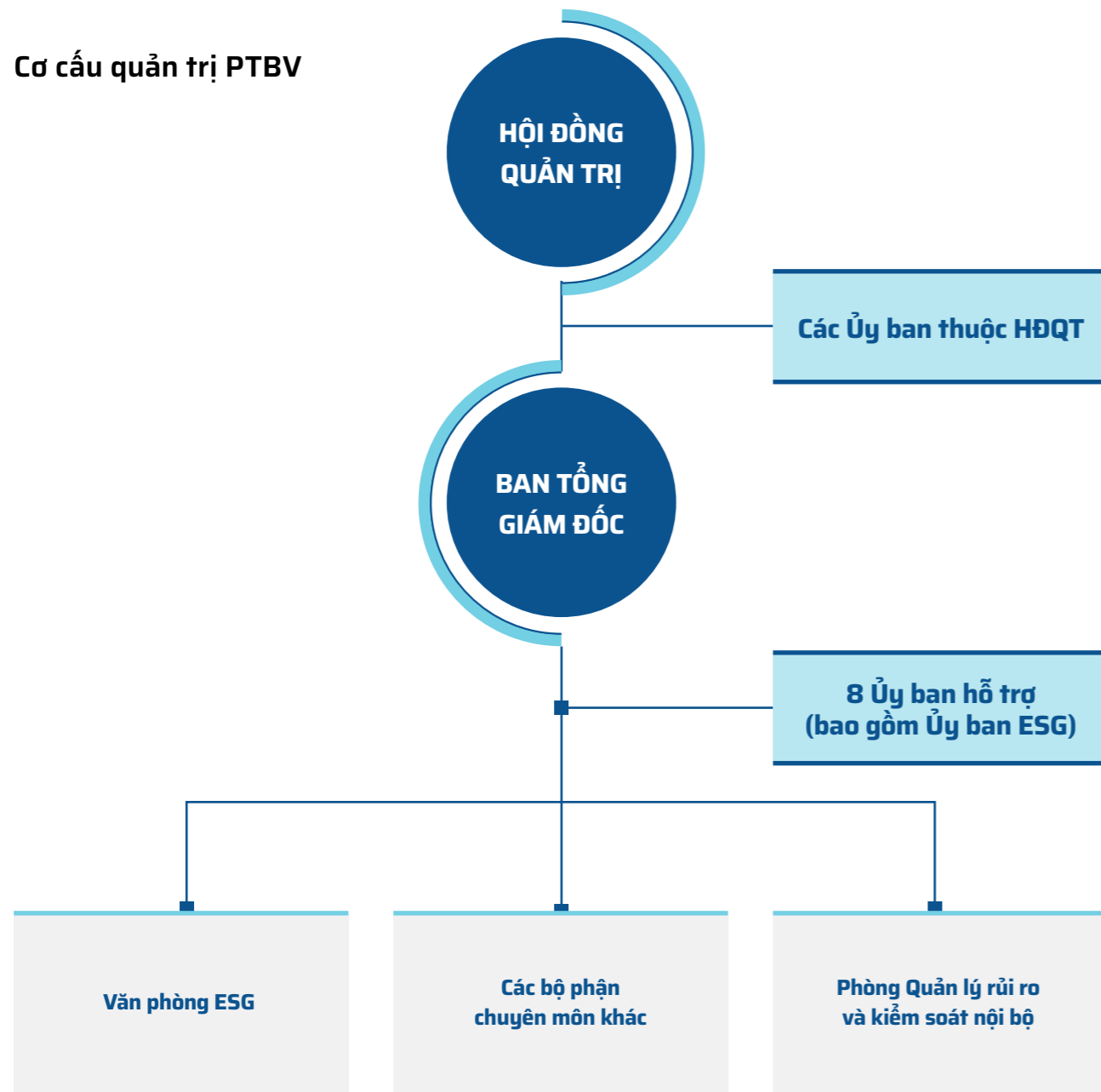
## Phát triển các giải pháp xã hội

- Thông qua các dự án Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), BMP chung tay vì một xã hội an toàn, sạch đẹp và bình đẳng.
- BMP không ngừng chia sẻ giá trị giáo dục cho xã hội và con người bằng chuyên môn và kinh nghiệm được tích lũy gần nửa thế kỷ của nhà sản xuất hàng đầu ngành nhựa vật liệu xây dựng Việt Nam.

# Quản trị phát triển bền vững

“*Quản trị bền vững là trọng tâm trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của Nhựa Bình Minh. Để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan, bên cạnh việc xây dựng một hệ thống quản trị tiên tiến, tuân theo các quy định của Pháp luật và chuẩn mực quốc tế, Nhựa Bình Minh cũng ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị xuyên suốt.*”

## Cơ cấu quản trị PTBV



## Vai trò và trách nhiệm của HĐQT, BKS, BTGD, các Phòng ban đối với mục tiêu, nhiệm vụ Phát triển bền vững

### Vai trò và trách nhiệm của HĐQT

(với sự hỗ trợ của Ủy ban Quản trị Công ty và Phát triển bền vững)

- HĐQT đóng vai trò định hướng, hoạch định chiến lược Phát triển bền vững.
- Phê duyệt Chính sách Phát triển bền vững.
- Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược Phát triển bền vững.

### Vai trò và trách nhiệm của BTGD

- BTGD chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, triển khai có hiệu quả các chiến lược Phát triển bền vững đã được HĐQT đề ra.
- Xem xét thiết lập các mục tiêu, chính sách và chương trình hành động cụ thể liên quan Phát triển bền vững do Hội đồng ESG tư vấn.
- Xem xét các sáng kiến, tư vấn về các hoạt động Phát triển bền vững.
- Tích hợp các hoạt động Phát triển bền vững vào sản xuất kinh doanh.
- Giám sát hoạt động tích hợp sao cho có hiệu quả.
- Đảm bảo việc thực hiện các báo cáo Phát triển bền vững.

### Vai trò và trách nhiệm của các Bộ phận chuyên môn

- Các Bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch Phát triển bền vững được HĐQT và BTGD giao phó.
- Đề xuất những sáng kiến bền vững ở các lĩnh vực chuyên môn để đạt được mục tiêu.
- Báo cáo kết quả các hoạt động liên quan Phát triển bền vững cho BTGD.

### Vai trò và trách nhiệm của Phòng Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ

- Phòng Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm điều phối và kiểm tra, đảm bảo phòng tránh các rủi ro trong quá trình SXKD, nhất là trong điều kiện tích hợp hoạt động Phát triển bền vững.
- Kiểm soát đảm bảo các quá trình nội bộ thực hiện đúng định hướng Phát triển bền vững.

### Vai trò và trách nhiệm của Văn phòng ESG

- Văn phòng ESG có nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất các sáng kiến ESG cụ thể liên quan lĩnh vực trọng yếu và các định hướng, thực hành phát triển bền vững để tư vấn cho BTGD.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng và các bên liên quan triển khai hoạt động đào tạo và thực hiện các sáng kiến ESG.



# Quản trị phát triển bền vững *(tiếp theo)*



## Thành lập Hội đồng ESG

Trong năm 2023, Ban Lãnh đạo BMP đã thành lập Hội đồng ESG do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch, nhằm mục tiêu gắn kết chặt chẽ hơn nữa yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng ESG của BMP chuyên trách triển khai các công việc, nhiệm vụ liên quan đến ESG theo chỉ đạo và phân công của BTGD. Cơ cấu của Hội đồng ESG như sau:

| STT | Họ & tên               | Chức vụ trong BMP                          | Chức vụ trong Hội đồng ESG |
|-----|------------------------|--|----------------------------|
| 1   | Ông Chaowalit Treejak  | Tổng Giám đốc                              | Chủ tịch                   |
| 2   | Ông Lương Bảo Phúc     | Giám đốc Nhà máy                           | Thư ký                     |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Quan  | Phó Tổng Giám đốc (Kỹ thuật - Sản xuất)    | Thành viên                 |
| 4   | Ông Asada Boonsrirat   | Phó Tổng Giám đốc (Tài chính - Hành chính) | Thành viên                 |
| 5   | Ông Mai Trung Sơn      | Giám đốc Nhà máy                           | Thành viên                 |
| 6   | Ông Nguyễn Đình Toàn   | Giám đốc Nhà máy                           | Thành viên                 |
| 7   | Ông Hoàng Trung Quân   | Giám đốc Năng suất cải tiến                | Thành viên                 |
| 8   | Ông Lê Anh Huy         | Giám đốc Quản trị hệ thống                 | Thành viên                 |
| 9   | Ông Nguyễn Thành Trung | Nhân viên an toàn                          | Thành viên                 |

## Hội đồng ESG của BMP chuyên trách các vấn đề sau

| ESG   | SHE   |
|---|---|
| <b>Mục tiêu</b>   |   |
| Triển khai khung ESG một cách có hệ thống để giúp Công ty đáp ứng tốt các lĩnh vực môi trường, xã hội và quản trị.  | Đẩy mạnh hoạt động an toàn lao động của Công ty đáp ứng yêu cầu của pháp luật và các tiêu chuẩn của Công ty.  |
| <b>Vai trò và trách nhiệm</b>   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết lập chính sách, chiến lược ESG và triển khai KPI để đạt được mục tiêu ESG.</li> <li>Rà soát, tư vấn chiến lược kinh doanh và rủi ro phi tài chính tuân thủ quy định của pháp luật.</li> <li>Truyền thông và giám sát các chương trình và mục tiêu ESG.</li> <li>Phối hợp với tất cả các bộ phận liên quan để hợp tác thực hiện ESG.</li> <li>Báo cáo liên tục tình hình thực hiện cho BTGD.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng các hướng dẫn nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tai nạn, bệnh tật hoặc các biện pháp làm việc không an toàn.</li> <li>Thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường tại nơi làm việc.</li> </ul> |



# Gắn kết các bên liên quan

Nhựa Bình Minh tiếp cận với các bên liên quan qua nhiều kênh tương tác và bằng nhiều hình thức khác nhau. Chúng tôi luôn tìm hiểu nguyện vọng và sự quan tâm của các bên liên quan để mọi hoạt động của Công ty ngày càng hiệu quả hơn.


Đặc biệt là các vấn đề:




Chất lượng và tính đồng nhất của sản phẩm



Quản trị Công ty



Phát triển nguồn nhân lực



Bảo vệ môi trường



Tăng trưởng hiệu quả kinh tế



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Hoạt động gắn kết với các bên liên quan

### Các mối quan tâm

- Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tại Công ty.
- Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và kịp thời.
- Gia tăng giá trị cổ phiếu BMP trên sàn chứng khoán;
- Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Được đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư.

### Phương thức tiếp cận

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường theo luật định.
- Tổ chức các buổi gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư định kỳ hàng quý, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để cổ đông và nhà đầu tư nắm rõ thông tin.
- Ông Bông Hoa Việt - Người phụ trách quản trị Công ty (SĐT: 028.3969.0973 - Email: bhviet@binhminhplastic.com.vn) tiếp xúc trực tiếp hoặc tiếp nhận qua điện thoại, email,... để trả lời hoặc làm rõ các vấn đề cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.
- Phát hành Báo cáo Thường niên.
- Công bố Thông tin theo quy định của Ủy ban CKNN.

### Hành động của BMP

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Việc trao đổi, tiết lộ thông tin phải công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi cổ đông, nhà đầu tư.
- Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 vào ngày 28/04/2023, cuộc họp có sự tham gia của các cổ đông, cá nhân nhận ủy quyền đại diện cho 84,37% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện việc giao tiếp song ngữ tiếng Anh - tiếng Việt với cổ đông và nhà đầu tư, nhằm đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Đảm bảo thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động.
- Môi trường làm việc gắn kết.
- Đào tạo và phát triển năng lực, cơ hội thăng tiến sự nghiệp.

## Phương thức tiếp cận

- Trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại.
- Tiếp cận qua các công cụ trực tuyến như: Zalo, Fanpage, bản tin nội bộ.
- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa.
- Thông qua tổ chức công đoàn.
- Tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm; Tổ chức các hội nghị đối thoại NLD định kỳ và khi có yêu cầu.
- Khảo sát trực tuyến ý kiến người lao động.
- Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện chuyên môn.

## Hành động của BMP

- Các chính sách lương thưởng, phúc lợi được đảm bảo, ổn định đời sống cho NLD.
- Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và sạch đẹp.
- Tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao năng lực, trình độ của NLD.
- Triển khai thành công cuộc khảo sát người lao động để đánh giá mức độ gắn kết với Công ty. Thu kết quả thể hiện mức gắn kết rất cao.
- Chăm sóc đời sống tinh thần của NLD qua các sự kiện tập thể, công tác đoàn.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Chia sẻ lợi ích phù hợp trong hợp tác phân phối sản phẩm.
- Thông tin và chính sách kinh doanh minh bạch, kịp thời, không phân biệt đối xử.
- Dịch vụ và quy trình bán hàng tốt, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

## Phương thức tiếp cận

- Tương tác, trao đổi thông qua Hội nghị gặp gỡ Nhà phân phối/Cửa hàng.
- Giao tiếp, truyền thông bằng các phương tiện: điện thoại, email, zalo, các ứng dụng đặt hàng trực tuyến, quản lý giao nhận hàng trực tuyến.

## Hành động của BMP

- Tổ chức Hội nghị Nhà phân phối kết hợp du lịch tại Nhật Bản vào tháng 11/2023.



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm bền vững, đáng tin cậy, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.
- Thông tin sản phẩm rõ ràng, minh bạch.
- Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Sản phẩm an toàn cho sức khỏe, thân thiện môi trường.

## Phương thức tiếp cận

- Khảo sát nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng.
- Hệ thống tổng đài điện thoại và email của Bộ phận chăm sóc khách hàng ghi nhận các phản hồi, ý kiến người tiêu dùng.

## Hành động của BMP

- Đảm bảo tính nhất quán về chất lượng sản phẩm cung cấp cho ra thị trường.
- Thường xuyên thực hiện nghiên cứu thị trường để kịp thời nắm bắt nhu cầu người tiêu dùng.
- BMP cam kết trong dài hạn không sử dụng nguyên liệu thô độc hại, có mức phát thải cao (Không sử dụng nguyên liệu PVC thô có nguồn gốc từ than và acetylene).
- Công tác ghi nhận và giải quyết ý kiến khách hàng, đã được đưa vào báo cáo và theo dõi từng trường hợp tại cuộc họp quản lý cấp cao nhất.



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Hợp tác hiệu quả cùng phát triển.
- Chính sách lựa chọn nhà cung cấp.
- Giá cả cạnh tranh và minh bạch.

## Phương thức tiếp cận

- Trực tiếp gặp gỡ, trao đổi qua kênh thông tin (email, điện thoại...).
- Thông qua các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động mua sắm, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ.
- Thông qua hoạt động đấu thầu, đánh giá các tiêu chí của nhà cung cấp.
- Xây dựng kênh tương tác phản hồi giữa hai bên để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

## Hành động của BMP

- Lập bộ phận quản lý và thực hiện công tác thu mua chuyên nghiệp.
- Thiết lập chính sách và quy trình mua hàng minh bạch.
- Đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán đối với nhà cung cấp.
- Phát triển các chương trình phát triển bền vững và đo lường cùng các nhà cung cấp để cùng nhau phát triển.

NHÀ CUNG CẤP



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Thực thi các quy định về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường tại các nhà máy sản xuất của BMP.
- Sản phẩm có chất lượng tiên tiến, thân thiện với môi trường.
- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương, nơi các nhà máy và các đơn vị thành viên của BMP hoạt động.

## Phương thức tiếp cận

- Phối hợp với chính quyền địa phương.
- Phổ biến và nâng cao nhận thức về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.
- Các chương trình vì cộng đồng.

## Hành động của BMP

- Duy trì vận hành hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn quốc tế ISO tại các đơn vị sản xuất, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn về rác thải, tiếng ồn tại các nhà máy.
- Phối hợp cùng nhiều địa phương trên cả nước triển khai các chương trình, hoạt động CSR, với tổng kinh phí hơn 2,7 tỷ đồng.

CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Đóng góp vào ngân sách Nhà nước.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định Pháp luật; ủng hộ các chủ trương, chính sách của Nhà nước.
- Phản hồi các thực tế, vướng mắc, nhu cầu của doanh nghiệp để cơ quan quản lý Nhà nước kịp thời nắm bắt, có chính sách hợp lý phát triển ngành nghề.

## Phương thức tiếp cận

- Thực hiện báo cáo theo quy định của Pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đóng góp ý kiến về các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành.
- Tham gia và đóng góp ý kiến tại các hội nghị, hội thảo và các chương trình làm việc chuyên ngành do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức.

## Hành động của BMP

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động...
- Tích cực chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phòng chống hàng giả và hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.



Diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ tại BMP



Diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ tại BMP



# Gắn kết các bên liên quan *(tiếp theo)*

## Các mối quan tâm

- Thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời.
- Các vấn đề về chiến lược phát triển bền vững, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xu hướng tiêu dùng xanh, nhựa sinh học, kinh tế tuần hoàn.

## Phương thức tiếp cận

- Công bố thông tin công khai, minh bạch với cơ quan báo chí trên phương tiện truyền thông đại chúng.
- Gặp gỡ và trả lời phỏng vấn báo chí theo yêu cầu (trực tiếp, gián tiếp).
- Thực hiện thông cáo báo chí, tổ chức họp báo khi có sự kiện cần công bố.
- Cập nhật thường xuyên tin tức, sự kiện quan trọng trên website của Công ty.

## Hành động của BMP

- Xây dựng, mở rộng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan Báo chí, truyền thông trên nguyên tắc minh bạch và hợp pháp.
- Quy hoạch đưa chức năng hợp tác, xây dựng mối quan hệ với cơ quan báo chí truyền thông cho Phòng Tiếp thị.
- Thực hiện các thông cáo báo chí, tin bài.



# Các lĩnh vực trọng yếu

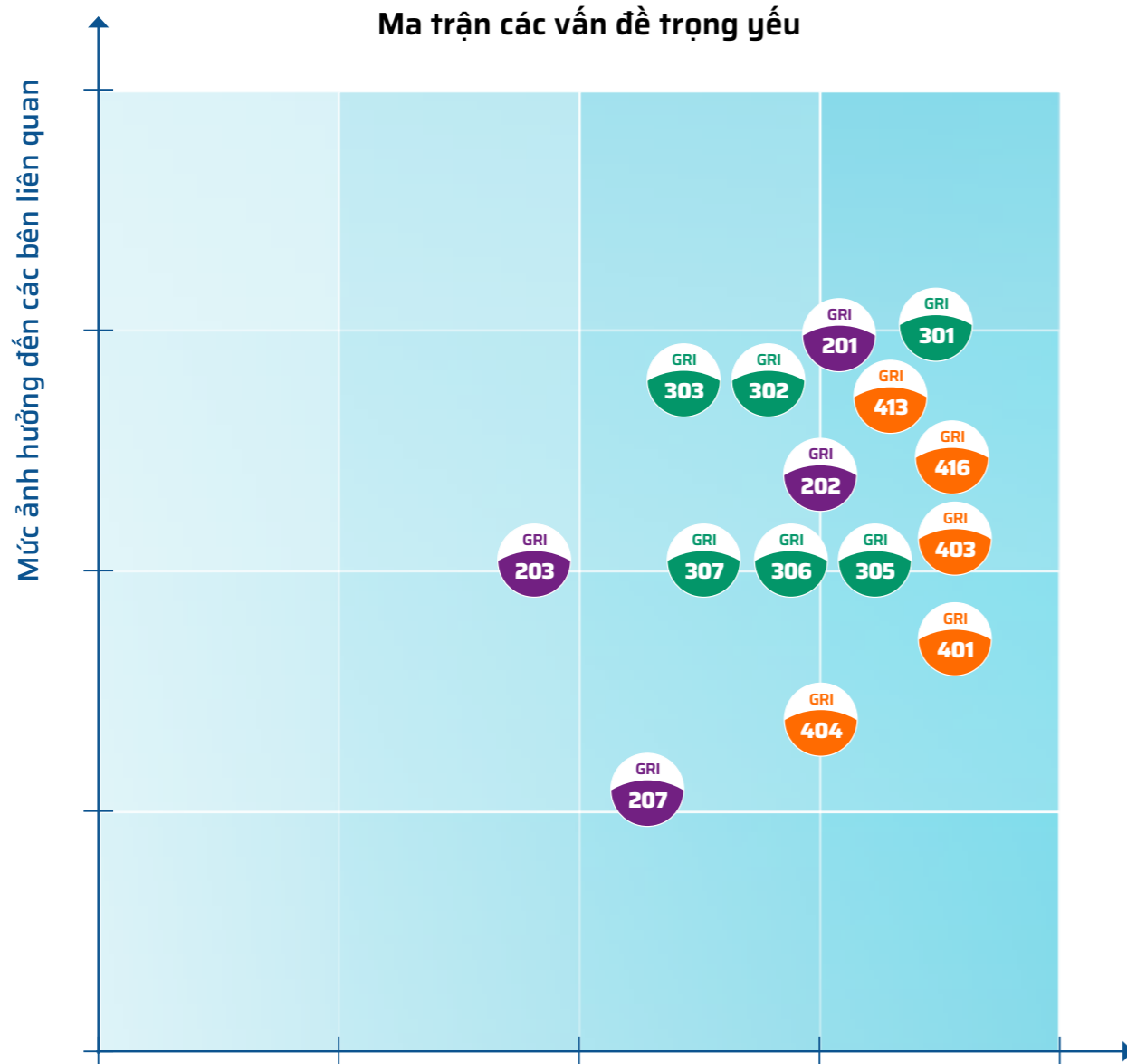


## Quy trình xác định vấn đề trọng yếu

- **Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới BMP**
  - Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành nhựa vật liệu xây dựng
  - Phân tích thông tin báo chí
  - Đánh giá, khảo sát từ khách hàng, đối tác,...
  - Thông tin từ các Hiệp hội ngành
  - Các thảo luận nội bộ với người lao động, các buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương
- **Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu được các bên quan tâm**
  - Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên
  - Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ lãnh đạo cấp cao
  - Lựa chọn các lĩnh vực được coi là trọng yếu với BMP
  - Phân loại các lĩnh vực trọng yếu dựa theo 3 nhóm nội dung: Kinh tế - Xã hội - Môi trường
- **Xác định các lĩnh vực cần ưu tiên trong năm 2023**
  - Phân tích ảnh hưởng các vấn đề PTBV tới các bên liên quan**
    - Xác định trọng số của các bên liên quan
    - Đánh giá mức ảnh hưởng của vấn đề lên các bên liên quan
    - Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng lên các bên liên quan
  - Phân tích ảnh hưởng các vấn đề PTBV tới hoạt động của Công ty**
    - Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số, chi phí, các quy định, uy tín của Công ty
- **Xây dựng ma trận các vấn đề trọng yếu**

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, BMP xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty

# Các lĩnh vực trọng yếu (tiếp theo)



- |   |                                       |   |
|---|---------------------------------------|---|
| <b>GRI 201</b> Hiệu quả kinh tế             | <b>GRI 301</b> Vật liệu               | <b>GRI 401</b> Việc làm                           |
| <b>GRI 202</b> Sự hiện diện trên thị trường | <b>GRI 302</b> Năng lượng             | <b>GRI 403</b> An toàn và sức khỏe nghề nghiệp    |
| <b>GRI 203</b> Tác động kinh tế gián tiếp   | <b>GRI 303</b> Nước                   | <b>GRI 404</b> Giáo dục và đào tạo                |
| <b>GRI 207</b> Thuế                         | <b>GRI 305</b> Phát thải              | <b>GRI 413</b> Cộng đồng và địa phương            |
|   | <b>GRI 306</b> Nước thải và chất thải | <b>GRI 416</b> Sức khỏe và an toàn của khách hàng |
|   | <b>GRI 307</b> Tuân thủ về môi trường |   |

Sau khi phân tích tính trọng yếu của các vấn đề trên cơ sở đánh giá tầm ảnh hưởng và tác động tương ứng, Nhựa Bình Minh xác định phạm vi các chủ đề báo cáo phân theo 3 nhóm: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p><b>GRI 200</b></p> <p>Các vấn đề về <b>KINH TẾ</b></p>    | <p>GRI 201 - Hiệu quả kinh tế</p> <p>GRI 202 - Sự hiện diện trên thị trường</p> <p>GRI 203 - Tác động kinh tế gián tiếp</p> <p>GRI 207 - Thuế</p>  | <p>Nội dung này đáp ứng các tiêu chí sau của bộ 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):</p> |
| <p><b>GRI 300</b></p> <p>Các vấn đề về <b>MÔI TRƯỜNG</b></p> | <p>GRI 301 - Vật liệu</p> <p>GRI 302 - Năng lượng</p> <p>GRI 303 - Nước</p> <p>GRI 305 - Phát thải</p> <p>GRI 306 - Nước thải và chất thải</p> <p>GRI 307 - Tuân thủ về môi trường</p>                       | <p>Nội dung này đáp ứng các tiêu chí sau của bộ 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):</p> |
| <p><b>GRI 400</b></p> <p>Các vấn đề về <b>XÃ HỘI</b></p>     | <p>GRI 401 - Việc làm</p> <p>GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp</p> <p>GRI 404 - Giáo dục và đào tạo</p> <p>GRI 413 - Cộng đồng và địa phương</p> <p>GRI 416 - Sức khỏe và an toàn của khách hàng</p> | <p>Nội dung này đáp ứng các tiêu chí sau của bộ 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):</p> |

# Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ KINH TẾ (GRI 200)

### GRI 201 Hiệu quả kinh tế

Trong bối cảnh ngành nhựa đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế, cũng như thị trường bất động sản trầm lắng, khiến nhu cầu thị trường ống nhựa suy giảm 20-30%, bằng sức mạnh đoàn kết, sự quyết tâm của đội ngũ NLD và dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Lãnh đạo Công ty, BMP đã duy trì thị phần hiệu quả, qua đó chỉ bị ảnh hưởng và sụt giảm khoảng 11%. Đồng thời, BMP đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2023:

- Tổng doanh thu: 5.200 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 1.307 tỷ đồng, đạt 160% kế hoạch.

### Phân bổ giá trị kinh tế năm 2023

Bên cạnh việc đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả, BMP luôn ưu tiên trách nhiệm đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan và không ngừng nỗ lực để mang lại ngày càng nhiều giá trị cho các bên liên quan. Năm 2023, BMP ghi nhận các khoản phân bổ giá trị kinh tế như sau:

- Các khoản nộp ngân sách Nhà nước: 500 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức: Công ty đã thanh toán cổ tức còn lại của năm 2022 và cổ tức đợt 1 năm 2023, được trả bằng tiền mặt trong năm 2023 đạt 11.800 đồng/cổ phiếu.
- Trong năm, Công ty đạt 2 giải quan trọng nhất về hiệu quả kinh tế, gồm:
  - Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất 2023 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
  - Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.

### Tổng doanh thu

**5.200** tỷ đồng  
đạt 82% kế hoạch

### Lợi nhuận trước thuế

**1.307** tỷ đồng  
đạt 160% kế hoạch

### GRI 202 Sự hiện diện trên thị trường

Với uy tín và vị thế thương hiệu ống nhựa hàng đầu Việt Nam, BMP có hệ thống phân phối trải dài khắp trên cả nước, bao gồm 4 kho trung tâm và hơn 2.158 Nhà phân phối/Cửa hàng. Nhờ vận hành tốt hệ thống phân phối, BMP đã cung cấp ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của Pháp luật. Tiền lương bình quân của NLD đạt mức thu nhập cao trong ngành, giúp người lao động có cuộc sống ổn định.

### GRI 203 Tác động kinh tế gián tiếp

Hiện tại, BMP có 1.318 lao động, đang làm việc tại trụ sở chính và các đơn vị thành viên trong toàn Công ty. Trong năm 2023, dù tình hình chung của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì công ăn việc làm, đảm bảo đời sống, thu nhập cho 100% người lao động của Công ty.

Không những vậy, BMP còn đồng hành cùng các địa phương, nơi hoạt động của các nhà máy, trong công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống của người dân địa phương với tổng kinh phí 2,7 tỷ đồng.

### GRI 207 Thuế

Công ty thực hiện đầy đủ kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác theo quy định của Pháp luật.

Năm 2023, BMP ghi nhận các khoản nộp ngân sách Nhà nước: 500 tỷ đồng.

### Hệ thống phân phối

**2.158** Nhà phân phối/  
Cửa hàng

### Đảm bảo đời sống, thu nhập cho

**100%** người lao động  
của công ty

### Nộp ngân sách Nhà nước

**500** tỷ đồng

# Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023 *(tiếp theo)*

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 300)

### GRI 301 Vật liệu

Hiện nay, BMP sử dụng hoàn toàn 100% nguyên liệu nguyên sinh trong quá trình sản xuất, không sử dụng nguyên liệu tái chế từ bên ngoài, với quy trình công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý tiên tiến. Điều này góp phần tạo nên chất lượng sản phẩm cao và ổn định cùng với lượng nguyên liệu được sử dụng một cách hiệu quả.

BMP đặc biệt quan tâm và chú trọng vấn đề phát thải khí nhà kính và nóng lên toàn cầu, do đó Công ty không ngừng cải tiến kỹ thuật, tối ưu hóa lượng vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất, tổng hiệu suất sử dụng nguyên liệu hiện tại lớn hơn 95% và đang tiếp tục cải tiến nâng cao hơn nữa. BMP cũng không ngừng nỗ lực tìm kiếm các giải pháp mới và đột phá để tiết kiệm và nâng cao công suất, qua đó giảm phát thải khí nhà kính cho các Nhà máy.



#### BMP sử dụng hoàn toàn

**100%** nguyên liệu nguyên sinh trong quá trình sản xuất không sử dụng nguyên liệu tái chế từ bên ngoài

#### Tổng hiệu suất sử dụng nguyên liệu

**>95%**

### GRI 302 Năng lượng

- Nguồn năng lượng chính BMP sử dụng là điện năng, được cung cấp từ các công ty điện lực Quốc gia. Hàng năm, Công ty đã thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định Pháp luật, thực hiện các giải pháp nhằm tối ưu hóa nguồn điện năng sử dụng.
- Nhận thức được vai trò của việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững. BMP thực hiện nhiều giải pháp cải tiến nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ, từ đó đã phát huy hiệu quả mạnh mẽ thông qua các hoạt động như: cải tiến trong 5S, triển khai các dự án trọng điểm (FI).
- Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2023: giảm 11% so với năm 2022.

### GRI 303 Nước

- BMP không sử dụng nguồn tài nguyên nước ngầm. Lượng nước sử dụng tại Công ty là từ nguồn nước thủy cục do các đơn vị cấp nước cung ứng.
- BMP có công đoạn kiểm tra nguồn nước cấp để đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn sản xuất.
- 100% lượng nước trong quá trình sản xuất được tái tuần hoàn sử dụng.
- Lượng nước tiêu thụ hiện nay chủ yếu phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của NLĐ tại Công ty.
- Toàn bộ lượng nước thải ra môi trường đều được xử lý sơ bộ và được thực hiện đo đạc định kỳ bởi đơn vị thứ 3, các kết quả kiểm tra đều phù hợp với quy định của các cơ quan chức năng và được lập thành báo cáo Công tác Bảo vệ Môi trường theo định kỳ như quy định của Pháp luật.

#### Tổng lượng điện tiêu thụ

**▼11%** so với năm 2022

#### Tái tuần hoàn sử dụng

**100%** lượng nước trong quá trình sản xuất

# Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023 *(tiếp theo)*

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 300 - tiếp theo)

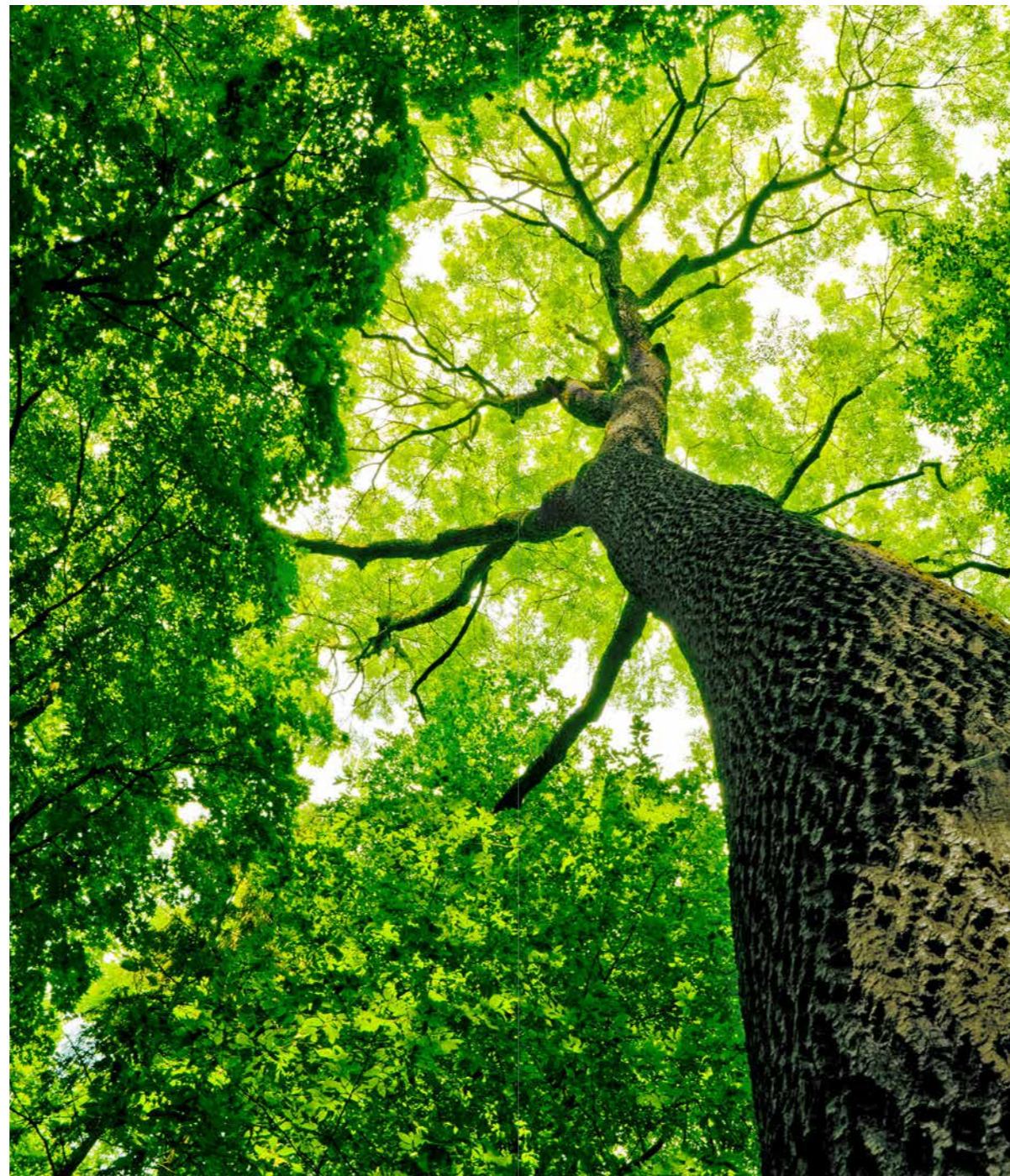
### GRI 305 Phát thải

- Lượng phát thải khí nhà kính chủ yếu gián tiếp thông qua việc tiêu thụ điện năng (Phạm vi 2). Các nguồn phát thải này đã được kiểm soát, đo kiểm, duy trì ở mức độ phù hợp và được báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật.
- Nhằm giảm phát thải khí nhà kính, Công ty đã thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả điện năng tiêu thụ như:
  - Kiểm toán năng lượng
  - Tối ưu hoá các thiết bị tiêu thụ điện
  - Tiết kiệm điện sử dụng.
  - Sắp xếp lại quy trình làm việc để tối ưu hóa quãng đường vận chuyển nội bộ
  - Chuyển đổi sử dụng xe nâng điện
  - Hệ thống check-in nhận hàng
- Về vấn đề phát thải bụi, Công ty đã triển khai hệ thống khép kín để xử lý việc dỡ nguyên liệu thô bằng hệ thống silo để loại bỏ ô nhiễm bụi.

### GRI 306 Nước thải và chất thải

Toàn bộ chất thải phát sinh đã được xử lý tại các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định của pháp luật như: Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP. Hồ Chí Minh, Công ty CP Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường,...

Để hạn chế phát sinh chất thải, BMP thực hiện các giải pháp như: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài nguyên hiện có đến từng NLD; kết hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, với quan điểm: khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, các nguyên vật liệu, văn phòng phẩm,... ; tối đa trong việc tận dụng, tái sử dụng, hạn chế việc thải bỏ.



### GRI 307 Tuân thủ về môi trường

Là doanh nghiệp với định hướng sản xuất xanh, BMP luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. BMP có bộ phận chuyên trách về môi trường, phụ trách theo dõi và giám sát tuân thủ về môi trường của Công ty. Đội ngũ NLD thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở về sử dụng năng lượng tiết kiệm,... cũng như tuân thủ nghiêm túc các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động. Đồng thời, BMP còn tổ chức các hoạt động như chăm sóc và trồng thêm cây xanh bên trong và bên ngoài khuôn viên nhà máy nhằm tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp xung quanh nhà máy và góp phần bảo vệ môi trường.

Hàng quý/hàng năm, Công ty đều thực hiện quan trắc môi trường và báo cáo lên các cơ quan quản lý.

Trong năm 2023, Công ty không có vi phạm về các quy định Pháp luật về môi trường:

- Số lần bị phạt: 0 lần
- Số tiền bị phạt: 0 đồng

# Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023 *(tiếp theo)*

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ XÃ HỘI (GRI 400)

### GRI 401 Việc làm

- Số lượng nhân viên tuyển dụng mới trong Công ty năm 2023: 63 người.
- Công ty đảm bảo mức thu nhập cạnh tranh; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; hỗ trợ tiền cơm, chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước, chế độ thai sản đối với lao động nữ,...
- Tổng cộng Quỹ Phúc lợi năm 2023 của BMP là 25 tỷ đồng.
- Công ty thực hiện chế độ thai sản cho NLĐ theo đúng các quy định Pháp luật, NLĐ được nghỉ thai sản hưởng chế độ BHXH và các chế độ trợ cấp, hỗ trợ của Công ty theo Quy định Công ty.

### GRI 403 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- Công ty thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định cho người lao động theo các quy định của Nhà nước. Thực hiện khám định kỳ và khám tầm soát phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động với tần suất tối thiểu 1 lần/năm.
- Công ty đã xây dựng nội quy bảo đảm an toàn và kỷ luật lao động. Đồng thời, có bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm về an toàn-sức khỏe-môi trường (SHE) đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tạo sự an tâm cho NLĐ.
- Phòng y tế của Công ty và các đơn vị được trang bị đầy đủ thuốc và các dụng cụ cần thiết; nhân viên y tế được huấn luyện, bồi dưỡng và có chứng nhận đầy đủ, thực hiện tốt việc cấp phát thuốc, săn sóc người lao động những bệnh thông thường và tiến hành sơ cấp cứu ban đầu, theo dõi chuyển bệnh nhân đến các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu kịp thời để tiếp tục điều trị có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Tỷ lệ thương tật do công việc: 0%
- Bệnh nghề nghiệp: 0%

### Tổng cộng Quỹ Phúc lợi năm 2023

**25** tỷ đồng

### GRI 404 - Giáo dục và đào tạo

Trong năm 2023, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng, trình độ tay nghề đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cho nhân viên, cụ thể như sau:

- Tổng số giờ đào tạo: 26.184 giờ
- Số giờ đào tạo trung bình: 25,6 giờ /NLĐ/năm
- Đào tạo ở nước ngoài: 2 khóa học
- Tổng ngân sách đào tạo: tăng 28% so với cùng kỳ

Thời gian tới, BMP sẽ tiếp tục phối hợp với các đơn vị đào tạo lao động như các trung tâm đào tạo nghề địa phương, các trường cao đẳng, đại học nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung lao động, phục vụ công tác sản xuất và kinh doanh. Đồng thời hoạt động tuyển dụng hướng đến xây dựng hình ảnh thương hiệu nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, qua đó thu hút nhân sự chất lượng cao đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

### Tổng số giờ đào tạo

**26.184** giờ

### Số giờ đào tạo trung bình

**25,6** giờ/NLĐ/năm

### Tổng ngân sách đào tạo

**▲ 28%**  
so với cùng kỳ



# Hiệu quả hoạt động của Nhựa Bình Minh tại các lĩnh vực trọng yếu năm 2023 (tiếp theo)

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ XÃ HỘI (GRI 400 - tiếp theo)

### GRI 413 Cộng đồng và địa phương

Trong 46 năm hình thành và phát triển, Nhựa Bình Minh có nền tảng văn hoá doanh nghiệp đáng tự hào, trong đó, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Năm 2023, BMP lần thứ 2 liên tiếp được vinh danh “Doanh nghiệp vì cộng đồng”. Đây chính là động lực to lớn giúp cho BMP vững tin trên con đường hướng đến sự phát triển bền vững và tiếp tục hành trình lan tỏa giá trị tích cực, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội trong tương lai.

Trong năm 2023, BMP đã tích cực thực hiện các hoạt động vì cộng đồng với tổng giá trị hơn 2,7 tỷ đồng, cụ thể:

- Tài trợ sản phẩm ống cho các chương trình giáo dục tại các trường đại học như Đại học Bách Khoa TP. HCM, Đại học Xây dựng Miền Tây (Vĩnh Long).
- Tài trợ và thi công hệ thống dẫn nước sạch cho 870 hộ dân tại TP. HCM, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Cà Mau.
- Hỗ trợ sửa chữa nhà tình thương tại Quận 6, TP. HCM.
- Tặng quà Trung thu cho Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật và trẻ mồ côi huyện Hóc Môn, TP. HCM.
- Tài trợ đồ dùng học tập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Quảng Bình.
- Tài trợ gói chăm sóc sức khỏe tại Trung tâm Dưỡng lão Thị Nghè, TP.HCM.
- Tài trợ đội đua xe đạp Bình Dương.

### Tổ chức thành công Ngày hội Hiến máu lần thứ 19

**304** người tham gia **110** lít máu được hiến tặng

### Hoạt động Hiến máu tình nguyện

Tổ chức thành công Ngày hội Hiến máu lần thứ 19 liên tục tại các khu vực với sự tham gia của 304 người lao động và đối tác cùng với 110 lít máu được hiến tặng.

### GRI 416 Sức khỏe và an toàn của khách hàng

- Đề cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm với chất lượng cao nhất, Nhựa Bình Minh đã đầu tư hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Số hiệu: VILAS 1436), được áp dụng nghiêm ngặt trong toàn bộ quy trình sản xuất, từ khâu chọn nguyên liệu đến khâu thành phẩm.
- Về sản phẩm, cho đến nay Công ty hiện là đơn vị duy nhất đã sử dụng 100% nguyên liệu không chứa kim loại nặng để sản xuất, đảm bảo an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.
- Năm 2023, Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm keo dán PVC không phát tán mùi, là sản phẩm có độ an toàn cao cho sức khỏe khách hàng khi họ thi công trong môi trường kín gió, khó bay mùi. Hiện tại, BMP là đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam sản xuất sản phẩm này.





## CHƯƠNG VI

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 160 Thông tin về Công ty
- 161 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 162 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 164 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 168 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 169 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 171 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

|  |  |   |
|--|--|---|
| <b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số</b> | 4103002023   | ngày 2 tháng 1 năm 2004   |
|  | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301464823 ngày 1 tháng 8 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. |   |
| <b>Hội đồng Quản trị</b>                     | Ông Sakchai Patiparnpreechavud   | Chủ tịch  |
|  | Ông Chaowalit Treejak  | Phó chủ tịch<br>(từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)<br>Thành viên<br>(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023) |
|  | Ông Nguyễn Hoàng Ngân  | Thành viên<br>(từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)<br>Phó chủ tịch<br>(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023) |
|  | Ông Poramate Larnroongroj  | Thành viên  |
|  | Bà Nguyễn Thị Minh Giang   | Thành viên<br>(từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)   |
|  | Ông Phan Khắc Long   | Thành viên<br>(đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)  |
| <b>Ban Kiểm soát</b>                         | Ông Nguyễn Thanh Thuận   | Trưởng ban  |
|  | Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh  | Thành viên  |
|  | Ông Praween Wirotpan   | Thành viên  |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                     | Ông Chaowalit Treejak  | Tổng Giám đốc   |
|  | Ông Nguyễn Thanh Quan  | Phó Tổng Giám đốc   |
|  | Ông Nguyễn Thanh Hải   | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 16 tháng 3 năm 2024)   |
|  | Ông Asada Boonsrirat   | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2023)   |
|  | Ông Phùng Hữu Luận   | Kế toán trưởng  |
| <b>Người đại diện pháp luật</b>              | Ông Chaowalit Treejak  |   |
| <b>Trụ sở đăng ký</b>                        | 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6<br>Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam   |   |
| <b>Công ty kiểm toán</b>                     | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam  |   |

## BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 164 đến trang 207 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



**Chaowalit Treejak**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

## BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 164 đến trang 207.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00241-24-2



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023               | 1/1/2023                 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)      | <b>100</b> |             | <b>2.593.900.147.858</b> | <b>2.215.147.283.810</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                           | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>821.414.457.106</b>   | <b>358.572.233.870</b>   |
| 1. Tiền  | 111        |             | 35.914.457.106           | 46.972.233.870           |
| 2. Các khoản tương đương tiền  | 112        |             | 785.500.000.000          | 311.600.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                                   | <b>120</b> |             | <b>1.190.000.000.000</b> | <b>965.000.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh  | 121        |             | -                        | -                        |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh                            | 122        |             | -                        | -                        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                     | 123        | V.2(a)      | 1.190.000.000.000        | 965.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                                | <b>130</b> |             | <b>174.027.942.449</b>   | <b>278.727.408.937</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                                    | 131        | V.3         | 132.518.760.446          | 274.800.487.941          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                                    | 132        | V.4         | 20.580.723.083           | 43.255.736.124           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn  | 133        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD                                 | 134        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn  | 135        |             | -                        | -                        |
| 6. Các khoản phải thu khác   | 136        | V.5         | 28.831.417.922           | 19.601.182.695           |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                                  | 137        | V.6         | (7.902.959.002)          | (59.022.639.344)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý   | 139        | V.7         | -                        | 92.641.521               |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b> | <b>V.8</b>  | <b>364.225.974.474</b>   | <b>576.848.239.590</b>   |
| 1. Hàng tồn kho  | 141        |             | 364.665.799.847          | 577.483.629.050          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                      | 149        |             | (439.825.373)            | (635.389.460)            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>  | <b>150</b> |             | <b>44.231.773.829</b>    | <b>35.999.401.413</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn  | 151        | V.13(a)     | 658.775.390              | 722.740.291              |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ   | 152        | V.18(b)     | 43.572.998.439           | 35.276.661.122           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                            | 153        |             | -                        | -                        |
| 4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ                              | 154        |             | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác   | 155        |             | -                        | -                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br>(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | <b>200</b> |             | <b>661.100.780.253</b>   | <b>829.644.709.983</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                                   | <b>210</b> |             | <b>20.000.000.000</b>    | <b>20.000.000.000</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                                     | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                                     | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc                                  | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn   | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn   | 215        | V.09        | 20.000.000.000           | 20.000.000.000           |
| 6. Phải thu dài hạn khác   | 216        |             | -                        | -                        |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                                   | 219        |             | -                        | -                        |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023               | 1/1/2023                 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>285.789.885.917</b>   | <b>367.746.104.997</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.10        | 279.882.659.076          | 360.548.687.507          |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 2.105.226.350.984        | 2.035.656.756.132        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (1.825.343.691.908)      | (1.675.108.068.625)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính              | 224        |             | -                        | -                        |
| - Nguyên giá                                   | 225        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.11        | 5.907.226.841            | 7.197.417.490            |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 38.620.263.278           | 38.620.263.278           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (32.713.036.437)         | (31.422.845.788)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>12.421.681.336</b>    | <b>25.071.276.356</b>    |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | V.12        | 12.421.681.336           | 25.071.276.356           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> |             | <b>64.284.850.993</b>    | <b>66.415.601.903</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh     | 252        | V.2(b)      | 62.284.850.993           | 64.415.601.903           |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        | V.2(c)      | 4.000.000.000            | 4.000.000.000            |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        | V.2(c)      | (2.000.000.000)          | (2.000.000.000)          |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>278.604.362.007</b>   | <b>350.411.726.727</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.13(b)     | 246.005.035.630          | 306.881.087.414          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        | V.14        | 11.487.975.771           | 5.897.498.732            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        | V.15        | 21.111.350.606           | 37.633.140.581           |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>     | <b>270</b> |             | <b>3.255.000.928.111</b> | <b>3.044.791.993.793</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023             | 1/1/2023               |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>             | <b>300</b> |             | <b>565.271.946.212</b> | <b>423.473.389.660</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>546.150.418.753</b> | <b>403.473.029.077</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.16        | 154.431.168.144        | 91.380.423.299         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.17        | 52.431.105.660         | 3.396.601.604          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.18(a)     | 82.241.262.416         | 65.241.129.584         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 111.959.331.395        | 84.007.032.449         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.19        | 81.829.286.667         | 101.470.596.256        |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.20        | 8.088.264.471          | 2.817.245.885          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.21        | 55.170.000.000         | 55.160.000.000         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi                        | 322        | V.22        | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>19.121.527.459</b>  | <b>20.000.360.583</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        | V.23        | 19.121.527.459         | 20.000.360.583         |
| 13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ               | 343        |             | -                      | -                      |

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023               | 1/1/2023                 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>           | <b>400</b> |             | <b>2.689.728.981.899</b> | <b>2.621.318.604.133</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>V.24</b> | <b>2.689.728.981.899</b> | <b>2.621.318.604.133</b> |
| 1. Vốn cổ phần                                 | 411        | V.24        | 818.609.380.000          | 818.609.380.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411        |             | 818.609.380.000          | 818.609.380.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411        |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        |             | 1.592.782.700            | 1.592.782.700            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu            | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                     | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản             | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                  | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        |             | 1.157.256.738.050        | 1.157.256.738.050        |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp             | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | 420        |             | 44.983.552.000           | 44.983.552.000           |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 421        |             | 667.286.529.149          | 598.876.151.383          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 158.376.292.867          | 158.376.292.867          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 508.910.236.282          | 440.499.858.516          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản           | 422        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí</b>                      | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Nguồn kinh phí                              | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>   | <b>440</b> |             | <b>3.255.000.928.111</b> | <b>3.044.791.993.793</b> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người rà soát:

Người duyệt:

Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán Tổng hợp

Phùng Hữu Luân  
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu   | Mã số           | 2023                     | 2022                     |
|--|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 01 VI.1         | 5.199.922.785.685        | 5.824.833.255.625        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02 VI.2         | 42.938.415.469           | 16.488.880.365           |
| <b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>            | <b>10 VI.3</b>  | <b>5.156.984.370.216</b> | <b>5.808.344.375.260</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp  | 11 VI.4         | 3.040.564.400.058        | 4.200.684.049.568        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>           | <b>20</b>       | <b>2.116.419.970.158</b> | <b>1.607.660.325.692</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21 VI.5         | 118.503.493.327          | 55.197.905.430           |
| 7. Chi phí tài chính   | 22 VI.6         | 145.561.663.111          | 157.564.928.385          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | <i>23</i>       | <i>38.676.662</i>        | <i>27.578.302</i>        |
| 8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                                    | 24 V.2(b)       | (2.130.750.910)          | (4.940.850.444)          |
| 9. Chi phí bán hàng  | 25 VI.7(a)      | 676.251.353.235          | 503.332.468.504          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26 VI.7(b)      | 106.918.740.381          | 128.936.965.691          |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b> | <b>30</b>       | <b>1.304.060.955.848</b> | <b>868.083.018.098</b>   |
| 12. Thu nhập khác  | 31 VI.8         | 6.018.282.506            | 4.010.454.930            |
| 13. Chi phí khác   | 32 VI.9         | 2.896.356.928            | 750.994.034              |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>   | <b>40</b>       | <b>3.121.925.578</b>     | <b>3.259.460.896</b>     |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                      | <b>50</b>       | <b>1.307.182.881.426</b> | <b>871.342.478.994</b>   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                 | 51 VI.10        | 271.767.025.183          | 176.954.786.089          |
| 17. (Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                        | 52 VI.10        | (5.590.477.039)          | 118.926.589              |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>                           | <b>60</b>       | <b>1.041.006.333.282</b> | <b>694.268.766.316</b>   |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ   | 61              | 1.041.006.333.282        | 694.268.766.316          |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                              | 62              | -                        | -                        |
| <b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>70 VI.11</b> | <b>12.717</b>            | <b>8.481</b>             |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người rà soát:

Người duyệt:

Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán Tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã số     | 2023                     | 2022                     |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>1.307.182.881.426</b> | <b>871.342.478.994</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh các khoản</b>  |           |                          |                          |
| - Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")   | 02        | 172.108.698.447          | 170.146.778.481          |
| - Các khoản dự phòng  | 03        | (17.127.287.642)         | (2.869.463.509)          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ            | 04        | (46.074.668)             | (148.377.709)            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        | (118.284.524.521)        | (48.613.423.156)         |
| - Chi phí lãi vay   | 06        | 38.676.662               | 27.578.302               |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>                         | <b>08</b> | <b>1.343.872.369.704</b> | <b>989.885.571.403</b>   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09        | 107.351.485.730          | (8.529.514.742)          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10        | 228.669.253.331          | 35.661.036.746           |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 138.405.620.425          | (49.780.961.077)         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12        | 59.501.402.956           | (22.779.396.625)         |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 14        | (38.676.662)             | (27.578.302)             |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | (267.472.430.481)        | (130.875.409.961)        |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17        | (7.449.939.474)          | (14.413.128.630)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>20</b> | <b>1.602.839.085.529</b> | <b>799.140.618.812</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>  |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác  | 21        | (57.978.690.490)         | (69.983.722.708)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                  | 22        | 3.400.228.062            | 180.391.320              |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác   | 23        | (1.660.000.000.000)      | (942.000.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                       | 24        | 1.435.000.000.000        | 817.000.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác   | 25        | -                        | -                        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác   | 26        | -                        | -                        |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27        | 105.517.419.318          | 50.002.211.049           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>  | <b>30</b> | <b>(174.061.043.110)</b> | <b>(144.801.120.339)</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu   | Mã số     | 2023                     | 2022                     |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>               |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu   | 31        | -                        | -                        |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu         | 32        | -                        | -                        |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                          | 33        | 20.000.000               | 1.320.000.000            |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                       | 34        | (10.000.000)             | (3.434.254.298)          |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                | 35        | -                        | -                        |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                       | 36        | (965.959.068.400)        | (466.607.346.600)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> | <b>(965.949.068.400)</b> | <b>(468.721.600.898)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>             | <b>50</b> | <b>462.828.974.019</b>   | <b>185.617.897.575</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                | <b>60</b> | <b>358.572.233.870</b>   | <b>172.938.679.946</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>   | <b>61</b> | <b>13.249.217</b>        | <b>15.656.349</b>        |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b> | <b>70</b> | <b>821.414.457.106</b>   | <b>358.572.233.870</b>   |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người rà soát:

Người duyệt:

Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán Tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng



Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### I. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh ("Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 4 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán là BMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

#### 2. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước và thiết bị thí nghiệm.

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### 4. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc như sau:

| Số thứ tự | Tên chi nhánh trực thuộc   | Địa chỉ  |
|-----------|--|--|
| 1         | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương | Số 7 Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.                            |
| 2         | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An    | Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

| Số thứ tự               | Tên công ty   | Các hoạt động chính   | Địa chỉ  | % sở hữu và quyền biểu quyết |          |
|-------------------------|---|---|--|------------------------------|----------|
|                         |   |   |  | 31/12/2023                   | 1/1/2023 |
| <b>Công ty con</b>      |   |   |  |                              |          |
| 1                       | Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc           | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.    | Đường D1, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  | 100,00%                      | 100,00%  |
| <b>Công ty liên kết</b> |   |   |  |                              |          |
| 1                       | Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng                                  | Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa. | Lô Q, đường số 4 và đường số 7, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. | 29,05%                       | 29,05%   |
| 2                       | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt | Kinh doanh bất động sản, buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.     | 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  | 26,00%                       | 26,00%   |

Công ty con và các công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 1.318 nhân viên (1/1/2023: 1.339 nhân viên).

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### 2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### 1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 1. Cơ sở hợp nhất

##### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### (ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v..).



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### (iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

## 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## 4. Các khoản đầu tư

### (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

| Thời gian quá hạn                       | Tỷ lệ trích lập dự phòng |
|---|--------------------------|
| Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30,00%                   |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm   | 50,00%                   |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm    | 70,00%                   |
| Từ ba (03) năm trở lên                  | 100,00%                  |

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 7. Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                            |            |
|----------------------------|------------|
| » nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 10 năm |
| » máy móc và thiết bị      | 5 - 8 năm  |
| » phương tiện vận tải      | 6 - 8 năm  |
| » thiết bị văn phòng       | 3 - 8 năm  |

### 8. Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá thuê và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 45 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

#### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### (i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 41 đến 46 năm.

#### (ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### (iii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng và máy móc, được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

### 11. Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 12. Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 13. Vốn cổ phần

#### (i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

#### (ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên của Tập đoàn.

### 15. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

#### (i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### (ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn cổ phần trong tương lai.

### 16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### 17. Doanh thu và thu nhập khác

#### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

#### (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### (iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

### 18. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 20. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

### 21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, và trong một vùng địa lý chính, đó là Việt Nam.

### 22. Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

### 23. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | 31/12/2023             | 1/1/2023               |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt  | 390.440.490            | 419.477.857            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                   | 35.524.016.616         | 46.552.756.013         |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng) | 785.500.000.000        | 311.600.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>821.414.457.106</b> | <b>358.572.233.870</b> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,00% đến 3,85% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: từ 3,50% đến 6,00%).

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                 | 31/12/2023    |                   |                   | 1/1/2023       |                 |                 |
|---------------------------------|---------------|-------------------|-------------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                                 | Lãi suất      | Giá gốc           | Giá trị hợp lý    | Lãi suất       | Giá gốc         | Giá trị hợp lý  |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 3,40% - 8,30% | 1.190.000.000.000 | 1.190.000.000.000 | 5,00% - 11,50% | 965.000.000.000 | 965.000.000.000 |
| a1. Ngắn hạn                    | 3,40% - 8,30% | 1.190.000.000.000 | 1.190.000.000.000 | 5,00% - 11,50% | 965.000.000.000 | 965.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn            | 3,40% - 8,30% | 1.190.000.000.000 | 1.190.000.000.000 | 5,00% - 11,50% | 965.000.000.000 | 965.000.000.000 |
| a2. Dài hạn                     | -             | -                 | -                 | -              | -               | -               |
| - Tiền gửi có kỳ hạn            | -             | -                 | -                 | -              | -               | -               |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### (b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, liên doanh

|   | 31/12/2023         |          |                    |                       |                      |                       | 1/1/2023           |          |                    |                       |                      |                       |
|---|--------------------|----------|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|----------|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|   | Số lượng (cổ phần) | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc               | Phần chia lỗ lũy kế  | Giá trị ghi sổ        | Số lượng (cổ phần) | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc               | Phần chia lỗ lũy kế  | Giá trị ghi sổ        |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết                       |                    |          |                    |                       |                      |                       |                    |          |                    |                       |                      |                       |
| Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng                                  | 650.000            | 29,05%   | 29,05%             | 8.125.000.000         | (440.149.007)        | 7.684.850.993         | 650.000            | 29,05%   | 29,05%             | 8.125.000.000         | 1.690.601.903        | 9.815.601.903         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt | 5.460.000          | 26,00%   | 26,00%             | 54.600.000.000        | -                    | 54.600.000.000        | 5.460.000          | 26,00%   | 26,00%             | 54.600.000.000        | -                    | 54.600.000.000        |
|   |                    |          |                    | <b>62.725.000.000</b> | <b>(440.149.007)</b> | <b>62.284.850.993</b> |                    |          |                    | <b>62.725.000.000</b> | <b>1.690.601.903</b> | <b>64.415.601.903</b> |

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

|                                      | 2023                  | 2022                  |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                        | 64.415.601.903        | 69.681.452.347        |
| Phần chia lỗ trong công ty liên kết  | (2.130.750.910)       | (4.940.850.444)       |
| Cổ tức nhận được từ công ty liên kết | -                     | (325.000.000)         |
| Số dư cuối năm                       | <b>62.284.850.993</b> | <b>64.415.601.903</b> |

#### (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                   | 31/12/2023       |                              |               |                   |                | 1/1/2023         |                              |               |                   |                |
|-----------------------------------|------------------|------------------------------|---------------|-------------------|----------------|------------------|------------------------------|---------------|-------------------|----------------|
|                                   | Số lượng cổ phần | % sở hữu và quyền biểu quyết | Giá gốc       | Dự phòng giảm giá | Giá trị hợp lý | Số lượng cổ phần | % sở hữu và quyền biểu quyết | Giá gốc       | Dự phòng giảm giá | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (*) | 20.000           | 3,00%                        | 4.000.000.000 | (2.000.000.000)   | (**)           | 20.000           | 3,00%                        | 4.000.000.000 | (2.000.000.000)   | (**)           |

(\*) Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302706634 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến là sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo, nhựa kỹ thuật, xi mạ trên nhựa, các sản phẩm nhựa chất lượng cao, kích cỡ lớn phục vụ các ngành kinh doanh kỹ thuật và các dự án đầu tư.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có thông tin về giá thị trường của khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | 31/12/2023             | 1/1/2023               |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Tường            | 51.083.570.776         | 81.746.021.123         |
| Công ty TNHH VN Đại Phong                     | 23.216.305.684         | 24.017.555.494         |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phượng Hoàng | 16.975.640.587         | 67.048.961.712         |
| Các khách hàng khác                           | 41.243.243.399         | 101.987.949.612        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>132.518.760.446</b> | <b>274.800.487.941</b> |

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | 31/12/2023            | 1/1/2023              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Eplas                       | 7.128.441.284         | 11.801.767.896        |
| Công ty TNHH Công nghệ Hóa Nhựa Bông Sen | 2.341.513.123         | 17.391.575.157        |
| Công ty TNHH An Ngãi                     | 1.237.252.500         | -                     |
| Người bán khác                           | 9.873.516.176         | 14.062.393.071        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>20.580.723.083</b> | <b>43.255.736.124</b> |

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|  | 31/12/2023            | 1/1/2023              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay | 25.854.424.685        | 14.346.447.482        |
| Ký cược, ký quỹ                          | 1.954.527.800         | 4.277.337.286         |
| Tạm ứng                                  | 469.014.010           | 467.732.000           |
| Phải thu khác                            | 553.451.427           | 509.665.927           |
| <b>Cộng</b>                              | <b>28.831.417.922</b> | <b>19.601.182.695</b> |

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|   | 31/12/2023      |                       |                         | 1/1/2023             |                       |                         |
|---|-----------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|
|   | Số ngày quá hạn | Giá gốc               | Dự phòng có thể thu hồi | Số ngày quá hạn      | Giá gốc               | Dự phòng có thể thu hồi |
| Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tuyết                          | Trên 8 năm      | 12.022.959.002        | (7.902.959.002)         | Trên 7 năm           | 20.992.959.002        | (20.992.959.002)        |
| Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành                            | -               | -                     | -                       | Trên 7 năm           | 34.844.128.351        | (34.844.128.351)        |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại công nghệ Nam Phong | -               | -                     | -                       | Từ 6 tháng đến 1 năm | 892.617.272           | (446.308.636)           |
| Các khách hàng khác                                       | -               | -                     | -                       | Trên 3 năm           | 2.739.243.355         | (2.739.243.355)         |
| <b>Cộng</b>   |                 | <b>12.022.959.002</b> | <b>(7.902.959.002)</b>  |                      | <b>59.468.947.980</b> | <b>(59.022.639.344)</b> |
|   |                 |                       |                         |                      |                       | <b>446.308.636</b>      |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

|                              | 2023                 | 2022                  |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                | 59.022.639.344       | 59.352.881.098        |
| Trích lập dự phòng trong năm | -                    | 494.449.036           |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (17.536.308.636)     | (824.690.790)         |
| Sử dụng dự phòng trong năm   | (33.583.371.706)     | -                     |
| <b>Số dư cuối năm</b>        | <b>7.902.959.002</b> | <b>59.022.639.344</b> |

### 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

|              | 31/12/2023 | 1/1/2023          |
|--------------|------------|-------------------|
| Hàng tồn kho | -          | 92.641.521        |
| <b>Cộng</b>  | <b>-</b>   | <b>92.641.521</b> |

### 8. Hàng tồn kho

|                                      | 31/12/2023             |                      | 1/1/2023               |                      |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
|                                      | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá gốc                | Dự phòng             |
| Hàng mua đang đi đường               | 29.218.043.850         | -                    | 21.632.577.536         | -                    |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 119.953.925.072        | -                    | 197.101.021.996        | -                    |
| Công cụ, dụng cụ                     | 9.370.291.317          | -                    | 3.306.825.770          | -                    |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 41.277.433.935         | -                    | 49.073.132.901         | -                    |
| Thành phẩm                           | 145.755.185.949        | (293.683.046)        | 265.406.375.735        | (364.323.658)        |
| Hàng hoá                             | 19.090.919.724         | (146.142.327)        | 40.963.695.112         | (271.065.802)        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>364.665.799.847</b> | <b>(439.825.373)</b> | <b>577.483.629.050</b> | <b>(635.389.460)</b> |

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 4.449 triệu VND thành phẩm và 2.065 triệu VND hàng hóa (1/1/2023: 5.898 triệu VND thành phẩm và 3.260 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

|                              | 2023               | 2022               |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm                | 635.389.460        | 2.645.870.752      |
| Trích lập dự phòng trong năm | 279.237.673        | -                  |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (474.801.760)      | (2.010.481.292)    |
| <b>Số dư cuối năm</b>        | <b>439.825.373</b> | <b>635.389.460</b> |

### 9. Phải thu về cho vay dài hạn

|   | Lãi suất năm | Ngày đáo hạn | 31/12/2023     | 1/1/2023       |
|---|--------------|--------------|----------------|----------------|
| Cho vay Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng - công ty liên kết | 5,40%        | 2027         | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |

Khoản vay này bằng VND và không có tài sản đảm bảo.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá                            | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị      | Phương tiện vận tải   | Thiết bị văn phòng    | Tổng cộng                |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm                         | 511.589.027.311          | 1.469.970.734.270        | 41.611.623.753        | 12.485.370.798        | 2.035.656.756.132        |
| Tăng trong năm                        | 1.670.648.200            | 87.143.122.790           | 1.070.100.000         | 510.992.000           | 90.394.862.990           |
| - Mua sắm mới                         | -                        | 65.303.707.926           | 425.800.000           | 510.992.000           | 66.240.499.926           |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành             | -                        | 21.839.414.864           | 644.300.000           | -                     | 22.483.714.864           |
| - Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | 1.670.648.200            | -                        | -                     | -                     | 1.670.648.200            |
| Giảm trong năm                        | -                        | (17.566.240.271)         | (3.259.027.867)       | -                     | (20.825.268.138)         |
| - Thanh lý, nhượng bán                | -                        | (17.566.240.271)         | (3.259.027.867)       | -                     | (20.825.268.138)         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>513.259.675.511</b>   | <b>1.539.547.616.789</b> | <b>39.422.695.886</b> | <b>12.996.362.798</b> | <b>2.105.226.350.984</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>         |                          |                          |                       |                       |                          |
| Số dư đầu năm                         | 453.520.005.552          | 1.176.729.066.541        | 36.832.518.315        | 8.026.478.217         | 1.675.108.068.625        |
| Tăng trong năm                        | 54.312.498.312           | 113.005.671.685          | 2.449.655.399         | 1.282.716.873         | 171.050.542.269          |
| - Khấu hao trong năm                  | 54.080.463.841           | 113.005.671.685          | 2.449.655.399         | 1.282.716.873         | 170.818.507.798          |
| - Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | 232.034.471              | -                        | -                     | -                     | 232.034.471              |
| Giảm trong năm                        | -                        | (17.555.891.119)         | (3.259.027.867)       | -                     | (20.814.918.986)         |
| - Thanh lý, nhượng bán                | -                        | (17.555.891.119)         | (3.259.027.867)       | -                     | (20.814.918.986)         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>507.832.503.864</b>   | <b>1.272.178.847.107</b> | <b>36.023.145.847</b> | <b>9.309.195.090</b>  | <b>1.825.343.691.908</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                          |                          |                       |                       |                          |
| Số dư đầu năm                         | 58.069.021.759           | 293.241.667.729          | 4.779.105.438         | 4.458.892.581         | 360.548.687.507          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>5.427.171.647</b>     | <b>267.368.769.682</b>   | <b>3.399.550.039</b>  | <b>3.687.167.708</b>  | <b>279.882.659.076</b>   |

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.403.750 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 1.057.006 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

|                               | Quyền sử dụng đất    | Phần mềm máy vi tính  | Tổng cộng             |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                      |                       |                       |
| Số dư đầu năm                 | 9.570.664.750        | 29.049.598.528        | 38.620.263.278        |
| Tăng trong năm                | -                    | -                     | -                     |
| - Mua sắm mới                 | -                    | -                     | -                     |
| Giảm trong năm                | -                    | -                     | -                     |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                    | -                     | -                     |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>9.570.664.750</b> | <b>29.049.598.528</b> | <b>38.620.263.278</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                      |                       |                       |
| Số dư đầu năm                 | 3.940.458.815        | 27.482.386.973        | 31.422.845.788        |
| Tăng trong năm                | 157.908.437          | 1.132.282.212         | 1.290.190.649         |
| - Khấu hao trong năm          | 157.908.437          | 1.132.282.212         | 1.290.190.649         |
| Giảm trong năm                | -                    | -                     | -                     |
| - Thanh lý, nhượng bán        | -                    | -                     | -                     |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>4.098.367.252</b> | <b>28.614.669.185</b> | <b>32.713.036.437</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                      |                       |                       |
| Số dư đầu năm                 | 5.630.205.935        | 1.567.211.555         | 7.197.417.490         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>5.472.297.498</b> | <b>434.929.343</b>    | <b>5.907.226.841</b>  |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 25.918 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 25.111 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                       | 2023                  | 2022                  |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                         | 25.071.276.356        | 20.422.985.140        |
| Tăng trong năm                        | 9.834.119.844         | 33.581.533.337        |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình  | (22.483.714.864)      | (26.687.961.106)      |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | -                     | (2.245.281.015)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>12.421.681.336</b> | <b>25.071.276.356</b> |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|                     | 31/12/2023     | 1/1/2023       |
|---------------------|----------------|----------------|
| Máy móc và thiết bị | 12.421.681.336 | 25.071.276.356 |



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

|                       | 31/12/2023         | 1/1/2023           |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ và dụng cụ    | -                  | -                  |
| Chi phí ngắn hạn khác | 658.775.390        | 722.740.291        |
| <b>Cộng</b>           | <b>658.775.390</b> | <b>722.740.291</b> |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

|                                      | Chi phí đất trả trước  | Công cụ và dụng cụ    | Chi phí sửa chữa lớn | Tổng cộng              |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                        | 211.083.133.047        | 86.413.337.540        | 9.384.616.827        | 306.881.087.414        |
| Tăng trong năm                       | -                      | 1.717.708.750         | 347.419.000          | 2.065.127.750          |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | -                      | (1.438.613.729)       | -                    | (1.438.613.729)        |
| Phân bổ trong năm                    | (5.753.262.147)        | (46.017.267.831)      | (9.732.035.827)      | (61.502.565.805)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>                | <b>205.329.870.900</b> | <b>40.675.164.730</b> | <b>-</b>             | <b>246.005.035.630</b> |

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

|  | Thuế suất | 31/12/2023     | 1/1/2023      |
|--|-----------|----------------|---------------|
| Chi phí phải trả và các khoản dự phòng | 20,00%    | 11.487.975.771 | 5.897.498.732 |

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 15. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn bao gồm thiết bị, vật tư, phụ tùng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn. Nguyên giá của thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm khi xuất dùng vào sản xuất.

#### 16. Phải trả người bán

|   | 31/12/2023                   | 1/1/2023               |                              |                       |
|---|------------------------------|------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                      | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá gốc</b>         | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá gốc</b>        |
| Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC Vina                  | 36.265.825.200               | 36.265.825.200         | 18.931.452.100               | 18.931.452.100        |
| Công ty TNHH Sản Xuất - Thương mại và Dịch vụ Hóa Thịnh | 29.336.711.388               | 29.336.711.388         | 21.530.996.850               | 21.530.996.850        |
| Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam                      | 7.877.689.600                | 7.877.689.600          | 6.926.319.400                | 6.926.319.400         |
| Phải trả cho các đối tượng khác                         | 80.950.941.956               | 80.950.941.956         | 43.991.654.949               | 43.991.654.949        |
| <b>Cộng</b>   | <b>154.431.168.144</b>       | <b>154.431.168.144</b> | <b>91.380.423.299</b>        | <b>91.380.423.299</b> |
| <b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>          |                              |                        |                              |                       |
| Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng                            | 811.069.276                  | 811.069.276            | 675.133.838                  | 675.133.838           |
| Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC Vina                  | 36.265.825.200               | 36.265.825.200         | 18.931.452.100               | 18.931.452.100        |
| Thai Polyethylene Co., Ltd                              | -                            | -                      | 5.834.949.120                | 5.834.949.120         |
| <b>Cộng</b>   | <b>37.076.894.476</b>        | <b>37.076.894.476</b>  | <b>25.441.535.058</b>        | <b>25.441.535.058</b> |

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|  | 31/12/2023            | 1/1/2023             |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh  | 423.175.776           | 670.405.826          |
| Công ty TNHH Văn Nhi Minh Liêm                                     | 38.415.286.532        | 779.356.797          |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tường Vân                   | 1.780.796.117         | 92.488               |
| Công ty TNHH MTV Sản Xuất - Thương Mại và Xây Dựng Hoàn Tuấn Thành | 10.104.957.219        | -                    |
| Công ty TNHH Trường Minh Hải                                       | 1.084.478             | 294.979.196          |
| Các khách hàng khác  | 1.705.805.538         | 1.651.767.297        |
| <b>Cộng</b>  | <b>52.431.105.660</b> | <b>3.396.601.604</b> |

#### 18. Thuế

##### (a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | 1/1/2023              | Số phải nộp trong năm  | Số đã nộp trong năm      | Số cần trừ/hoàn lại trong năm | 31/12/2023            |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | -                     | 602.293.056.597        | (205.501.723.228)        | (388.437.482.256)             | 8.353.851.113         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 63.039.988.652        | 271.767.025.183        | (267.472.430.481)        | -                             | 67.334.583.354        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 2.201.140.932         | 39.310.599.025         | (27.110.520.498)         | (7.848.391.510)               | 6.552.827.949         |
| Thuế nhà thầu nước ngoài   | -                     | 105.449.097            | (105.449.097)            | -                             | -                     |
| Các loại thuế khác         | -                     | 154.175.084            | (154.175.084)            | -                             | -                     |
| <b>Cộng</b>                | <b>65.241.129.584</b> | <b>913.630.304.986</b> | <b>(500.344.298.388)</b> | <b>(396.285.873.766)</b>      | <b>82.241.262.416</b> |

##### (b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

|                                     | 1/1/2023       | Số phát sinh trong năm | Số cần trừ trong năm | 31/12/2023     |
|-------------------------------------|----------------|------------------------|----------------------|----------------|
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 35.276.661.122 | 396.733.819.573        | (388.437.482.256)    | 43.572.998.439 |

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | 31/12/2023            | 1/1/2023                     |                        |                              |
|---|-----------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                         | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá trị ghi sổ</b>  | <b>Số có khả năng trả nợ</b> |
| Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối | 73.281.016.292        | 73.281.016.292               | 81.772.059.177         | 81.772.059.177               |
| Chiết khấu thanh toán                   | 5.819.637.375         | 5.819.637.375                | 12.748.651.168         | 12.748.651.168               |
| Chi phí khác                            | 2.728.633.000         | 2.728.633.000                | 6.949.885.911          | 6.949.885.911                |
| <b>Cộng</b>                             | <b>81.829.286.667</b> | <b>81.829.286.667</b>        | <b>101.470.596.256</b> | <b>101.470.596.256</b>       |

#### 20. Phải trả ngắn hạn khác

|                                   | 31/12/2023            | 1/1/2023                     |                       |                              |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>     | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Số có khả năng trả nợ</b> | <b>Giá trị ghi sổ</b> | <b>Số có khả năng trả nợ</b> |
| Kinh phí công đoàn                | 346.709.120           | 346.709.120                  | 324.645.800           | 324.645.800                  |
| Cổ tức phải trả                   | 350.414.300           | 350.414.300                  | 350.414.300           | 350.414.300                  |
| Nhận ký quỹ, ký cược              | 1.043.030.450         | 1.043.030.450                | 973.030.450           | 973.030.450                  |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 6.348.110.601         | 6.348.110.601                | 1.169.155.335         | 1.169.155.335                |
| <b>Cộng</b>                       | <b>8.088.264.471</b>  | <b>8.088.264.471</b>         | <b>2.817.245.885</b>  | <b>2.817.245.885</b>         |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 21. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

|                         | 1/1/2023              |                       | Phát sinh trong năm |                     | 31/12/2023            |                       |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
|                         | Giá trị ghi sổ        | Số có khả năng trả nợ | Tăng                | (Giảm)              | Giá trị ghi sổ        | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn            | 55.160.000.000        | 55.160.000.000        | 20.000.000          | (10.000.000)        | 55.170.000.000        | 55.170.000.000        |
| Vay ngắn hạn            | 55.160.000.000        | 55.160.000.000        | 20.000.000          | (10.000.000)        | 55.170.000.000        | 55.170.000.000        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | -                     | -                     | -                   | -                   | -                     | -                     |
| <b>Cộng</b>             | <b>55.160.000.000</b> | <b>55.160.000.000</b> | <b>20.000.000</b>   | <b>(10.000.000)</b> | <b>55.170.000.000</b> | <b>55.170.000.000</b> |

|  | Đơn vị tiền tệ | Lãi suất      | 31/12/2023            | 1/1/2023              |
|--|----------------|---------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Khoản vay:</i>  |                |               |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt - công ty liên kết (i) | VND            | 0,00%         | 53.040.000.000        | 53.040.000.000        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Địa Ốc Việt (i)   | VND            | 0,00%         | 1.560.000.000         | 1.560.000.000         |
| Bên thứ ba (ii)  | VND            | 6,60% - 6,82% | 570.000.000           | 560.000.000           |
|  |                |               | <b>55.170.000.000</b> | <b>55.160.000.000</b> |

(i) Đây là khoản vay tuần hoàn và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Số dư này bao gồm các khoản tiền đặt cọc nhận tiền đặt cọc nhận được từ bên thứ ba để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của các khách hàng của Tập đoàn.

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

|                       | 2023     | 2022             |
|-----------------------|----------|------------------|
| Số dư đầu năm         | -        | 10.946.820.100   |
| Sử dụng trong năm     | -        | (10.946.820.100) |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>-</b> | <b>-</b>         |

#### 23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

|                       | 2023                  | 2022                  |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm         | 20.000.360.583        | 21.851.641.376        |
| Hoàn nhập trong năm   | (65.780.766)          | (528.740.463)         |
| Sử dụng trong năm     | (813.052.358)         | (1.322.540.330)       |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>19.121.527.459</b> | <b>20.000.360.583</b> |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 24. Vốn chủ sở hữu

##### (a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

|   | Vốn cổ phần            | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển    | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|---|------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước                             | 818.609.380.000        | 1.592.782.700        | 1.157.256.738.050        | 44.983.552.000                | 271.032.327.367                   | 2.293.474.780.117        |
| - Lợi nhuận thuần trong năm trước               | -                      | -                    | -                        | -                             | 694.268.766.316                   | 694.268.766.316          |
| - Phân phối lợi nhuận năm 2021                  | -                      | -                    | -                        | -                             | (112.656.034.500)                 | (112.656.034.500)        |
| + Chia cổ tức bằng tiền mặt                     | -                      | -                    | -                        | -                             | (110.512.266.300)                 | (110.512.266.300)        |
| + Thuởng cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát | -                      | -                    | -                        | -                             | (2.143.768.200)                   | (2.143.768.200)          |
| - Tạm ứng cổ tức năm 2022                       | -                      | -                    | -                        | -                             | (253.768.907.800)                 | (253.768.907.800)        |
| + Chia cổ tức bằng tiền mặt                     | -                      | -                    | -                        | -                             | (253.768.907.800)                 | (253.768.907.800)        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                     | <b>818.609.380.000</b> | <b>1.592.782.700</b> | <b>1.157.256.738.050</b> | <b>44.983.552.000</b>         | <b>598.876.151.383</b>            | <b>2.621.318.604.133</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                        | <b>818.609.380.000</b> | <b>1.592.782.700</b> | <b>1.157.256.738.050</b> | <b>44.983.552.000</b>         | <b>598.876.151.383</b>            | <b>2.621.318.604.133</b> |
| - Lợi nhuận thuần trong năm nay                 | -                      | -                    | -                        | -                             | 1.041.006.333.282                 | 1.041.006.333.282        |
| - Phân phối lợi nhuận năm 2022                  | -                      | -                    | -                        | -                             | (440.499.858.516)                 | (440.499.858.516)        |
| + Chia cổ tức bằng tiền mặt                     | -                      | -                    | -                        | -                             | (433.862.971.400)                 | (433.862.971.400)        |
| + Thuởng cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát | -                      | -                    | -                        | -                             | (6.636.887.116)                   | (6.636.887.116)          |
| - Tạm ứng cổ tức năm 2023                       | -                      | -                    | -                        | -                             | (532.096.097.000)                 | (532.096.097.000)        |
| + Chia cổ tức bằng tiền mặt                     | -                      | -                    | -                        | -                             | (532.096.097.000)                 | (532.096.097.000)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                       | <b>818.609.380.000</b> | <b>1.592.782.700</b> | <b>1.157.256.738.050</b> | <b>44.983.552.000</b>         | <b>667.286.529.149</b>            | <b>2.689.728.981.899</b> |

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### (b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                  | 31/12/2023             |                | 1/1/2023               |                |
|----------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|                                  | VND                    | %              | VND                    | %              |
| Nawaplastic Industries Co., Ltd. | 450.159.110.000        | 54,99%         | 445.898.110.000        | 54,47%         |
| Các cổ đông khác                 | 368.450.270.000        | 45,01%         | 372.711.270.000        | 45,53%         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>818.609.380.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>818.609.380.000</b> | <b>100,00%</b> |

Công ty mẹ, Nawaplastic Industries Co., Ltd. và công ty mẹ cấp cao nhất, the Siam Cement Public Co., Ltd được thành lập tại Thái Lan.

#### (c) Các giao dịch về vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                        | 2023            | 2022            |
|------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn góp đầu năm        | 818.609.380.000 | 818.609.380.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | -               | -               |
| Vốn góp giảm trong năm | -               | -               |
| Vốn góp cuối năm       | 818.609.380.000 | 818.609.380.000 |

#### (d) Cổ phiếu

|  | 31/12/2023 | 1/1/2023   |
|--|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 81.860.938 | 81.860.938 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 81.860.938 | 81.860.938 |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 81.860.938 | 81.860.938 |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -          | -          |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          | -          |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | -          | -          |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 81.860.938 | 81.860.938 |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 81.860.938 | 81.860.938 |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### (e) Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 687.632 triệu VND, từ lợi nhuận sau thuế của năm 2022, trong đó khoản tạm ứng đợt 1 cổ tức là 253.769 triệu VND, tương đương 3.100 VND/cổ phần đã được trả trong năm 2022. Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 31 tháng 10 năm 2023 đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho năm 2023 với số tiền là 532.096 triệu VND, tương đương 6.500 VND/cổ phần (2022: Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 212.838 triệu VND, từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021, trong đó khoản tạm ứng đợt 1 cổ tức là 102.326 triệu VND, tương đương 1.250 VND/cổ phần đã được trả trong năm 2021).

### 25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### (a) Ngoại tệ các loại

|             | 31/12/2023 |                    | 1/1/2023  |                    |
|-------------|------------|--------------------|-----------|--------------------|
|             | Nguyên tệ  | Tương đương VND    | Nguyên tệ | Tương đương VND    |
| USD         | 42.959     | 986.123.701        | 32.848    | 767.359.928        |
| THB         | -          | -                  | 37.950    | 25.332.764         |
| <b>Cộng</b> |            | <b>986.123.701</b> |           | <b>792.692.692</b> |

#### (b) Xóa sổ nợ khó đòi

|                                | Năm xóa sổ | 31/12/2023            | 1/1/2023 |
|--------------------------------|------------|-----------------------|----------|
|                                |            |                       |          |
| Công ty TNHH TM Nhựa Đức Thành | 2023       | 30.844.128.351        | -        |
| Các khách hàng khác            | 2023       | 2.739.243.355         | -        |
| <b>Cộng</b>                    |            | <b>33.583.371.706</b> | <b>-</b> |

Lý do xóa sổ: Không thể thu hồi được.

#### (c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

|                                     | 31/12/2023     | 1/1/2023       |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 11.400.868.074 | 20.503.572.713 |

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                       | 2023                     | 2022                     |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm              | 4.930.032.697.046        | 5.546.202.177.218        |
| Doanh thu bán vật tư, hàng hóa        | 269.883.283.639          | 278.622.010.407          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển | 6.805.000                | 9.068.000                |
| <b>Cộng</b>                           | <b>5.199.922.785.685</b> | <b>5.824.833.255.625</b> |

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

|                       | 2023                  | 2022                  |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 41.545.200.600        | 15.710.990.600        |
| Hàng bán bị trả lại   | 1.393.214.509         | 777.889.765           |
| <b>Cộng</b>           | <b>42.938.415.469</b> | <b>16.488.880.365</b> |

#### 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

|   | 2023                     | 2022                     |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần bán thành phẩm              | 4.888.487.496.086        | 5.533.334.790.932        |
| Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa        | 268.490.069.130          | 275.000.516.328          |
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận chuyển | 6.805.000                | 9.068.000                |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>5.156.984.370.216</b> | <b>5.808.344.375.260</b> |

#### 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

|  | 2023                     | 2022                     |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Tổng giá vốn của:</i>                 |                          |                          |
| Thành phẩm đã bán                        | 2.778.278.599.654        | 3.932.969.774.883        |
| Vật tư, hàng hóa đã bán                  | 262.481.364.491          | 269.718.434.977          |
| Dịch vụ vận chuyển đã cung cấp           | -                        | 6.321.000                |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (195.564.087)            | (2.010.481.292)          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.040.564.400.058</b> | <b>4.200.684.049.568</b> |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 5. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                      | 2023                   | 2022                  |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay           | 116.995.396.521        | 53.343.882.280        |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia        | 30.000.000             | 30.000.000            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 1.432.022.138          | 1.675.645.441         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 46.074.668             | 148.377.709           |
| <b>Cộng</b>                          | <b>118.503.493.327</b> | <b>55.197.905.430</b> |

#### 6. Chi phí tài chính

|                                   | 2023                   | 2022                   |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chiết khấu thanh toán             | 144.638.514.694        | 156.359.168.696        |
| Chi phí lãi vay                   | 38.676.662             | 27.578.302             |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 884.471.755            | 1.178.181.387          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>145.561.663.111</b> | <b>157.564.928.385</b> |

#### 7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

##### (a) Chi phí bán hàng

|   | 2023                   | 2022                   |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí bán hàng của hệ thống phân phối | 509.078.259.120        | 341.116.019.810        |
| Chi phí nhân viên                       | 68.968.339.779         | 65.500.046.977         |
| Chi phí vận chuyển                      | 19.952.781.330         | 25.292.185.263         |
| Chi phí vật liệu và bao bì              | 15.494.085.463         | 14.102.569.006         |
| Chi phí hoa hồng                        | 8.282.899.479          | 9.814.113.227          |
| Chi phí quảng cáo và tiếp thị           | 7.634.223.558          | 7.627.385.803          |
| Chi phí khấu hao                        | 1.003.631.147          | 1.997.807.127          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài               | 27.867.710.788         | 27.684.854.927         |
| Chi phí khác                            | 17.969.422.571         | 10.197.486.364         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>676.251.353.235</b> | <b>503.332.468.504</b> |

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### (b) Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                   | 2023                   | 2022                   |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên                 | 70.449.445.538         | 71.064.908.022         |
| Chi phí vật liệu quản lý          | 4.383.690.933          | 5.463.899.559          |
| Chi phí khấu hao                  | 2.333.047.158          | 2.518.185.784          |
| Thuế, phí và lệ phí               | 7.628.813.296          | 8.074.912.217          |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | (17.536.308.636)       | (330.241.754)          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài         | 25.259.972.439         | 26.874.440.325         |
| Chi phí khác                      | 14.400.079.653         | 15.270.861.538         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>106.918.740.381</b> | <b>128.936.965.691</b> |

#### 8. Thu nhập khác

|  | 2023                 | 2022                 |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 3.402.228.062        | 180.391.320          |
| Lãi từ bán phế liệu                              | 1.831.638.134        | 2.648.817.298        |
| Tiền phạt thu được                               | 26.676.000           | 432.390.225          |
| Các khoản khác                                   | 757.740.310          | 748.856.087          |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>6.018.282.506</b> | <b>4.010.454.930</b> |

#### 9. Chi phí khác

|   | 2023                 | 2022               |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 12.349.152           | -                  |
| Truy thu và phạt vi phạm luật thuế              | 2.790.329.808        | -                  |
| Các khoản khác                                  | 93.677.968           | 750.994.034        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>2.896.356.928</b> | <b>750.994.034</b> |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

|  | 2023                   | 2022                   |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   |                        |                        |
| Năm hiện hành  | 269.123.713.626        | 176.954.786.089        |
| Tăng chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các năm trước | 2.643.311.557          | -                      |
|  | 271.767.025.183        | 176.954.786.089        |
| <b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>                                    |                        |                        |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời                           | (5.590.477.039)        | 118.926.589            |
|  | <b>266.176.548.144</b> | <b>177.073.712.678</b> |

##### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

|  | 2023                   | 2022                   |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 1.307.182.881.426      | 871.342.478.994        |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty   | 261.436.576.285        | 174.268.495.795        |
| Chi phí không được khấu trừ thuế   | 1.676.510.120          | 1.823.046.790          |
| Thu nhập không bị tính thuế  | (6.000.000)            | -                      |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận                              | 426.150.182            | 982.170.093            |
| Tăng chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế của các năm trước | 2.643.311.557          | -                      |
|  | <b>266.176.548.144</b> | <b>177.073.712.678</b> |

##### (c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20,00% trên lợi nhuận tính thuế.

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 11. Lãi trên cổ phiếu

##### (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

##### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

|   | 2023                     | 2022                   |
|---|--------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp          | 1.041.006.333.282        | 694.268.766.316        |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)      | -                        | -                      |
| <b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b> | <b>1.041.006.333.282</b> | <b>694.268.766.316</b> |

(\*) Trước năm 2021, tiền thưởng cho người lao động được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2021, tiền thưởng cho người lao động được ghi nhận như một khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

|   | 2023<br>Cổ phiếu | 2022<br>Cổ phiếu |
|---|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 | 81.860.938       | 81.860.938       |

##### (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|   | 2023   | 2022  |
|---|--------|-------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 12.717 | 8.481 |

##### (b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 12. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

|   | 2023                     | 2022                     |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại | 2.507.636.168.506        | 4.052.054.495.430        |
| Chi phí nhân công và nhân viên  | 480.077.607.957          | 518.215.933.954          |
| Chi phí khấu hao và phân bổ   | 172.108.698.447          | 170.146.778.481          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 217.922.249.386          | 244.279.771.207          |
| Chi phí khác  | 546.161.001.934          | 428.494.604.472          |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.923.905.726.230</b> | <b>5.413.191.583.544</b> |

Đơn vị tính: VND

### VII. THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.

#### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

#### 2. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

|                                     | 2023          | 2022           |
|-------------------------------------|---------------|----------------|
| <b>Công ty liên kết</b>             |               |                |
| <b>Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng</b> |               |                |
| Bán hàng hóa và thành phẩm          | 7.710.000.000 | 4.627.827.642  |
| Chi phí hoa hồng                    | 8.282.899.479 | 9.814.113.227  |
| Mua dịch vụ thuê kho                | 1.440.000.000 | 1.323.636.364  |
| Mua dịch vụ vận chuyển              | -             | 1.963.200.000  |
| Cho vay                             | -             | 20.000.000.000 |
| Thu hồi khoản cho vay               | -             | 5.000.000.000  |
| Thu nhập lãi                        | 1.080.000.000 | 820.000.000    |



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

### VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

|   | 2023            | 2022              |
|---|-----------------|-------------------|
| <b>Các công ty liên quan khác</b>                       |                 |                   |
| <b>Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina</b>           |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 544.218.531.000 | 1.243.417.290.000 |
| <b>Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn</b>                    |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 30.966.272.727  | 62.143.478.181    |
| <b>Thai Polyethylene Co., Ltd</b>                       |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 62.249.388.265  | 100.051.806.104   |
| <b>Công ty TNHH SX Bao bì Alcamax (Việt Nam)</b>        |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 308.012.000     | -                 |
| <b>Nawaplastic Industries Co., Ltd</b>                  |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 1.485.550.080   | -                 |
| <b>Công ty Cổ phần Sản Xuất Nhựa Duy Tân</b>            |                 |                   |
| Mua nguyên vật liệu                                     | 28.459.080      | -                 |
| <b>Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PLASTCHEM</b>      |                 |                   |
| Bán nguyên vật liệu                                     | 1.145.200.000   | -                 |
| <b>SCG Learning Excellence Co., Ltd</b>                 |                 |                   |
| Mua dịch vụ   | 632.718.242     | -                 |
| <b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>                        |                 |                   |
| Ông Sakchai Patiparnpreechavud - Chủ tịch               | 2.735.555.182   | 1.647.109.095     |
| Ông Chaowalit Treejak - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 5.076.373.333   | 3.638.697.986     |
| Ông Nguyễn Hoàng Ngân - Thành viên                      | 1.994.106.070   | 4.901.224.102     |
| Ông Poramate Larnroongroj - Thành viên                  | 1.641.333.110   | 988.265.457       |
| Ông Phan Khắc Long - Thành viên                         | 1.095.740.262   | 988.265.457       |
| Bà Nguyễn Thị Minh Giang - Thành viên                   | 545.592.848     | -                 |
| <b>Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc</b>            |                 |                   |
| Tiền lương, thưởng và phụ cấp                           | 8.583.282.694   | 8.639.558.084     |
| <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>                         |                 |                   |
| Tiền lương, thưởng và phụ cấp                           | 3.191.056.479   | 2.221.863.998     |

### VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

#### 3. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

|  | 2023                 | 2022                 |
|--|----------------------|----------------------|
| Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính  | 850.000.000          | 1.258.300.000        |
| Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính | 367.000.000          | 374.750.000          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>1.217.000.000</b> | <b>1.633.050.000</b> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người rà soát:

Người duyệt:



Phạm Mạnh Tuấn  
Kế toán Tổng hợp

Phùng Hữu Luận  
Kế toán trưởng

Chaowalit Treejak  
Tổng Giám đốc



**NHỰA BÌNH MINH®**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (84) 28 3969 0973

Fax: (84) 28 3960 6814

[www.binhminhplastic.com.vn](http://www.binhminhplastic.com.vn)